



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**

Hình ảnh: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 — U.S.A.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG BACH PHẬT ĐẢN PL.2556** (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK), trang 7
- ♦ **MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN, KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN** (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ **CẨM NIỆM PHẬT ĐẢN** (Thích Thái Hòa), trang 9
- ♦ **SỰ KHÁC NHAU GIỮA GIỚI LUẬT VÀ LUẬT PHÁP; NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO** (Tâm Hạnh), trang 10
- ♦ **TÌM HIỂU NGÀY PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ VESAK** (Huỳnh Kim Quang), trang 14
- ♦ **CHƯƠNG TRÌNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL. 2556 – 2012 TẠI NAM CALIFORNIA**, trang 16
- ♦ **THÀNH PHẦN NHÂN SỰ BAN TỔ CHỨC LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ**, trang 18
- ♦ **THỰC TẬP BẢY BƯỚC HOA SEN VÀO NGÀY PHẬT ĐẢN SANH** (Thích nữ Tịnh Quang), trang 19
- ♦ **THỊ HIỆN ĐẢN SANH, THỊ HIỆN NIẾT BÀN** (Hạnh Chi), trang 24
- ♦ **NỖI SÀU NHAM THẠCH** (thơ Hàn Long Ân), trang 26
- ♦ **NẮNG KHÔNG RỌI BÊN TÔI** (Đào văn Bình), trang 26
- ♦ **VÒNG XOÁY CỦA NGHIỆP LỰC** (Cư sĩ Liên Hoa), trang 27
- ♦ **THÔNG BÁO VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 2 – 2012** (Ty Kheo Thích Đồng Tuyên), trang 32
- ♦ **ĐỨC PHẬT ĐẢN SANH qua thi phẩm “ÁNH SÁNG Á CHÂU” của SIR EDWIN ARNOLD** (Trần Phương Lan dịch và chú giải), trang 33
- ♦ **CÓ GÌ NƠI MỘT CÁI TÊN?** (Vĩnh Hào), trang 37
- ♦ **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC tiếp theo** (HT. Thích Thăng Hoan dịch), trang 38
- ♦ **MẸ CỦA PHẬT** (Ngọc Bảo), trang 41
- ♦ **THỊ HIỆN** (thơ Thủy Lâm Synh), tr. 43
- ♦ **BẢO VỆ MẮT TRƯỚC TÁC HẠI CỦA MÁY VI TÍNH** (Bs. Đỗ Châu Oanh, O.D.), trang 47
- ♦ **RỒNG LẠNG** (thơ Tâm Thường Định), trang 48
- ♦ **NHỚ QUÊ XƯA** (thơ Minh Giới), tr. 48
- ♦ **LỜI PHẬT DẠY VỀ PHÁP TƯỚNG** (Cư sĩ Nguyên Giác), trang 49
- ♦ **THIÊN THẦN QUÉT LÁ** (thơ Thiên Thần Quét Lá), trang 53
- ♦ **TÀU HỦ CHIẾN VỚI NĂM XÀO RAU** (Điều An), trang 57
- ♦ **ÁNH HÀO QUANG CỦA PHẬT...** (Hoang Phong dịch và ghi chú), tr. 59
- ♦ **MƯỜI ĐÓA SEN DẰNG PHẬT** (thơ Thiên Hương), trang 63
- ♦ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 2. PHÁP tiếp theo** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao dịch), trang 64
- ♦ **CÓ MỘT CHIỀU** (thơ Mỹ Huyền), tr. 65
- ♦ **TRAO TRUYỀN GIỚI LUẬT PHẬT ĐẢ...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 66
- ♦ **TÂM BÌNH** (thơ Diêu Linh), trang 67
- ♦ **NGỌN NÉN TRONG ĐÊM** (Mặc Không Tử), trang 68
- ♦ **ÔNG PHẬT NHỎ** (Tâm Minh Vương Thúy Nga), trang 73
- ♦ **TÂM ĐẠI BI** (Thích nữ Trí Hải dịch), trang 76
- ♦ **CHUYÊN TRÊN ĐÔI HOA SỨ** (Lam Khê), trang 78
- ♦ **HÌNH ẢNH LÊ TIỂU TƯỜNG CÓ HT. THÍCH TRÍ CHƠN** (Dzũng Nguyễn), trang 80
- ♦ **NHƯ MỘT GIÒNG SÔNG** (Thích nữ Giới Định), trang 81
- ♦ **THỜI QUÊ** (thơ Phi Thúy), trang 82



Báo Chánh Pháp số 5, tháng 4 năm 2012, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thở toa soạn

Khát vọng kỳ cùng của con người, của chúng sanh, là bất tử. Nhưng bao nhiêu ngàn năm trôi qua, chẳng thấy ai được bất tử, dù kẻ ấy là quân vương nhiều quyền lực, lắm tiền của. Từng cá nhân, từng mệnh đời nằm xuống. Từng chính thể, từng chế độ suy tàn, rồi diệt vong. Bất quá, người ta có thể dùng tiền bạc hay công sức để mua được sự trường sinh bằng y dược, hay các phương thức thể dục, dưỡng sinh. Nhưng trường sinh cũng không thẳng nỗi nghiệp báo, không vượt qua được cửa ngõ vô thường; nói chi điều viễn vông là bất tử.

Đức Phật đản sinh ở cõi này, không phải để ban phát cho chúng ta một đời sống vĩnh hằng nơi thế giới nào đó. Ngài luôn nhắc chúng ta về sự bất định, chuyển biến không ngừng của mọi sự mọi vật. Tất cả các pháp hữu vi, những gì có hình thể, sắc tướng, cho đến những gì thuộc về tâm thức nhưng do duyên hợp mà sinh, thì đều vô thường, biến hoại. Nghĩa là không có một thân xác hay linh hồn trường sanh, bất tử nào cả.

Chỉ cái gì bất sinh, cái đó mới bất diệt.

Kỳ diệu thay! Đó lại là cái mà tất cả chúng sanh đều có, bình đẳng như nhau: Phật tánh.

Phật tánh đã sẵn có nơi chúng ta, dù sinh ra ở giới tính nào, chủng tộc nào, quốc gia nào, cũng đồng đẳng, không hơn không kém; và dù trôi lăn trong vòng lục đạo bao nhiêu đời kiếp luân hồi, cũng không giảm thiểu hay mất đi.

Đức Phật thị hiện nơi đời là để nhắc nhở chúng ta điều ấy. Rằng với Phật tánh sẵn có, chúng ta có khả năng giác ngộ, trở thành bậc đại giác như đức Phật. Tất nhiên việc thành Phật không đơn giản chỉ là tri ngộ về bản thể chân tánh của mình, mà phải qua sự chứng nghiệm toàn vẹn của một tiến trình tu tập, tích tạo công đức, đãi lọc các phiền não và sở chướng, vượt qua các sở kiến sở chấp... Nhưng ít nhất, trong ý chí vươn lên, trong khát vọng giải thoát, thì tri kiến ban sơ của người học Phật, rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chính là nền tảng để từ đó cất những bước chân hướng về chánh quả.

Đây là niềm hạnh phúc to lớn nhất của người con Phật. Hạnh phúc vì đức Phật ra đời, mở bày cho chúng ta về kho tàng mà chúng ta sẵn có. Hạnh phúc vì sau khi Ngài nhập Niết-bàn, đã để lại giáo pháp vi diệu để chúng ta học hỏi, suy nghiệm. Hạnh phúc vì hàng xuất gia đệ tử Phật, thừa tiếp con đường cao rộng của Ngài, trực tiếp hướng dẫn chúng ta tu tập hành trì, cùng hướng về giải thoát giác ngộ.

Như vậy, thay vì tìm cầu một đời sống bất tử không thể có trong thế giới sinh diệt huyền mộng, chúng ta hãy tu tập theo chánh pháp để đạt đến cảnh giới bất sinh bất diệt. Cảnh giới ấy, chẳng ở đâu xa. Chính là Phật tánh sẵn có nơi tất cả chúng ta.

Cúng dường Phật Đản không gì quý hơn là mỗi người trở về với bản tâm của mình, vận dụng lòng đại bi, hiển hiện tánh Phật trong đời sống hàng ngày, để con người thương yêu nhau, xã hội bình đẳng không tranh chấp, và thế giới thực sự hòa bình an lạc.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

BẮC IRELAND: 2 tượng Phật bị đánh cắp từ bảo tàng Bắc Ireland

Một băng đảng vũ trang bằng gậy bóng chày đã đánh cắp 2 tượng Phật quý giá từ bảo tàng Ulster Folk ở ngoại ô Belfast.

Ba người đàn ông đã đập vỡ tủ kính đựng các pho tượng nhỏ trong cuộc đột kích ban ngày, ngay trước 12 giờ trưa ngày 28-2-2012.

Một phát ngôn viên của bảo tàng nói rằng các tượng trang trí công phu bị đánh cắp này gồm một tượng bằng gỗ và một tượng bằng kim loại mạ vàng, có niên đại từ thế kỷ 19.

Nhóm người ấy đã lái một xe Audi màu đen đến bảo tàng và thực hiện vụ cướp.

Không có ai bị thương trong vụ việc này.

Các thám tử cho biết họ đang phát đi hình ảnh các pho tượng bị đánh cắp để ngăn chặn bọn cướp gạ bán, và để bảo đảm các tượng được an toàn về lại với bảo tàng.

(Tipitaka Network – March 2, 2012)

NHẬT BẢN: Điêu khắc tượng Phật từ cây gãy đổ do sóng thần

Ichinoseki. Iwate – Nhà điêu khắc Shomyo Ishikawa, 52 tuổi, đã cống hiến đời mình cho việc chạm khắc các tượng Phật từ những cây của thành phố Rikuzentakata bị sóng thần tàn phá, và dự định cúng dường tượng cho các chùa tại đó.

Ông dùng những cây thông từ vùng Takatamatsubara thuộc thành phố Rikuzentakata ở Quận Iwate – nổi tiếng với khu rừng thông thẳng cánh trước khi nó bị sóng thần tàn phá vào ngày 11-3-2011.

Bản thân là một người sống sót sau sóng thần, ông Ishikawa hy vọng sẽ cúng dường các tượng cho 23 ngôi chùa ở Rikuzentakata trước ngày kỷ niệm năm đầu tiên sau thảm họa, để mọi người có thể cầu nguyện cho sự siêu thoát của linh hồn các nạn nhân.

Ông đã nhận được các cây thông từ một tổ chức tình nguyện vốn đang dọn dẹp các

bãi biển ở Takatamatsubara.

Các tượng jizo do ông Ishikawa làm cao khoảng 26 cm, với lớp sơn mài "urushi" và vàng lá do các nghệ nhân ở Kyoto trợ giúp. Mỗi tượng có giá khoảng 250 nghìn yen, với hộp đựng, bài vị và phần đáy.

Nhà điêu khắc này đang tìm những người ủng hộ cho dự án của mình.

(The Mainichi Daily News – March 1, 2012)



Bảo tàng Taxila, Pakistan - Photo: Danial Shah

PAKISTAN: Phái đoàn Ấn Độ viếng Bảo tàng Taxila

Bên lề chuyến thăm chính thức Pakistan để bình thường hóa quan hệ giữa 2 nước, phái đoàn đại biểu quốc hội Ấn Độ đã viếng di tích Phật giáo tại bảo tháp Dharmarajika và Bảo tàng Taxila vào ngày 1-3-2012.

Phát ngôn viên của phái đoàn Ấn Độ nói, "Tôi rất vui mừng khi đến viếng nơi xưa kia nền văn minh vĩ đại của Phật giáo phát triển rực rỡ, và hôm nay chúng tôi một lần nữa muốn truyền đi thông điệp hòa bình và bình đẳng từng được phát huy từ nơi này cách đây nhiều thế kỷ".

Các đại biểu Ấn Độ đã được Tiến sĩ Fazal Dad Kakar, Tổng giám đốc Sở Khảo cổ học Liên bang và Phó Giám đốc Anshad Khan của Sở Khảo cổ học Punjab cùng các quan chức Pakistan khác tiếp đón.



Hai pho tượng Phật bị đánh cắp tại Bảo tàng Ulster Folk, Bắc Ireland - Photo: Tipitaka Network

Vào dịp này, người phụ trách Bảo tàng Taxila là Nasir Khar đã thuyết minh với phái đoàn về lịch sử và tầm quan trọng của nền văn minh cổ Taxila, và về các hiện vật trưng bày tại Bảo tàng.

(DAWN.com – March 2, 2012)

NHẬT BẢN: Nhà sư Nhật bảo vệ tro cốt các nạn nhân vô danh của trận sóng thần

YAMAMOTO, Nhật Bản – Nhà sư Ryushin Miyabe đã gìn giữ tro cốt của một số nạn nhân vô danh của trận sóng thần, với hy vọng một ngày nào đó ông có thể trao lại cho gia đình của họ.

Vào năm ngoái, hàng ngày sư Niyabe cầu nguyện và thắp hương cho các linh hồn được ông chăm sóc tại chùa Myokoin ở Yamamoto, một thị trấn nhỏ trên bờ biển bị sóng thần đánh vào của Nhật.

Vào cuối tháng 01-2012, cuối cùng ông đã có thể trao lại di cốt của cậu bé 5 tuổi, được gọi là "số 906", khi bà ngoại của bé được xác định qua xét nghiệm DNA.

Người bà nói với sư Miyabe rằng mẹ của cậu bé cũng đã chết trong thảm họa, và bà đã kiếm cháu trai mình trong gần một năm.

Do quá tải về số nạn nhân thiệt mạng, có khi chính quyền đã giao phó cho sư Miyabe trông nom tro cốt của 30 người. Và sau khi cậu bé 5 tuổi đã được đoàn tụ với gia đình, ngôi chùa của sư Miyabe hiện chỉ còn lại một bình tro cốt.

(AFP – March 3, 2012)



*Nhà sư Ryushin Miyabe
Photo: AFP*

TRUNG QUỐC: Khai quật 2.895 tượng Phật tại tỉnh Hà Bắc

Các nhà khảo cổ Trung quốc đã tìm thấy 2.895 tượng Phật cổ được làm bằng đá cẩm thạch và đá xanh tại một địa phương của tỉnh Hà Bắc, đông bắc Trung quốc.

Số tượng Phật và mảnh vỡ này có niên đại thuộc thời Đông Ngụy và Bắc Tề (543-577), được tìm thấy ở di tích lịch sử Yecheng tại quận Linzhang.

Các nhà khảo cổ từ Viện Khảo cổ của Học viện Khảo học Xã hội Trung quốc và Viện Di sản Hà Bắc cho biết rằng một số tượng được sơn hoặc mạ vàng.

Các tượng có kích thước từ cỡ 20 cm đến cỡ lớn bằng người thật, đang được các nhà khảo cổ sửa chữa để bảo vệ và nghiên cứu.

(Big News Network – March 7, 2012)



*Đầu của một tượng Phật bị vỡ trong số 2.895 tượng được khai quật tại Hà Bắc, Trung quốc -
Photo: Reuters*

THÁI LAN: Căn cứ Hải quân Sattahip tham thiên vào ngày Makha Bucha

Vào ngày Makha Bucha (nhằm ngày 7-3-2012) – ngày trăng tròn đánh dấu 9 tháng sau khi Đức Phật giác ngộ, khi 1.250 vị A la hán tụ hội để nghe Giáo pháp của Đức Phật cách đây 2.600 năm – 300 sĩ quan của Căn cứ Hải quân Bảo vệ Bờ biển Sattahip đã cử hành các nghi lễ và cầu nguyện để được công đức.

Sau đó là phần thiền định để tồn tâm và suy nghiệm theo con đường của Đức Phật. Sự an định chắc chắn sẽ giúp các sĩ quan

tập trung vào những nhiệm vụ thường nhật của họ, và giúp họ trong việc giải quyết cuộc sống đời thường.

Căn cứ hải quân Sattahip luôn luôn tham gia vào các lễ kỷ niệm tôn giáo để giúp phát huy Phật giáo cho thế hệ sau, và dành công đức này cho Đức Vua và Hoàng hậu.

(PATTAYA PEOPLE – March 8, 2012)



Các sĩ quan của Căn cứ Hải quân Sattahip tham thiên trong ngày Makha Bucha - Photo: Pattaya People

VƯƠNG QUỐC ANH: Tu sĩ Phật giáo tổ chức bán đấu giá nghệ thuật để mua Bến tàu Brighton

BRIGHTON, Vương quốc Anh – Kelsang Pawo, một vị du tăng sinh tại Anh, đang hy vọng sẽ quyên quỹ để giúp mua Bến tàu Brighton bằng cách tổ chức một cuộc bán đấu giá tác phẩm nghệ thuật.

Được chào bán từ 9 tháng nay, bến tàu Brighton có trị giá ước tính ít nhất 25 triệu bảng.

Sư Kelsang Pawo muốn mua công trình kiến trúc này và biến đổi nó thành một biểu tượng của niềm hy vọng và tình yêu toàn thế giới.

Ông đã đưa ra dự án Quỹ Cung Bến tàu Gesar, khởi đầu bằng cuộc bán đấu giá nghệ thuật mà ông hy vọng sẽ quyên được 500 nghìn bảng.

Ông nói rằng Bến tàu Brighton có thể trở thành công trình cột mốc đầu tiên trên thế giới được điều hành bởi một tổ chức từ thiện, vì lợi ích của lịch sử, văn

hóa, cộng đồng và trẻ em địa phương.

Năm 2005, thông qua Quỹ Gesar, tăng sĩ Kelsang Pawo đã bắt đầu một chuyến đi khắp thế giới để giúp giảm bớt đau khổ của trẻ em.

(BBC – March 8)

TÍCH LAN: Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế mời người dự thi

Sanka Mewan Herath, nhà điều phối của Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế, cho biết sẽ nhận các tác phẩm phim mới từ các nhà sản xuất phim quốc tế và địa phương cho đến ngày 30-4-2012.

Đây là lần thứ tư của Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế này, do Quỹ Ánh sáng châu Á và Công ty Phim Tích Lan đồng tổ chức, diễn ra vào ngày 6 và 7-5-2012 nhân kỷ niệm Lễ Phật Đản 2012.

Các phim sẽ được chọn lựa theo 3 hạng từ phim Phật giáo nước ngoài và trong nước, gồm hạng xuất sắc, hay và tốt.

Các nhà tổ chức dự kiến có hơn 1 triệu du khách tham gia vào liên hoan phim Phật giáo Quốc tế dịp Lễ Phật Đản 2012.

(Big News Network – March 8, 2012)



Biểu trưng của Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế 2012 - Photo: dailynews.lk

ẤN ĐỘ: Các học giả Đức viếng các địa điểm Phật giáo quan trọng tại bang Hyderabad

Hyderabad, Ấn Độ - Một nhóm các học giả từ trường đại học Wurzburg của Đức nhiệt tình thực hiện một số công trình dự án

về phát triển các địa điểm và di tích Phật giáo tại bang Andhra Pradesh.

Họ đã thăm văn phòng của ông P. Chenna Reddy, giám đốc khảo cổ học và bảo tàng, và thảo luận với ông về vấn đề này.

Ông Chenna Reddy nói rằng các vị học giả, là những người giảng dạy Phật giáo tại trường đại học Wurzburg trong nhiều năm, đã quan tâm đến việc viếng thăm các địa điểm Phật giáo tại bắc Andhra và vùng Telangana.

Họ cũng sẽ thăm các địa phương khác để nghiên cứu về sự phân bố các khu định cư Phật giáo trên khắp bang Andhra Pradesh, và về sự phát triển của các khu này tính đến thời Trung cổ từ Trường Triết học Thượng Tọa Bộ và Trường Triết học Kim Cương Thừa.

Ông Chenna Reddy giải thích rằng các bước này được chính quyền bang thực hiện, để phát triển các địa điểm và di tích Phật giáo như là những điểm đến du lịch quan trọng.

(Express News Service – March 9, 2012)

NHẬT BẢN: Chùa Jihuku ở Quận Miyagi tổ chức lễ tưởng niệm nạn nhân sóng thần

Miyagi, Nhật Bản – Ngày 10-3-2012, lễ tưởng niệm thường niên lần thứ nhất nạn nhân sóng thần đã được tổ chức tại ngôi chùa 300 năm tuổi Jihuku ở thành phố Kesenuma, Quận Miyagi. Lễ cầu nguyện được cử hành bởi 30 nhà sư, và đèn lồng bằng tre được sắp xếp để cầu siêu cho linh hồn của các nạn nhân.

Mọi người chấp tay cầu nguyện, và vào cuối lễ họ cùng hát bài "Hãy nhìn lên bầu trời sao".

Thượng tọa Hidemitsu Katayama của chùa Jihuku nói, "Quên đi nỗi buồn và đứng dậy để bước tới với những gì chúng ta có thể làm là cách phụng sự tốt nhất cho những người đã khuất".

1.400 đèn lồng tre là con số của các nạn nhân tại Quận Oita. Những người tình nguyện từ

Quận Oita đã chuẩn bị số đèn lồng này để xếp thành hàng từ chùa đến tháp tưởng niệm ở bờ biển, với chiều dài khoảng 800 mét.

(alltop.com – March 13, 2012)



Đèn lồng tre được sắp xếp thành hàng tại lễ cầu nguyện

MIỄN ĐIỆN: Tu sĩ Phật giáo giúp vị linh mục mở phòng khám bệnh

Nhờ những nỗ lực của một tu sĩ Phật giáo, mong ước của vị linh mục Công giáo về việc mở phòng khám miễn phí cho người nghèo tại Miễn Điện đã được thực hiện.

Cha John Aye Kyaw, linh mục giáo xứ Nhà thờ Thánh Tâm tại Mandalay, nói rằng tất cả đã thành hiện thực sau khi ông nói điều mình muốn làm với một nhóm liên tôn giáo.

Có mặt tại cuộc họp, Thượng tọa Seinnita, một tu sĩ Phật giáo tham gia vào nhiều dự án xã hội, liền đáp lời và tình nguyện biến ước mơ này thành hiện thực.

Là người điều hành quỹ Ánh sáng Á châu, một tổ chức thực hiện các hoạt động xã hội như công tác cứu trợ thảm họa và kêu gọi hiến máu, thượng tọa Seinnita nói rằng một tăng sĩ khác từ Mandalay đã dành một nơi trong tu viện của ông cạnh bờ sông Irrawaddy để làm phòng khám.

Phòng đã mở cửa lần đầu tiên vào đầu tháng 3-2012, với hoạt động khám chữa bệnh của 15 bác sĩ tình nguyện và một số y tá, và do một ban gồm 13 tình nguyện viên Phật tử quản lý.

Trong một thời gian ngắn từ khi phòng khám mở cửa, đã có hơn 300 bệnh nhân được điều trị.

(ucanews.com - March 15, 2012)



Vị linh mục và 2 tăng sĩ tại lễ khánh thành phòng khám bệnh miễn phí - Photo: ucanews.com

HOA KỲ; Hội nghị chuyên đề về Đại sư Dogen

Santa Fe, New Mexico - Vào tháng 7 năm nay, một nhóm các vị thầy và học giả Phật giáo nổi tiếng sẽ chủ trì hội nghị chuyên đề 3 ngày để tìm hiểu và kỷ niệm các tác phẩm của Eithei Dogen, người sáng lập Thiền phái Soto (Tiệm Ngộ) của Nhật Bản.



Đại sư Dogen (1200-1253), người sáng lập Thiền phái Soto - Photo: upaya.org

Hội nghị sẽ diễn ra từ ngày 12 đến 15-7-2012 tại Trung tâm Thiền Upaya, một trong những trung tâm Phật giáo danh tiếng nhất thế giới trong lĩnh vực của Phật giáo dẫn thân về xã hội, được thành lập vào năm 1990.

Hội nghị sẽ là diễn đàn về đại sư Dogen (1200-1253), một vị tăng sĩ Nhật Bản nổi tiếng với tác phẩm Shobogenzo, được xem là một kiệt tác của văn học tôn giáo thế giới. Giáo lý và văn phong của ông được các thế hệ thiền phái Soto tôn quý.

(The Buddhist Channel - March 16, 2012)

HONG KONG: Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế (IBFF) 2012

Đêm khai mạc IBFF 2012 đã diễn ra vào ngày 16-3-2012 tại Rạp Miller của Trung tâm Châu Á ở Hong Kong, với phim "Trong vùng Mây Trắng" của Đạo diễn Edward Burger được trình chiếu. Đây là một phim tài liệu được quay tại Trung quốc về các vị tăng sĩ ẩn tu người Trung quốc.

Năm nay đánh dấu kỷ niệm lần thứ 10 của IBFF, và các liên hoan mới của năm 2012 này được tổ chức tại Hong Kong, Luân Đôn và Bangkok.

Giám đốc Điều hành IBFF Gaetano Kazuo Maida nói, "Chúng tôi đã sàng lọc hàng trăm bộ phim từ những phim đề trình, phim nghiên cứu lưu trữ và phim mời. Số phim này gồm phim truyền hình, phim hài, phim tài liệu và các tác phẩm hoạt hình từ hơn 10 nước".

Các buổi chiếu lại của tất cả các phim trong chương trình sẽ diễn ra cho đến ngày 12-5-2012. (buddhistfilmfoundation.org - March 18, 2012)

Một số phim trong chương trình Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế 2012:

Phim: Một vị Phật (Argentina) -->



Phim: Đức Phật (Hoa Kỳ)



Phim: Người hành hương vĩ đại (Trung quốc)

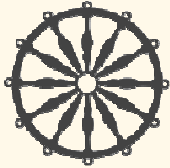


Phim: Nghiệp chương (Nepal)



Phim: Chánh niệm và sát nhân (Thái Lan)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (949) 986-2433

Thông Bạch Phật Đản Phật Lịch 2556 - 2012

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Giáo Phẩm, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni.

Kính thưa quý Cư sĩ, Thiện nam, Tín nữ, Phật tử.

Kính thưa liệt quý vị,

Ngày Phật đản là ngày cho toàn thể tăng tín đồ cùng hướng về đức Bốn sư Thích ca Mâu ni để tổ chức lễ hội, tư duy, thiền quán... Đặc biệt năm nay, Giáo hội tổ chức Lễ Hội Phật Đản Quốc Tế với sự tham gia của các cộng đồng Phật giáo tại Hoa Kỳ. Sự kiện này nói lên đà phát triển của Đạo Phật trên đất nước đa sắc tộc, tín ngưỡng và văn hóa. Trải qua nhiều thập niên, những người di dân mang tín ngưỡng Phật giáo đã nỗ lực và cống hiến những gì có thể mang đến cho cư dân Hoa Kỳ về hiểu biết, hành thiện và sự sống an lạc từ giáo pháp của Như Lai.

Giáo hội tán dương công đức chư tôn đức Tăng Ni và nam nữ Cư sĩ, Phật tử đã và đang cống hiến năng lực, trí tuệ, tài chánh cùng thời gian để góp phần vào việc phát triển Phật giáo tại Hoa Kỳ. Nhìn lại ba mươi bảy năm, Phật giáo Việt nam tại Hoa Kỳ đã phát triển từ cơ sở, quần chúng Phật tử và ảnh hưởng sâu rộng đến người bản xứ trên hầu hết các tiểu bang. Mỗi tự viện, tu viện là những nơi tu học hằng tuần cho thiện nam tín nữ; là nơi các lớp Việt ngữ, Văn hóa, Phật pháp, Võ thuật cho các con em chúng ta. Người Phật tử Việt di dân đến quê hương này với hai bàn tay trắng và một tấm lòng kiên quyết: Đi Tới, học theo động thái đi tới của đức Thế tôn trong lúc một tay đưa lên trời và một tay chỉ xuống đất.

Thông điệp Đi Tới nhắc nhở chúng ta thật nhiều trong mùa Đản Sanh, đặc biệt trước những thách đố mà Phật giáo Việt nam tại Hoa Kỳ phải đối diện. Trong những năm gần đây, có nhiều bài viết về Phật giáo, trong chủ ý muốn bóp méo lịch sử, đặc biệt sự hy sinh của Bồ Tát Thích Quảng Đức và nhiều cao tăng của Phật giáo chúng ta. Nhiều Tăng Ni, Cư Sĩ bức xúc trước sự nhục mạ ấy, nhưng xin quý vị cần bình tâm. Nếu có dính chính thì chỉ có trong cung cách khiêm cung và xác tín. Chúng ta quán chiếu rằng, đối lực sẽ tạo ra năng lực. Họ đã giúp năng lực cho Phật giáo Việt nam tại Hoa Kỳ. Trước hết là sự hiệp lực và kiên quyết Đi Tới của chúng ta. Người con Phật không thối chuyển tín tâm vì sự vu khống ấy. Không những vậy mà còn giúp chúng ta thực tập rằng, "hãy siết chặt tay nhau để bảo vệ Đạo pháp hồi những người con Phật" để chúng ta Đi Tới. Nếu không có ma quân làm sao biết được định lực, trí lực và chánh tín sâu dày của người đệ tử.

Hiện nay chương trình học Phật nở rộ nhờ vào phương tiện tin học. Đây là một thắng duyên may mắn. Học Phật là bước đầu của Tam Học. Tuy vậy, sự hành trì là điều quan yếu để chúng ta củng cố đạo lực và giải trừ phiền khổ trong cuộc sống. Học Phật như người bước lên xe và xe chạy là sự tu tập. Nếu lên xe mà không cho xe di chuyển thì chúng ta cũng chỉ dậm chân tại chỗ. Con đường đi tới an lạc là an lạc. Do vậy, tất cả đệ tử Phật phải nghiêm mật hành trì giáo pháp để xe được chuyển bánh mỗi ngày. Sự luận bàn nhiều về giáo pháp mà không thể hiện qua đời sống đạo chẳng giúp được gì sự bớt khổ. Cuộc sống tại Mỹ có quá nhiều âu lo và phập phồng, đặc biệt trước nền kinh tế suy thoái dài lâu hiện nay. Sự tu tập và hành trì giáo pháp sẽ giúp chúng ta bớt khổ đau và căng thẳng trong cuộc sống.

Khoá An cư năm nay sẽ tổ chức tại trụ sở Trung ương của Giáo hội. Giáo hội nhất tâm cung thỉnh chư tôn đức tăng ni thu xếp thời gian về tu tập trong mười ngày. Một hội chúng xuất gia cùng tu tập chung một trụ xứ, sẽ mang lại nhiều năng lực cho nhau. Những vị Trưởng lão sẽ lắng nghe những thao thức của các vị tân Tỳ kheo; các vị Tỳ kheo trẻ sẽ được lãnh hội nhiều kinh nghiệm hành đạo, tu đạo từ các bậc Trưởng lão. Thêm nữa, chư tôn đức Tăng Ni có cơ hội gặp nhau sau nhiều tháng ngày hành đạo nơi các tiểu bang đơn lẻ. Luật chế An cư, và chúng ta không thể lơ là luật ấy trong sinh hoạt thường niên của Giáo hội.

Trong mùa Phật đản năm nay, khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng Ni và thiện nam tín nữ thực tập Từ bi quán để rải tâm từ đến các nơi đang bị chiến tranh tàn, tương sát. Cầu xin cho người lãnh đạo và nhân dân của họ cộng sinh, cộng tồn thay cho máu đổ thịt rơi. Chúng ta cũng không quên hướng về quê hương Việt nam, cầu nguyện cho đất nước và dân tộc thịnh vượng, Phật pháp được xiển minh trong truyền thống thuần túy của Đạo giáo và bờ cõi được vẹn toàn.

Thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm, tôi thành tâm kính lễ chư tôn đức Tăng Ni và cầu xin đức Phật gia hộ quý Ngài Phật sự thuận duyên, thân tâm an lạc. Tôi xin gửi đến chư thiện nam tín nữ lời chúc cát tường và tinh tấn trong mùa Phật đản.

Trân trọng,

California, ngày 22 tháng 03 năm 2012

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

(ấn ký)

Mừng ngày Phật Đản

Ngày Phật Đản tin về mùa kỷ niệm
Rộn ràng lên người con Phật năm châu
Nghe nguồn vui mang sắc thái nhiệm màu
Niềm tin vững in sâu lòng thế nguyện
Bậc Đại Giác Ta Bà đã xuất hiện
Cứu quần sanh thoát khỏi biển trầm luân
Phá si mê người ngọn đuốc dẫn đường
Thuyền Bát Nhã vờn cao buồm trí tuệ
Người nhận thấy trần gian bao thế hệ
Phũ phàng lên kiếp nô lệ làm than
Tạo cho nhau giai cấp trói buộc ràng
Bị khống chế bởi quyền năng không tưởng
Cứ hy sinh suốt cuộc đời vất vưởng
Trong khổ đau đầy ác trước triền miên
Trôi xuống lên vòng sanh tử não phiền
Lôi cuốn mãi theo vô minh nghiệp báo
Người thương xót liền mở bày chánh đạo
Hương nẻo chân lời dạy bảo rõ ràng:
“Các con đây chính là Phật sẽ thành,
Đều bình đẳng, hãy mau lên Chánh Giác.”
Thật chân lý và tình thương bằng bạc
Lời ngọc vàng vẫn ghi tạc lòng son
Tiếng Pháp Âm vẫn vang dội chuông ngân
Chúng con nguyện bước theo chân Phật Tổ
Để nhớ ơn một bậc thầy giác ngộ
Gương hy sinh người tế độ trần gian
Ngày Đản Sanh thị hiện thật huy hoàng
Chúng con nguyện kết hoa đăng tưởng niệm.



Kỷ niệm Phật Đản

(Bài hát theo điệu tân nhạc)

Khắp chốn cùng nơi người con Phật năm châu,
Hân hoan đón mừng ngày Đản Sanh nhiệm màu,
Hình bóng Từ Tôn trong tha thiết niềm tin,
Trái lòng vị tha nguyện cứu vớt chúng sinh.

Chốn trần gian quán trọ tạm dừng chân,
Kiếp phù sinh đắng cay đoạn trường,
Lỡ vào đây trong bể khổ trầm luân,
Biết về đâu, ôi! Bờ giác mờ xa,
May nhờ Phật Tổ Thích Ca
Đạo vàng soi sáng lối ra.

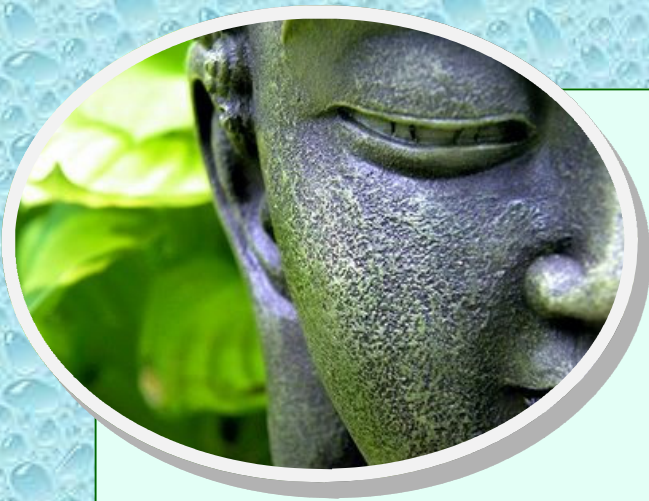
Trước Đài Sen trang nghiêm,
Hương trầm bay chập chờn,
Biết bao tâm hồn,
Thiết tha chân thành,
Nguyện cầu chư Phật chứng minh.

Kỷ niệm người xưa còn vang tiếng chuông ngân,
Khắc ghi nơi lòng lời giác ngộ huy hoàng,
Chúng con cùng nhau xin góp nhặt tình thương,
Tô bồi tương lai cho cuộc sống ngát hương.

(Hải Ngạn Tịnh Thất)

THẮNG HOAN





CẢM NIỆM PHẬT ĐẢN

Thích Thái Hòa

Mỗi khi làm lễ kỷ niệm Phật đản là Tăng Ni Phật tử chúng ta, lại có cơ hội đi về để tiếp xúc với ánh sáng tuệ giác của đấng giác ngộ.

Ánh sáng ấy đã đem lại niềm tin, sự hiểu biết, tình thương yêu, tâm hỷ xả, lòng bao dung, chí cương trực, đức vô úy và nếp sống hòa bình, hướng thượng cho Tăng Ni, Phật tử chúng ta đã trải dài hơn hai mươi sáu thế kỷ qua.

Trong kinh A Hàm, đức Thế Tôn dạy: "*Ngài xuất hiện giữa cõi đời là vì sự hạnh phúc và an lạc của chư Thiên và loài người. Ngài xuất hiện giữa cõi đời là dụng đứng lại những gì đã xiêu vẹo, khai mở những gì đã bị che lấp, bật đèn cho mọi người thấy, dẫn đường cho mọi người đi*".

Bởi vậy, đức Thế Tôn xuất hiện giữa cõi đời không như những Đấng Thần linh mà như một Đấng cùng với thế giới loài người dựng xây cuộc sống an bình, hạnh phúc - đức Thế Tôn xuất hiện giữa cõi đời không như những nhà hoạt động núp sau ánh sáng mà là một Đấng công khai tuyên bố sự thật cho cõi người. Đức Thế Tôn xuất hiện giữa cõi đời không như những nhà lập giáo và lập thuyết phân chia xã hội thành những đẳng cấp để thống trị mà là Đấng có khả năng hòa hợp mọi đẳng cấp của xã hội trong dòng máu cùng đỏ và trong dòng nước mắt cùng mặn, với cái nhìn "*Tất cả chúng sanh đều có Phật tính*". Đức Thế Tôn xuất hiện giữa cõi đời không như những ai đã tung vào thế gian những ngọn đèn mờ, hay đã từng vung kiếm phá hỏng các ngôi sao, hoặc đã từng làm giống bão che lấp ánh sáng mặt trời mà là Đấng xóa sạch mây mờ vô minh, để mặt trời tâm linh tỏ rạng chiếu sáng lên tâm khảm muôn loài. Và đức Thế Tôn xuất hiện giữa cõi đời, không như những ai chưa từng biết rõ con đường mà làm người dẫn lối, mà là Đấng đưa đường sau khi đã trải qua và biết rõ sự an nguy của mọi con đường.

Sự xuất hiện của đức Thế Tôn giữa cõi đời vô cùng cao quý, nên sáng nay trời đẹp, ánh sáng tuệ giác và tử bi vừa xuất hiện sau đêm dài vô minh phủ lối, chim chóc lại dậy hót ca, sau những ngày chiến tranh miệng lưỡi, cây cỏ trở lại xanh tươi sau những ngày bão lửa thổi băng qua sa mạc kiếp người, và những con người lại biết nhìn nhau và ôm choàng nhau mà khóc cho tan đi những tháng ngày ngăn cách bằng giá.

Đức Thế Tôn, Ngài đã bất diệt giữa muôn ngàn diệt sinh của dòng đời, Ngài là bất động giữa những biến động; Ngài là Đấng giải thoát ngay giữa thế giới hệ lụy; Ngài đã rải lòng tử bi đến những kẻ cuồng bạo đã từng đánh phá và phi báng Ngài.

Bởi vậy, Ngài là chỗ đi về, là nơi nương tựa an toàn cho hết thảy muôn loài.

Nên chúng ta đã gặp Ngài trên muôn vạn nẻo đường của sự sống. Ngài là dòng suối ngọt chảy dịu hiền và thấm sâu vào lòng đất của quê hương tâm linh, khiến cho ruộng đồng, vườn tược của quê hương đều thơm phức mùi nhân ái. Ngài đã làm cho trái tim của mẹ sâu và rộng hơn cả đại dương, Ngài đã làm cho tim của cha cao với vợ như núi cả, và Ngài đã chuyển hóa trái tim của tuổi thanh xuân thành những trái tim sáng trong và hiểu hạnh, tự trọng và tự giác để đứng lên cùng nhau dựng xây bảo vệ sự sống, bảo vệ công bình, bảo vệ tự do và mọi phẩm giá cao quý của con người.

Sự hiện hữu của Thế Tôn giữa đời như những làn gió mát, thổi qua giữa những trưa hè oi bức, làm dịu lại những chặng đường tử sinh, gió tung cát bụi khiến cho những con sâu, con kiến cũng có được một cuộc sống an bình.

Như vậy, sự xuất hiện của đức Thế Tôn giữa cõi đời là một ân đức lớn không phải chỉ cho chúng ta mà còn cho hết thảy muôn loài. Trong giờ phút thiêng liêng này, tất cả Tăng Ni, Phật tử chúng ta dù đang ở trong hoàn cảnh nào, cũng đều cùng nhau chấp tay thành búp sen đưa thân về với tâm, đưa hơi thở về với ý thức tỉnh giác, rải lòng tử bi và sự bao dung đến khắp cả muôn nơi, để làm lễ tưởng niệm và cúng dường ngày thị hiện Đản sanh của **Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni** của tất cả chúng ta.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA GIỚI LUẬT VÀ LUẬT PHÁP; NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

Tâm Hạnh

Để trở thành một phật tử, bước đầu, tất cả chúng ta đều phát nguyện thọ trì Ba Quy-y và Năm Giới (Pali: Ratanataya, panca-sila) với một vị thầy khéo thay mặt Tăng bảo. Tuân tự, người phật tử học tập về Bồ thí, trì giới, Nhân Quả, Luân Hồi, Mười Nghiệp đạo, duyên khởi, bốn Thánh Đế, các Ba-la-mật, v.v... để làm nền tảng và hành trang cho sự tu tập. Giữa sự quy y Tam Bảo và sự chấp thuận gia nhập đoàn thể thế tục gia tôn giáo nào đó, giữa giới luật và luật pháp thế gian, giữa năm giới và mười nghiệp đạo, giữa định luật nhân quả và nghiệp báo,



khác nhau như thế nào về nội dung, hình thức, sự vi phạm, sám hối, mục đích của nó là những điều mà người phật tử chúng ta cần hiểu rõ. Nếu không hiểu rõ sự khác nhau đó, chúng ta sẽ không thấy được sự khác nhau giữa hạnh phúc tinh thần của người Phật tử và hạnh phúc dung tục của thế tục; nhất là không thấy được mục đích tu học theo Phật giáo. Nếu không hiểu rõ được những giáo pháp căn bản này, tuy rằng chúng ta là những người Phật tử nhưng sẽ dễ dàng tu học lệnh hướng và tất nhiên sẽ đưa đến những kết quả ngoài Phật giáo. Đức Phật dạy: *"Hạt lúa mì được đặt đúng hướng sẽ làm thủng vào ngón tay. Nếu không được đặt đúng hướng, hạt lúa mì sẽ không làm thủng vào ngón tay."* (kinh Tăng chi_phẩm Hạt lúa mì_ T. Minh Châu)

Có khi, chúng ta đã từng suy nghĩ hay nghe: "Đạo nào cũng tốt, cũng dạy làm lành bỏ dữ". Nếu chỉ dừng ở chỗ làm lành lánh dữ thì chỉ cần luật pháp của quốc gia, chẳng cần sự có mặt của đạo đức tôn giáo. Nếu chỉ cần làm điều thiện để được hưởng khoái lạc ở cõi trời, cõi người thì các tôn giáo khác cũng có, và giáo pháp do Đức Phật chúng ngộ và giảng dạy đã không xuất hiện ở đời. Đây là những điều mà người Phật tử chúng ta cần ghi nhận.

Sống giữa thế giới này, có biết bao hiện tượng tự nhiên mà chúng ta không thể giải đáp; biết bao sự lo sợ, đau khổ từ bản thân, xã hội hay thiên nhiên mà chúng ta không thể vượt qua; biết bao hạnh phúc, bình an mà chúng ta không thể giữ

được. Để mưu cầu hạnh phúc bằng cách bảo vệ hay phát triển quyền lợi và địa vị của mình hay do những thế lực khác bắt buộc, chúng ta gia nhập vào những đoàn thể thế tục nào đó. Sự gia nhập những tôn giáo khác, ngoài những lý do phổ thông như trên, còn là từ sự sợ hãi trước thế lực của thiên nhiên, mục đích để cầu mong sự che chở; hay chấp nhận sự phán quyết của các Thần Linh, Thượng Đế theo tôn giáo ấy để an tâm lập mệnh.

Khác hẳn với hai trường hợp trên, người Phật tử bằng sự hiểu biết trí

thức, tự nguyện quy-y Tam Bảo với ý nghĩa:

Quy-y Tam bảo: là trở về (gacchati) nương tựa (Saranà) nơi ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Lấy ba ngôi báu hay ba điều quý báu (Ratanataya) làm tôn chỉ, làm mục đích, làm kim chỉ nam cho nếp sống tinh thần của mình.

Mục đích đời sống của con người là hạnh phúc, nhưng hạnh phúc không thể có được khi con người làm nô lệ cho vô minh, tà kiến chấp thủ, ái dục. Hạnh phúc không thể có khi con người còn nô lệ cho niềm tin mù quáng. *"Tự buộc mình phải tin tưởng và chấp nhận một điều mình không hiểu gì hết, là một thái độ chính trị, không phải thái độ tâm linh hay trí thức."* Đức Phật dạy những gì_W.R.N.S Trí Hải dịch_ (To force oneself to believe and to accept a thing without understanding is political, and not spiritual or intellectual. What the Buddha taught_Walpola Rahula)

"Khát ái không chỉ là ham muốn, bị trói buộc vào khoái lạc giác quan, tài sản, quyền lực, mà còn là ham muốn, bị trói buộc vào những tư tưởng, lý tưởng, quan điểm, lý thuyết, khái niệm và niềm tin (dhammatanà, pháp ái). Theo sự phân tích của Phật, tất cả tranh chấp trên đời, từ gây gổ trong gia đình cho đến đại chiến giữa các quốc gia, đều có gốc rễ ở khát ái này. Theo quan điểm ấy, mọi vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội đều có cội rễ là lòng tham vị kỷ. Những chính khách muốn dàn xếp những tranh chấp quốc tế mà chỉ bàn chiến tranh và hòa

bình trong lãnh vực chính trị, kinh tế là chỉ chạm cái vỏ ngoài, không bao giờ động đến cội gốc đích thực của vấn đề. Như Phật đã dạy tôn giả Ratthapàla: "Thế gian thiếu thốn, khát khao và nô lệ cho dục vọng (tanhàdàso)." (Đức Phật dạy những gì_Walpola Rahula_N.S Trí hải dịch)

Muốn thoát khỏi những trói buộc đó, con người cần phải trở về sống sáng suốt, định tĩnh, trong lành, nghĩa là trở về nương tựa nơi Phật (sáng suốt, tinh thức), Pháp (định tĩnh, chân thật), Tăng (trong lành, hòa hợp), vì đó là ba điều kiện quý báu và đầy đủ hơn cả cho hạnh phúc đích thực của con người.

Đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú 160: "*Ta là nơi nương nhờ của ta, không ai khác là nơi nương nhờ của ta được, khi ta đã thuần tịnh thì đó là nơi nương nhờ hy hữu.*" Như vậy, đức Phật đã khẳng định quy-y Tam Bảo chính là tự quy-y vậy.

Quy-y Phật có hai phương diện:

Quy y Bậc đã hoàn toàn giác ngộ, nghĩa là nhận Đức Phật là bậc Thầy hướng đạo.

Quy y đức tính giác ngộ nơi chính mình, nghĩa là luôn sống sáng suốt, tinh thức trong hành động, lời nói và ý nghĩ, không mê muội buông lung theo vô minh, tà kiến chấp thủ, và ái dục.

Quy-y Pháp có hai phương diện:

Quy-y giáo pháp đức Phật. Giáo pháp được đức Phật khéo thuyết giảng. Pháp ấy có đặc tính: thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, hãy trở lại mà thấy, hướng thượng, bậc trí tự mình chứng ngộ. (Trung bộ kinh)

Quy-y thực tại chân lý ở chính mình.

Quy-y Tăng có hai phương diện:

Quy-y chúng tăng là noi theo gương các bậc xuất gia có đời sống theo đoàn thể thanh tịnh và hòa hợp, thể hiện bốn đức tính: thiện hạnh, trực hạnh, ứng lý hạnh, và chánh hạnh đang hành trì theo chánh pháp.

Quy-y những đức tính trong lành quý báu nơi chính mình như chúng tăng đã và đang đạt được.

Như vậy, quy-y Tam Bảo không phải là nương nhờ vào sự ban ơn giáng phúc hay cứu rỗi của Phật, Pháp, và Tăng. Quy-y Tam Bảo không phải là quy-y

với một vị thầy hay với một ngôi chùa nào cả. Một vị thầy xứng đáng, một ngôi chùa quy củ có thể sách tấn chúng ta luôn tự quy-y Tam Bảo. Một vị thầy có thể sai, một ngôi chùa có thể sụp đổ, còn quy-y Tam Bảo là sự hành trì từng giây từng phút không thể nào thiếu được. Chúng điệp quy-y chỉ có giá trị tượng trưng, không thể thay thế được chính tự quy-y, không thể để thờ hay để đốt theo khi chết hầu Diêm Vương xá tội. Không phải sau khi được làm lễ truyền thọ Tam Quy, Ngũ Giới là đã trở thành người Phật tử. Chỉ khi nào Tam Quy, Ngũ Giới được hành trì nghiêm chỉnh thì mới xứng đáng là người Phật tử. Quy-y xong mà vẫn sống theo mê tín, tin theo tà giáo, sống buông lung, phóng dật, thất niệm, hành động nói năng bất chính thì gọi là mất Tam Quy.

Nếu có chuyên cần thọ trì quy giới, nhưng có khi được, khi mất thì gọi là Tam Quy như chơ đợc, phải thường tự ăn năn sám hối, thọ trì quy giới lại. Theo truyền thống Phật giáo, mỗi nửa tháng Phật tử phải đến chùa để sám hối, thọ trì quy giới lại và nghe pháp để tự nhắc mình hành trì quy giới nghiêm túc hơn. Nếu không có chùa thì người Phật tử tự sám hối và đọc quy giới trước bàn thờ Phật trong nhà. Người căn cơ cao có thể luôn tinh tấn, chánh niệm, tinh giác thì khi thất niệm, chỉ cần tinh thức trở lại là đầy đủ Tam Quy.

Tóm lại, Tam Quy là luôn luôn tự mình tinh tấn, chánh niệm, tinh giác, để giữ thân, khẩu, ý của mình sáng suốt (quy-y Phật), định tĩnh (quy-y Pháp), trong lành (quy-y Tăng).

Một người đã vững bước trong sáng suốt, tinh giác, định tĩnh, chánh niệm và trong lành tinh tấn, người ấy được gọi là "Tịnh tín bất động nơi Tam Bảo", đã thấy đó là lẽ sống đích thực của mình, đã nhận ra nguồn chân hạnh phúc, Đức Phật gọi đó là người đã nhập dòng thánh, đã thấy rõ Tam Bảo nơi chính mình. Đó là ý nghĩa đích thực của quy-y.

Luật pháp thế gian được xây dựng theo luân lý, đạo đức, truyền thống, phong tục tập quán và quan điểm chính trị của chính quyền đại diện cho nhân dân ở đất nước đó. Hay nói cách khác, luật pháp nhằm khống chế, quản lý những đối tượng phản động, nguy hiểm, bất chính theo nhận thức, chủ trương, khái niệm của nhân dân và chính quyền ở địa phương đó. Như vậy, luật pháp thường mang tính cách địa phương, đúng hay sai, tốt hay xấu theo quan điểm chính trị, chủ quan, cục bộ, hoàn cảnh, chỉ có giá trị ở nước này, nhưng vô giá trị ở nước khác. Có khi, ngay trong một nước, tỉnh này, làng này, luật lệ cũng khác với tỉnh khác, làng khác. Hay nói cách khác, luật pháp được xây dựng trên quyền lợi của số đông, nhất là số đông có quyền lực chính trị chi phối xã hội đó và bị giới hạn bởi không gian, thời gian, đối tượng và trường hợp. Do tiêu chí đó, luật pháp có khi rất công bằng với số người này, nhưng bất công với số người khác theo quan điểm xã hội. Mục đích của Luật pháp là đem lại sự cân bằng ổn định, đồng thời bảo vệ đời sống hạnh phúc của những người theo quan niệm của xã hội đó. Nếu ai làm ngược lại, vi phạm thì có chiếc còng và nhà tù



hay cái chết dành cho họ. Trên lý thuyết, luật pháp bình đẳng với tất cả mọi người nhưng trên thực tế mọi người không bao giờ bình đẳng trước pháp luật.

Khác với luật pháp thế gian, **Giới luật của Phật giáo, được xây dựng trên từ bi và trí tuệ hiểu biết về nhân quả, nghiệp báo nên không bị giới hạn bởi không gian, thời gian, trường hợp và luôn bình đẳng với mọi đối tượng.** Tuy rằng khi chế định giới luật, Đức Phật có dựa trên nền tảng xã hội, văn hóa đương thời nhưng mục đích chú trọng sự giáo dục để phát triển khả năng đạo đức tốt đẹp nhất của con người, đem lại hạnh phúc thật sự cho con người và từng bước đưa họ vào thánh đạo. Do đó, muốn hiểu giới luật của Phật giáo thì phải biết rõ về định luật nhân quả, nghiệp báo. (xin xem *Câu xá luận*_phẩm Nghiệp).

Nhân quả và nghiệp báo khác nhau. Có khi có nhân quả mà không có nghiệp báo. Định luật nhân quả là tự nhiên, tất yếu, không thể chấm dứt nó được nhưng nghiệp báo thì ta có thể chấm dứt, giải thoát nó được. Muốn hiểu rõ về nhân quả nghiệp báo, chúng ta cần phải biết về những kiến thức giáo pháp cơ bản sau đây:

Những định luật của vũ trụ: có những định luật, những quy luật vận hành vũ trụ, chúng tương quan mật thiết với nhau và chi phối toàn bộ đời sống con người cùng vạn hữu. Những định luật, quy luật này mâu thuẫn nhau, tương tác nhau đã sinh ra vô vàn hiện tượng khác nhau như hữu tình, vô tình, trời đất, vũ trụ v.v...

Những quy luật ấy được Đức Phật giới thiệu phổ quát bằng năm định luật (niyama):

1. Thế giới vật lý vô cơ (utu-niyama): quy luật vận hành trong thế giới tự nhiên, tạo ra những hiện tượng nắng mưa, ngày đêm, nóng lạnh, bốn mùa do ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú đến sông biển ao hồ, tác động đến con người, cây cối, vạn vật.

Trong định luật thuộc vật lý vô cơ này cũng xảy ra theo tiến trình nhân quả nhưng không có nghiệp báo. Như do hiện tượng El Niño mà bão lụt động đất, hạn hán xảy ra khắp nơi. Nguyên nhân là do nạn phá rừng, khí thải công nghiệp mà nhiệt độ trái đất tăng lên, phá vỡ tầng ozon, môi trường sinh thái bị nhiễm độc... Gần hơn có những nhân quả rất cụ thể như trời nóng thì đổ mồ hôi, lạnh thì rét, mưa nhiều sinh lụt, không khí giãn nở tạo ra gió...

2. Thế giới sinh vật lý hữu cơ (bija-niyama): quy luật tác động trong thế giới tế bào của những động vật và thực vật, có cả con người. Do những định luật này, những nhà khoa học đã tìm ra giống loại như DNA, di truyền, gene... kể cả những công nghệ sinh học. Do quy luật này mà

giống nào sinh giống ấy, hạt cam sinh cây cam, hạt lúa có từ cây lúa. Gene di truyền trong việc thụ thai hai trẻ sinh đôi giống nhau nhưng khác tính tình v.v...

Trong thế giới này, tiến trình nhân quả xảy ra rất đa dạng và phức tạp. Nền công nghệ sinh học muôn biến đổi gene động vật, thực vật là dựa vào quy luật này... do sự lai tạo, mướp đắng không đắng nữa mà lớn như quả bầu, các loại lúa chịu hạn, bắp cho nhiều hạt, một loài người thông minh hơn. Cả hai loại định luật này tương tác, ảnh hưởng qua lại nhau để xảy ra tiến trình nhân quả khác. Ví dụ: chết vì rét, vì đói, vì bị nhiễm độc, vì bội thực v.v... thế giới vật lý tác động lên thế giới sinh lý (cơ thể) nên xảy ra như vậy.

3. Pháp (Dhamma-niyama): quy luật chi phối vạn pháp như âm dương, ngũ hành, luật hấp dẫn, ly tâm, điện từ, phản ứng sinh lý hoá, luật bảo toàn năng lượng, trường sinh học, kể cả những hiện tượng siêu hình như lúc bỏ tát giáng phàm, thành đạo, khi Đức Phật Niết Bàn.

Lãnh vực này rất bao la, khoa học cũng chưa tìm kiếm ra hết, có chăng chỉ mới là những bước khám phá ban đầu. Định luật này xảy ra trong tiến trình nhân quả trong pháp giới. Luật này để kiểm chứng như trong phản ứng hoá học. Cho chất này vào thì nước sôi lên, nhưng là chất khác thì nước đổi màu v.v... âm dương hút nhau, dương dương hay âm âm thì đẩy nhau (nam châm

hút sắt), ngũ hành tương sinh, tương khắc v.v... đều là nhân quả. Tuy nhiên, trong pháp giới còn có những định luật nhân quả rất huyền nhiệm như khi Bồ tát đàn sinh thì địa cầu chuyển động, người bị thôi miên, mộng du di chuyển trong thế giới 4 chiều.

4. Tâm (citta-niyama): định luật về tâm, tâm lý như ý niệm, ý tưởng, tưởng tượng, hồi ức, trí nhớ, tư tưởng, trực giác v.v... Những trạng thái tâm lý, những yếu tố nội tâm diễn tiến theo trình tự nhân quả tương quan đưa đến phán đoán, nhận thức, suy luận, chi phối sinh hoạt hữu thức hay vô thức của con người đều thuộc lĩnh vực của định luật này. Những hiện tượng thần giao cách cảm, biết quá khứ vị lai, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông đều từ định luật này.

Nhân quả trong các định luật về nhân quả cũng không phải là nghiệp báo. Khoa tâm lý học phương Tây có cả một môn học chuyên sâu để nghiên cứu, đào xới mảnh đất bí hiểm này. Tất cả những cái gọi là ký ức, phán đoán, tưởng tượng, tình cảm, nhận thức v.v... đều nằm trong quy luật nhân quả. Chính giấc mộng, sinh hoạt vô thức, bệnh tâm thần, stress, họ cũng tìm ra quy luật và giải mã nó để tìm phương pháp chữa trị. Những hiện tượng như thuật thôi miên, thần giao cách cảm, truyền đạt tư tưởng, tìm ra mộ người thân, chữa bệnh bằng tư tưởng v.v... đều là nhân



quả của tâm. Điều này, các tôn giáo Đông phương đã thực đi trước bằng các khả năng thiên nhiên thông, thiên nhãn, tha tâm thông v.v... Có những ví dụ gần gũi và thực tế như:

- a. Khi tâm định thì phát sinh hỷ lạc.
- b. Khi các tâm sở thiện có mặt thì thân tâm thư thái nhẹ nhàng, an vui v.v...
- c. Khi các tâm sở bất thiện có mặt thì thân tâm ta nặng nề, bất an, nóng nảy, trì trệ, bộp chộp, bất an v.v...
- d. Khi thấy người thân qua đời thì buồn chảy nước mắt.
- e. Thấy rắn thì sợ.
- f. Trúng số thì vui.
- g. Bị phỉ báng, nhục mạ thì buồn khổ

Nếu thường làm các việc ác thì thường thấy cảnh chiến tranh hay mộng dữ v.v... Tâm và pháp tương tác nhau để sinh ra các tâm lý chủ quan "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"

5. Định luật về nghiệp (kamma-niyama): định luật về nghiệp báo, nói đủ là nhân quả nghiệp báo.

Khi nói đến nghiệp báo thì phải có tác nhân của nghiệp và kết quả của nghiệp.

Chính ở đây mới nói đến nghiệp báo, sự chi phối của nghiệp báo và thoát khỏi nghiệp báo. Ta có thể dẫn nhiều ví dụ: Ta làm một việc xấu ác bị người khinh ghét và bị tù tội.

Phân tích: làm việc xấu ác là nhân, bị người khinh ghét, bị tội tù là quả. Do biết lẽ nhân quả nên ông A nhẫn chịu sự đau buồn xảy ra mà tâm không hề oán trách, than van sầu muộn hay sinh tâm ác, hay hận thù với ai. Đây là trường hợp có nhân có quả nhưng không có nghiệp báo.

Ông B thì trái lại, cho nên cái **quả** khinh ghét hoặc tội tù ấy càng gia tăng, có thể dẫn đến những hành động hoặc ý nghĩ sai lầm khác nữa. Ông B bị nghiệp báo chi phối.

Qua ví dụ trên, ta biết rõ, quyết định về nhân hay về quả của nghiệp báo chính là tâm niệm, ý tưởng, ý chí (cetanà_tư tâm sở) là tâm sở chủ động các trạng thái tâm lý.

Trong 5 định luật trên, 4 định luật đầu là định luật tự nhiên, chúng xảy ra theo tiến trình nhân quả nhưng không theo nghiệp báo. Định luật thứ 5 này mới xảy ra theo nhân quả nghiệp báo. Những hành động và phản ứng tâm lý có ý thức, mang tính đạo đức, luân lý (thiện, bất thiện, bất động) mới tạo ra báo ứng của nghiệp. Đây là những quyết định, những chủ đích, những hành động có đầu tư ý chí của mỗi cá nhân. Tuy là nghiệp riêng biệt (biệt nghiệp) của cá nhân, nhưng nó có ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội và nhân loại (cộng nghiệp).

Theo Abhidhamma của Phật giáo, sự hoạt động của tâm tùy thuộc hai điều kiện là giác quan (căn) và đối tượng của chúng (trần) mà tạo ra sự nhận thức (thức). Trong khi đó, sự duy trì, hoạt động, và phát triển sắc thân của chúng ta dựa vào bốn điều kiện là nghiệp, tâm, thời tiết (môi trường), và thức ăn. Trong đó, nghiệp chỉ là một trong bốn. Chúng ta buồn bực, giận hờn thì thân thể sẽ mệt mỏi, suy nhược. Ra ngoài trời lạnh mà không giữ ấm thì chúng ta sẽ bị

bệnh. Chúng ta ăn uống không điều độ, thực phẩm không tốt sẽ bị bệnh. Trong những trường hợp này, không liên quan gì đến nghiệp cả mà chúng chỉ là sự tương quan nhân quả.

Như vậy, chúng ta phải biết rõ đâu là nhân quả khách quan, đâu là nghiệp báo chủ quan. Cả 4 định luật đều xảy ra theo tiến trình nhân quả. Phạm vi của chúng rất rộng lớn. Nếu chúng ta không thấu triệt để sinh ra ngộ nhận, cái gì cũng đổ thừa cho nghiệp thì oan cho ba đời chư Phật.

Dù đức Phật có ra đời hay không thì 4 định luật trên đều chi phối vạn vật. Đức Phật không hề dạy tu tập để chấm dứt các định luật ấy. Giáo pháp và giới luật do Đức Phật dạy để giúp ta không tạo nghiệp ác và giải thoát nghiệp báo ở định luật thứ năm. Nhưng ta cần phải thấu rõ các định luật ấy để không bị đau khổ, sợ hãi vì không hiểu biết chúng.

Nếu là nhân quả tự nhiên thì nó máy móc, khách quan, lạnh lùng theo quy luật của vũ trụ, nhưng nhân quả nghiệp báo thì còn do tâm quyết định. Chính ở nơi tâm mới nói đến tâm nhân và tâm quả. Còn có cả triệu định luật khác không được gọi là nhân mà chỉ là duyên, thuận hay nghịch tác động, ảnh hưởng lên nhân ấy. (Tham khảo chương Nghiệp báo_Đức Phật và Phật Pháp_Narada_Phạm kim khánh dịch)

Tâm Hạnh

(còn tiếp một kỳ)



Tìm Hiểu Ngày Phật Đản Quốc Tế Vesak

Huỳnh Kim Quang

Lời Dẫn

Cho đến nay vẫn còn có người chưa hiểu rõ nguồn gốc của ngày Đại Lễ Phật Đản Quốc Tế Vesak là gì. Chính vì thế, khi nghe nói đến Đại Lễ Phật Đản Quốc Tế Vesak thì hoặc là cảm thấy xa lạ, mù mờ, hoặc là nghi ngờ về nguồn gốc và ảnh hưởng của ngày Đại Lễ này.

Bài viết này được viết ra với tâm nguyện giúp người đọc có thêm tài liệu và dữ kiện lịch sử về ngày Đại Lễ Phật Đản Quốc Tế Vesak và cũng để cúng dường nhân mùa Phật Đản Phật Lịch 2556.

Vesak Là Gì?

Vesak là tiếng Sinhalese của người dân đảo quốc Sri Lanka (Tích Lan), tiếng Pali là Vesakha, tiếng Phạn (Sanskrit) là Vaisakha, là tháng theo lịch Ấn Độ. Đó cũng là tháng đầu trong năm của lịch nước Nepal. Trong lịch quốc gia Ấn Độ, Vaisakha là tháng thứ 2 của năm, bắt đầu từ ngày 21 tháng 4 đến ngày 20 tháng 5. Theo lịch Ấn Độ, Vaisakha bắt đầu vào giữa tháng 4 được dùng tại Vịnh Bangal, nước Nepal, và lãnh thổ Punjab. Tại Vùng Tamil Nadu, Vaisakha được biết dưới tên Vaikasi và chỉ cho tháng thứ 2 của lịch Tamil. Theo lịch Ấn Độ, Vaisakha bắt đầu với mùa trăng non vào tháng 4 và là tháng thứ 2 của năm âm lịch. Lễ ăn mừng mùa màng được tổ chức trong tháng này.

Vaisakha Purnima (Purnima là ngày trăng tròn) hay còn gọi là Buddha Purnima, là ngày lễ kỷ niệm đức Phật đản sinh theo Phật Giáo Nam Truyền. Theo lịch của Phật Giáo Nam Truyền Vesak là ngày trăng tròn của tháng 5.

Đại lễ Vesak, mà truyền thống Phật Giáo Việt Nam thường gọi là Đại Lễ Phật Đản, được gọi theo nhiều tên khác nhau tùy theo ngôn ngữ của mỗi quốc gia, chẳng hạn:

- Bangladesh gọi là: Bud-dho Purnyima hay Bud-dho Joyonti;
- Cambodia gọi là: Vesak Bochea;
- Trung Quốc gọi là: Fó Dàn (佛誕) hay Fāt Dàahn (Phật Đản);
- Nepal gọi là: Buddha Purnima hay Buddha Jayanti;
- Indonesia gọi là: Waisak;
- Nhật Bản gọi là: Hanamatsuri (花祭) (Hoa Tế);
- Đại Hàn gọi là: Seokka Tanshin-il (Thích Ca Đản Thân Nhật);
- Lào gọi là: Vixakha Bouxa;
- Mã Lai Á gọi là: Hari Wesak;
- Miến Điện gọi là: Kason Full Moon Day;
- Tích Lan gọi là: Wesak;

- Thái Lan gọi là: Wisakha Bucha hay Visakah Puja;

- Tây Tạng gọi là: Saga Dawa;

- Việt Nam gọi là: Phật Đản.

Theo Hòa Thượng Thích Thiện Hoa trong Phật Học Phổ Thông Khóa Thứ Nhất, bài thứ 2 về Lược Sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (www.quangduc.com), thì ý nghĩa chữ đản sinh được giải thích như sau: "Thường trong danh từ nhà Phật, khi nói đến sự hiện diện của đức Phật Thích Ca trong cõi đời này, người ta thường dùng chữ đản sanh (nghĩa là một sự ra đời vui vẻ, làm hân hoan, xán lạn cho cõi đời); hay thị hiện (nghĩa là hiện ra bằng xương bằng thịt, cho con mắt trần của chúng ta thấy được); hay giáng sanh (nghĩa là từ một chỗ cao mà xuống một chỗ thấp để sanh ra)."

Năm Sinh của Đức Phật

Ngày tháng năm sinh của Đức Phật là một đề tài được nghiên cứu và thảo luận rất công phu và lâu dài của nhiều nhà sử học, học giả trong và ngoài Phật Giáo, sử dĩ như vậy là vì ở thời đại Đức Phật người Ấn Độ không có biên niên sử đầy đủ chính thức nào được thực hiện.

Về năm sinh của Đức Phật, có nhiều tài liệu nghiên cứu của nhiều vị Cao Tăng, học giả và sử gia đưa ra. Ở đây xin trưng dẫn một số tài liệu để giúp người đọc có khái niệm tổng quát.

Theo Tiến Sĩ P. V. Bapat, tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại Học Harvard, Hoa Kỳ, và là cựu Giáo Sư về Văn Hóa Cổ Ấn Độ, tiếng Pali, và Phật Giáo tại Đại Học Poona University và Fergusson College ở Poona, Ấn Độ, trong cuốn sách "2500 Years of Buddhism," cho biết năm Đức Phật nhập niết bàn là 544 trước Tây Lịch. Như vậy năm đức Phật đản sinh là 624 trước Tây Lịch. Tiến Sĩ Bapat viết rằng:

"Purnima hay là ngày trăng tròn của Vaisakha có liên hệ tới ba sự kiện trong cuộc đời của Đức Phật - Đản sinh, thành đạo và niết bàn. Niết bàn là ngày thiêng liêng nhất trong Phật lịch. Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, sự kiện Phật nhập diệt xảy ra vào năm 544 trước TL. Dù các tông phái PG có biên niên sử độc lập, nhưng họ đều đồng ý lấy ngày trăng tròn tháng 5 năm 1956 để tổ chức ngày kỷ niệm Đức Phật nhập niết bàn." ("2500 Năm Phật Giáo," Thích Nguyên Tạng dịch, nguồn www.quangduc.com)

Trong cuốn "Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ," Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm cũng cho rằng Đức Phật sinh năm 624 trước Tây Lịch. (www.quangduc.com)

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, trong "Phật Học Phổ Thông Khóa Thứ 5," bài thứ 1 về Lịch Sử Phật

Giáo Ấn Độ cũng nói rằng Đức Phật sinh năm 624 trước Tây Lịch: "Tuy thế, ngày nay để được thống nhất toàn vẹn về niên-lịch Phật Giáo thế-giới họp tại Đông-Kinh năm 1952, đã thỏa thuận rằng ngày trăng tròn tháng hai của xứ Ấn Độ (tức ngày rằm tháng tư âm-lịch) năm 624 trước Jésus Christ ra đời là ngày Đản-sanh của Đức Phật Thích-Ca. Như vậy, tính đến năm nay (1964) thì Đức Phật Giáng-sinh đã được 2588 năm (1964+624). Nhưng nếu chúng ta thấy ghi Phật-lịch 2508 (tính đến năm Tây-lịch là 1964) là vì Tổng-hội Phật Giáo Quốc-Tế lấy năm nhập Niết-bàn của Đức Phật làm năm đầu kỷ-nguyên, chứ không phải lấy năm sinh (2588-80 năm đời Đức Phật =2508)." (nguồn www.quangduc.com)

Đặc biệt, Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm (Đài Loan) trong "Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ," Chương Hai về Nguồn Gốc Thích Ca Thế Tôn, đã giải thích chi tiết hơn về các tài liệu nói đến năm sinh của Đức Phật, nhưng tựu trung Ngài cũng đưa ra quyết nghị chung của Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới lấy năm Đức Phật nhập niết bàn là 544 trước Tây Lịch làm chuẩn, có nghĩa là năm sinh của Đức Phật vào 624 trước Tây Lịch. Sau đây là trích đoạn trong cuốn "Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ của Hòa Thượng Thích Thanh Nghiêm do Thích Tâm Trí dịch:

"Mãi đến thời gian gần đây, dựa vào các tư liệu cũng như ở góc độ khảo cứu mà suy luận những gì có liên quan đến niên đại của đức Phật, thì có đến bảy mươi nhà đưa ra nhiều thuyết khác nhau. Trong khi các bậc cổ đức ở Trung Quốc lại dựa vào hiện tượng tinh tú cũng như sự chuyển vận của địa cầu được ghi trong cổ sử mà ước đoán rằng đức Phật đản sinh năm Giáp Dần, đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi sáu (trước tây lịch 1027 năm), và Ngài nhập diệt vào đời Chu Mục Vương, thứ năm mươi ba (năm Nhâm Thân - trước tây lịch 949 năm). Thuyết này xin đọc "Lịch Đại Tam Bảo Ký" quyển một hoặc trong "Phật Tổ Thông Ký" quyển hai. Tuy nhiên chứng cứ của thuyết này có vẻ mờ mờ khó tin. Do đó, thuyết này không được các học giả cận kim quan tâm. Có người dùng thuyết của Thiên Kiến Luật, trong Chúng Thánh Điển Ký; thuyết này khác với thuyết của Nam truyền của Thượng Tọa Bộ, và cho rằng đức Phật đản sinh trước Thiên Chúa 480 năm. Vọng Nguyệt - người Nhật Bản thì tin vào năm được ghi trong Phật Giáo Đại Niên Biểu, tức sử dụng thuyết của Chúng Thánh Điển Ký. Nhưng lại lấy năm 485 trước Công nguyên là năm Phật nhập diệt làm kỷ nguyên Phật Giáo nguyên niên. Phát Lợi Thoát Thị (J.F.Fleet) thì căn cứ theo sử liệu của Hy Lạp để đoán định kỷ nguyên Phật nhập diệt là trước Công nguyên 483 năm. Thuyết này có phần giống với thuyết của Chúng Thánh Điển Ký.

"Theo truyền thuyết của Tích Lan, thì kỷ nguyên Phật nhập diệt là trước Công nguyên 543 đến 544 năm. Hiện nay tại đại hội Thế Giới Phật Giáo Đờ Hữu Nghị lần thứ ba đã thông qua kỷ nguyên Phật nhập diệt là năm 544 trước Công nguyên, và lấy đó làm nguyên niên. Điều này được căn cứ vào văn bia hiện còn lưu giữ tại Ưu Đàm Da Kỳ Lợi (Udayagiri) của

một vị vua nước Yết Lăng Già (kalinga) thuộc nam Ấn có tên là Ca La Tỳ La (siriKharavela Maha Meghavahana) để suy đoán ra, và nhà sử học V.A. Smith cũng đồng ý với thuyết này." (nguồn www.quangduc.com)

Trước đó, trong Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới lần thứ nhất được tổ chức tại Tích Lan (Sri Lanka) vào năm 1950, đã thông qua đề nghị của vua nước Nepal lấy ngày trăng tròn tháng Vesakha, tức tháng 5, làm ngày Lễ Đản Sinh của Đức Phật.

Tại Việt Nam, trước năm 1964 các chùa và Hội Phật Giáo đều tổ chức Lễ Phật Đản vào ngày Mùng 8 Tháng 4 âm lịch. Khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời vào năm 1964, thống nhất Lễ Phật Đản vào ngày Rằm tháng 4 âm lịch theo quyết định chung của Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới lần thứ nhất năm 1950 họp tại Tích Lan và lần thứ 3 năm 1952 họp tại Nhật. Từ đó đến nay, Phật Giáo Việt Nam đều lấy ngày Rằm tháng 4 âm lịch làm ngày Lễ Phật Đản.

Ngày Phật Đản Quốc Tế Vesak

Vào ngày 28 tháng 10 năm 1999, đại diện các nước Bangladesh, Bhutan, Cambodia, India, the Lao People's Democratic Republic, Maldives, Mongolia, Myanmar, Nepal, Pakistan, the Philippines, Republic of Korea, Spain, Sri Lanka, Thailand, và Ukraine đã đệ trình lên Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc dự thảo nghị quyết công nhận Đại Lễ Vesak kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh, thành đạo và nhập niết bàn.

Đến ngày 12 tháng 11 năm 1999, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua Nghị Quyết A/54/235 công nhận ngày trăng tròn tháng 5 là Đại Lễ Vesak kỷ niệm ngày đản sinh, thành đạo và nhập niết bàn của Đức Phật.

Trong Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc viết rằng, "Lời dạy của Đức Phật, và thông điệp về tử bi, hòa bình và thiện tâm của Ngài đã chuyển hóa hàng triệu người... Thừa nhận ngày trăng tròn tháng 5 hàng năm là ngày thiêng liêng nhất của người Phật tử, kỷ niệm ngày sinh, thành đạo và nhập niết bàn của Đức Phật."

Từ đó, năm 1999, đến nay, mỗi năm, tại trụ sở chính của Liên Hiệp Quốc ở New York và nhiều nơi trên thế giới, Liên Hiệp Quốc đều tổ chức lễ kỷ niệm Đại Lễ Vesak. Đặc biệt, các nước có truyền thống Phật Giáo lâu đời tại Á Châu, mỗi năm đều theo tinh thần của nghị quyết Liên Hiệp Quốc mà long trọng tổ chức Đại Lễ Vesak, trong đó có Việt Nam vào năm 2008.

Đây là một vinh dự lớn lao cho hàng tỉ Phật tử trên thế giới, vì duy nhất chỉ có Đức Phật mới được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc tuyên dương và công bố Đại Lễ Vesak hằng năm cho toàn thế giới tưởng niệm. Người Phật tử chúng ta có được vinh dự đó là nhờ tinh thần tử bi, hòa bình và trí tuệ của Đức Phật chuyển hóa lòng thù hận, soi sáng lương tri và góp phần xây dựng cuộc sống an lạc, hạnh phúc cho nhân loại.



CHƯƠNG TRÌNH LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ PL. 2556 - 2012

Do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Các Chùa, và Các
Tự Viện tại Miền Nam California tổ chức tại Westminster Mall,
Westminster, California từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 04 năm 2012
Văn phòng Liên Lạc: Tu Viện An Lạc 901 S. Saticoy Ave, Ventura, CA. 93004
Tel: (805) 659-9845 / (805) 816-8799
Email: missionanlac@yahoo.com

Thứ Sáu 20-04-2012

Chủ Đề: Đóa Hoa Vô Ưu Nữ Trong Vườn Lâm Tỳ Ni

- • • **05:00 Chiều:** Lễ Chào Mừng Ngày Đức Phật Đản Sinh, Múa Lân, Biểu Diễn Võ Thuật Việt Nam.
 - • • **06:00 Chiều:** Thuyết Pháp.
 - • • **07:00 Tối:** Văn Nghệ Mừng Ngày Đức Phật Đản Sinh với những Trích Đoạn Cải Lương do Nghệ Sĩ Phụng Liên Đảm Trách.
- * **Đặc biệt:** Các gian hàng ăn chay ngon, tinh khiết, bổ dưỡng và các gian hàng quà lưu niệm do các Chùa và Tự Viện bày bán gây quỹ tự túc. Ngoài ra, các trò chơi Carnival dành cho trẻ em thiếu nhi cũng được trưng bày cho các em vui chơi trong suốt 3 ngày Lễ Hội.

Thứ Bảy 21-04-2012

Chủ Đề: Hình ảnh Thời Xưa lúc Tăng Đoàn Đi Khất Thực

- • • **10:00 Sáng:** Các Gian Hàng Lễ Hội Phật Đản mở cửa.
 - • • **11:00 Sáng:** Thuyết Pháp.
 - • • **02:00 Chiều:** Thuyết Pháp.
 - • • **03:00 Chiều:** Phật Pháp và Văn Đáp do Chư Tôn Đức Giáo thọ phụ trách.
 - • • **01:00 – 05:00 Chiều:** **Văn Nghệ Mừng Phật Đản** với chủ đề: "Tiếng Hát Từ Vườn Lâm Tỳ Ni Khi Đóa Hoa Vô Ưu Nữ" do các em GDPT trình diễn.
 - • • **05:00 Chiều:** Biểu diễn võ thuật Kung Fu Thiếu Lâm (do chư tăng Thiếu Lâm Tự phụ trách).
 - • • **06:00 Chiều:** Trích đoạn các vở kịch: Chuyện Đức Phật Đản Sinh, Chuyện Đức Phật Độ Chàng Vô Não, Chuyện con chim Oanh Vũ... (trong Truyện Cổ Phật Giáo về Tiền Thân của Đức Phật).
 - • • **07:00 Tối:** Thắp nến cầu nguyện cho Thế Giới hòa bình, Chúng sinh an lạc.
 - • • **08:00 – 10:00 Tối:**
- * **Ảo Thuật, do Ảo Thuật Gia Hollywood Ken Nguyễn trình diễn.**
* **Văn Nghệ Mừng Lễ Hội Phật Đản do các anh chị em Ca Nghệ Sĩ trình diễn.**

Chủ Nhật 22-04-2012

Chủ Đề: Đời và Đạo trong âm nhạc Phật Giáo

- • • **10:00 Sáng:** Tăng Đoàn đi khất thực (Chư Phật tử sốt bát cúng dường).
- • • **11:30 Trưa:** Trai Tăng
- • • **01:00 Trưa:** **Đại Lễ Phật Đản chính thức.** (có chương trình riêng)
- • • **03:00 Trưa:** **Vũ Dân Tộc** (Culture Dance), do Vũ Đoàn Thanh Tâm và các nước Phật giáo bạn trình diễn.
- • • - 05:00 – 09:30 Tối: **ĐẠI NHẠC HỘI KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2556,** do các anh chị em Ca Nghệ Sĩ trình diễn.
- • • **10:00 Tối:** Kết thúc chương trình Lễ Hội.

* **Đặc biệt:** Trong suốt ba ngày Lễ Hội các buổi **Pháp Thoại** do chư Tôn Thiền Đức hướng dẫn cũng được tổ chức tại địa điểm Lễ Hội (có chương trình riêng).

LỄ HỘI PHẬT ĐÀN QUỐC TẾ PHẬT LỊCH 2556

Thứ Sáu, Thứ Bảy, & Chủ Nhật
20, 21, và 22 Tháng Tư, 2012

tại Westminster Hall, Westminster, California
(Thứ 5pm-10pm, Sat & Sun 10am-10pm)



Đại Nhạc Hội Ca, Vũ, Tân Cổ, Kịch, Cải Lương,
với sự góp mặt của các ca nghệ sĩ

Phương Liên, Mai Lệ Huyền, Phương Hồng Quế, Hương Thủy, Mạnh Quỳnh, Ngọc Huyền, Đặng Thế Luân, Tuấn Châu,
Thành Lễ, Xuân Mỹ, Ái Xuân, Mai Thế Hiệp, Ngọc Đăng, Tuấn Minh, Bé Xuân Mai, Y Diệp, Đ.Đ. Thích Quảng Kiên.

Áo Thuật Gia: Ken Nguyễn. MC: Giáng Ngọc, Đỗ Tân Khoa, Mỹ Ngân.

Ban Nhạc: Ngọc Trọng Cổ Nhạc: NS. Lê Khiêm Âm Thanh: Thanh Sơn.

Nhiều Vũ Điệu Dân Tộc khác nhau của nhiều Hội Đoàn Việt Nam, GDPT Nam Cali, cùng các nước
Thái Lan, Đài Loan, Tích Lan, Kampuchea, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, BanglaDesh ...

VÀO CỬA MIỄN PHÍ



Trò Chơi Trẻ Em (Carnival), Áo Thuật, Múa Lân, Đuối Loại,
Gian Hàng Ăn Uống, Những Món Ăn Chay Tinh Khiết,
Quà Lưu Niệm, Áo Quần, Mỹ Phẩm, Triển Lãm, Văn Phòng,
Thông Tin, Báo Chí, V-V ...



GHI TÊN GIAN HÀNG, BẢO TRỢ, HOẶC MỌI THẮC MẮC XIN LIÊN LẠC:

(805) 816-8799 / (805) 377-5762

Ngân Phiếu Phát Tâm Bảo Trợ xin đề: Tu Viện An Lạc,
với Memo: "Lễ Hội Phật Đàn", và gửi về địa chỉ liên lạc của Giáo Hội:
Tu Viện An Lạc 901 S. Saticoy Ave, Ventura, CA 93004.

GHPGVNTN HOA KỲ VÀ CÁC TỰ VIỆN MIỀN NAM CALIFORNIA
ĐỒNG KÍNH MỜI

THÀNH PHẦN NHÂN SỰ BAN TỔ CHỨC LỄ HỘI PHẬT ĐẢN QUỐC TẾ P.L. 2556 (2012)

1. Ban Chứng Minh:

- Đại Lão HT. Thích Tâm Châu
- Most Ven. Dharmarama
- HT Thích Chơn Điền
- HT Thích Thăng Hoan
- HT Thích Chơn Thành
- HT Thích Minh Tâm
- HT Thích Tín Nghĩa

2. Ban Cố Vấn:

- HT Thích Phước Thuận
- HT Thích Nguyên Hạnh
- HT Thích Nguyên Trí
- HT Thích Minh Hồi
- HT Thích Minh Mẫn
- HT Thích Giác Sĩ
- SB Thích Nữ Như Nguyệt
- SB Thích Nữ Diệu Từ

3. Ban Tổ Chức:

- Trưởng Ban: HT Thích Thông Hải
- Phó Ban: HT Thích Minh Tuyên
- Phó Ban: HT Thích Thiện Long
- Phó Ban: HT Thích Như Minh
- Phó Ban: TT Thích Thánh Minh
- Phó Ban: ĐH Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê
- Phó Ban: Ven. Sutadhara Tapovane
- Phó Ban: Ven. Bogolle Sumana
- Thư Ký: HT Thích Nguyên Siêu
- Thủ Quỹ: ĐĐ Chúc Hiền, ĐH Nguyễn Hiếu

4- Ban Tài Chánh (Vận động gây quỹ & tiệc cơm chay gây quỹ): Đạo Hữu: Hải Đức, Phạm Điệp, Hoàng Tấn Kỳ, Tâm Phước.

5. Ban Tiếp Tân: HT Thích Minh Hồi, HT Thích Giác Sĩ

6. Ban Nghi Lễ: HT Thích Như Minh – chùa Việt Nam

7. Ban Cung Nghinh: ĐĐ Thích Pháp Tấn, ĐH Nguyễn Lượng

8. Ban Thỉnh Sư: HT Thích Minh Mẫn, HT Thích Nhật Quang

9. Ban Vận Động tịnh tài cúng dường Trai Tăng & cúng dường trai phạn Chư Tôn Trưởng Lão: Chùa Phật Tổ & Nhóm Phật Tử San Jose.

10. Ban Ấm Thực các gian hàng: Các Tự Viện tự lo.



Hình ảnh Lễ Hội Phật Đản PL 2555 (2011) tại Nam California

11. Ban Y Tế: Ban Huỳnh Trường GDPT

12. Ban Thiết trí Lễ đài: TT Thích Thánh Minh cùng Chư Tăng Ni chùa Bát Nhã, HT Thích Giác Sĩ Chùa Giác Lý, và ĐĐ Thích Đồng Châu Chùa Bồ Đề.

13. Ban Âm thanh Ánh sáng: ĐH Hải Đức & Tâm Phước (liên lạc âm thanh, ánh sáng)

14. Ban Xướng Ngôn Viên nghi lễ: TT Thích Minh Dung, TT Thích Nhật Trí ĐĐ Thích Hạnh Tuệ, ĐĐ Thích Chánh Định, ĐH Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê.

15. Ban Xướng Ngôn Viên văn nghệ: Giáng Ngọc, Đỗ Tân Khoa, Mỹ Ngân, Tâm Phước.

16. Ban Truyền thông, nhiếp ảnh, quay phim: HT Thích Nguyên Trí, TT Thích Tuệ Uy, ĐĐ Thích Đồng Châu. Đạo hữu: Tâm Hòa Lê Quang Đạt, Cổ Ngư, Tâm Huy, Tâm Quang, Steven Lai, Quảng Nguyễn, ĐH Định

17. Ban Điều Hợp các gian hàng: Hải Đức, Hải Tuệ, Hải Chơn Huyền.

18. Ban Văn Nghệ:

- Gia Đình Phật Tử và Hội Đoàn: ĐH Điệp phụ trách.
- Ca Sĩ: Tâm Phước và Hải Đức phụ trách.

19. Ban Trật Tự: GDPT hai Miền

20. Ban Vệ Sinh: Sẽ mượn người ngoại quốc giúp với sự kiểm soát của Ban Tổ Chức..

21. Ban Thị Giả Hành đường: (sẽ bổ túc sau)

22. Ban Tiếp Tân khách Ngoại Quốc: Hải Chơn Hạnh, Mỹ Hạnh, Nhật Hạnh... (sẽ kêu gọi thêm Phật tử giúp).



THỰC TẬP BẢY BƯỚC HOA SEN VÀO NGÀY PHẬT ĐẢN SINH

Thích nữ Tịnh Quang

Nếu bạn là Phật tử, bất kỳ bạn ở đâu, nhằm ngày Phật đản mà bạn không có cơ hội lên chùa tu tập, hành lễ, tưởng niệm ngày Thị hiện hy hữu này, bạn thử cùng tôi tự thực tập bảy bước hoa sen theo tinh thần của kinh Thiện Sanh vào ngày này để cúng dường lên Đức Phật và cũng để thực tập nhân lành nhằm tự hoàn thiện mình, thiết lập một gia đình, thân hữu tốt bằng sự hiểu biết thương yêu từ tâm hồn an tịnh, và kiến tạo một thế giới hòa bình theo bảy bước chân.

1- Bước Sen Phương Đông (ý thức sâu sắc bốn phận giữa con cái và cha mẹ)

"Every human being under the eastward sun is graciously welcome as the LOTUS." —*The Very Rev. James P Morton, the Interfaith Center of New York*

(Dưới ánh mặt nhật phương đông, mọi người được chào đón một cách tử nhĩ như những đóa sen).

Vào ngày Phật đản, sáng sớm bạn có thể tìm một công viên xinh đẹp, hoặc sau vườn nhà hay những con đường quê yên tĩnh và thơ mộng... rồi thả những bước chân nhẹ nhàng, thành thơi theo từng nhịp thở, ý thức những bước chân bạn đang đi... bạn đi đúng một vòng theo hướng kim đồng hồ, rồi đứng lại, và ngoảnh mặt về hướng đông, chắp hai tay hoặc đan hai bàn tay trước bụng, nhìn chân trời... quán chiếu rằng ta và phương đông này có sự quan hệ gắn bó không thể tách rời, nhìn hướng đông với những sắc màu của bình minh, hay là những cụm mây trắng

đen đang bỗng bành... đã làm mưa gió và tạo nên sự có mặt của ta... ta và phương đông có sự liên hệ mật thiết và nối tiếp trong quan hệ tổ tiên nội giống, ông bà, cha mẹ, và con cái. Nghĩ đến bốn phận và tình yêu thương của mình đã và đang dành cho ông bà, cha mẹ và con cái như thế nào... Cúi đầu và chắp tay xá hướng đông, ý thức rằng hôm nay là ngày Phật đản sinh, nguyện sống một ngày trọn vẹn với trách nhiệm và yêu thương đối với ông bà, cha mẹ và con cái bằng bước sen thứ nhất.

2- Bước Sen Phương Tây (ý thức sâu sắc bốn phận giữa vợ và chồng)

"You must be a lotus, unfolding its petals when the sun rises in the sky, unaffected by the slush where it is born or even the water which sustains it!" —*Sai Baba*

(Bạn phải là một đóa sen, những cánh hoa nở ra khi mặt trời mọc, chẳng tác động bởi bùn hay nước nơi nó sinh ra và lại sống cùng trong đó).

Bạn tiếp tục đi thiền hành vòng thứ hai, duy trì hơi thở đều đặn theo những bước chân, nở nụ cười bình thản, hết một vòng rồi đứng lại, ngoảnh mặt về hướng tây, nhìn về phía chân trời... quán chiếu rằng hướng tây là đối tác của hướng đông trong sự sinh diệt lưu chuyển của hai mặt âm và dương, của trời và đất vận hành. Nếu là hành giả nữ thì quán rằng ta là đất, và bầu trời xanh đang chan hòa cùng ta. Nếu là hành giả nam thì quán chiếu rằng ta là trời xanh và

mặt đất đang giao thoa cùng ta. Ý thức rằng đạo nghĩa vợ chồng là bản tình ca của trời đất, cần phải có sự hài hòa để cân bằng nhịp điệu, quán chiếu rằng bước sen đang nở dưới chân mình như một thông điệp giác ngộ về trách nhiệm của lứa đôi để tạo nên một gia đình và xã hội thực sự hạnh phúc. Cúi đầu và chấp tay xá hướng tây, ý thức rằng hôm nay là ngày Phật đản sinh, nguyện sống một ngày tròn bốn phận đối với vợ hoặc chồng hay người phối ngẫu của mình bằng bước sen thứ hai.

3- Bước Sen Phương Nam (ý thức sâu sắc bốn phận giữa đệ tử và thầy)

"Oh Buddha, my mind is fascinated with the lotus feet as the bumble-bee with the flower; night and day I thirst for them." Guru Nanak (Indian Spiritual leader, 1469-1539)

(Ồ Đức Phật, linh hồn tôi bị quyến rũ với những bước sen, như con ong với đóa hoa; đêm ngày tôi khao khát chúng)

Bạn tiếp tục đi thêm một vòng kế tiếp, xong dừng lại, ngoảnh mặt về hướng nam, ý thức hơi thở ra vào sâu lắng, nhìn vào những cột điện, những bậc ruộng phẳng phiu, hay những building, những cao ốc tuyệt đẹp được làm từ bàn tay và khối óc con người. Quán chiếu rằng những công trình này cũng như công trình giáo dục, tâm linh, được truyền thừa và đầu tư qua nhiều thế hệ. Quán chiếu rằng kiến thức, đạo đức, và cách ứng xử đã tác thành ta nên một con người là đều nhờ ơn thầy cô dạy dỗ. Tuệ giác và tâm linh của chúng ta được khai mở hôm nay đều nhờ ân thầy tổ khai sáng. Quán chiếu rằng ta đang đứng trên bước sen thứ ba mà ngày xưa đức tử phụ vừa mới sinh ra đã đứng. Chấp tay cúi đầu về hướng nam, niệm ơn ân tình giáo dục và đạo nghĩa thầy trò thế gian và xuất thế gian, và nguyện làm tròn trách nhiệm bằng cách trao truyền lại ánh sáng tuệ giác mà ta đang thừa hưởng cho các thế hệ tương lai bằng tất cả khả năng vốn có của mình.

4- Bước Sen Phương Bắc (ý thức sâu sắc bốn phận giữa tình bạn hữu, đồng môn)

"The LOTUS stands as a living monument to the interfaith ideals." —Dr. Karan Singh, Member of Parliament (India); Internat'l Chairman of the Temple of Understanding

(Đóa sen đứng như một lâu đài sinh động với nhiều lý tưởng tinh thần bên trong)

Bạn tiếp tục thiền hành vòng thứ tư, duy trì hơi thở trên mỗi bước chân nhẹ nhàng, hết một vòng, dừng lại, ngoảnh mặt về hướng bắc, nở nụ cười hàm tiếu; quán chiếu những áng mây bay lơ lửng về hướng bắc, những cành lá đung đưa đều nhờ sức gió; quán chiếu âm thanh của một tiếng chim vừa cất lên thì cả đàn chim đều cất cao tiếng; quán chiếu những đàn kiến bò trên cành cây cùng nhau nâng một vật cứng để tha về tổ... Duy trì hơi thở chánh niệm, tư duy về sự trưởng thành của ta đều được tác thành bởi bạn hữu đồng môn (thiện hữu hay ác hữu) dù trực tiếp hay gián tiếp đã thúc đẩy

chúng ta học hỏi phấn đấu để chúng ta có được đôi chân đứng vững trong cuộc đời này. Quán chiếu rằng ta đang bước trên bước sen thứ tư mà ngày xưa Đức Tử phụ đã bước. Cúi đầu chấp tay xá hướng bắc, niệm ơn ân tình bạn hữu và nguyện sống trong ý thức có sự hiện diện của họ quanh mình vào ngày Đức Phật chào đời.

5- Bước Sen Phương Dưới (ý thức sâu sắc bốn phận giữa chủ nhân và người làm công)

"I appreciate the LOTUS which promotes understanding among all people and among all religions. May we all come to the path of unity that will allow us to overcome the enemy of separation that is now trying to destroy all of the earth." —Sun Bear, Founder and Medicine Chief of the Bear Tribe Medicine Society

(Tôi cảm kích hoa sen nâng cao sự thấu hiểu giữa tất cả mọi người và tất cả tôn giáo. Chúng ta có thể đi đến con đường hợp nhất, như thế sẽ giúp chúng ta vượt qua kẻ thù của sự phân biệt đang cố sức tàn phá tất cả mặt đất lúc này).

Bạn tiếp tục thiền hành hết vòng thứ năm, xong đứng lại, cúi đầu nhìn xuống dưới hai bàn chân của bạn, ý thức những cây cỏ đang rạp mình dưới lòng bàn chân bạn, nghĩ đến chúng, yêu thương chúng, đừng bước nặng nề mà làm khổ chúng. Nếu là một ông chủ của một tập đoàn, một công ty, một hãng xưởng hoặc một ngôi biệt thự, quán chiếu rằng đây là giờ phút để cho ta tu tập từ tâm. Nếu không có những cây cỏ xanh mát dưới đất thì bàn chân ta đâu dễ bước. Nếu là người làm công hãy quán chiếu rằng ta là cây cỏ đang làm tươi mát cho mặt đất, người chủ như là mặt đất đã tạo cơ hội cho ta sinh tồn. Dù chủ hay là tớ, bạn đều quán niệm sự tương duyên sinh tồn để phát sinh tình yêu thương (của kẻ chủ) và lòng tri ân (của kẻ tớ). Chấp tay xá mặt đất. Quán chiếu rằng ta đang đứng trên bước sen thứ năm



Hình ảnh Lễ Hội Phật Đản PL 2555 (2011) tại Nam California

và nguyện sống trong ý thức trọn vẹn đạo nghĩa của chủ và tổ vào ngày Đức Phật chào đời.

6- Bước Sen Phương Trên (ý thức sâu sắc bốn phận giữa người thí chủ và vị Đạo sư)

"The LOTUS is a 'Statue of Spirituality' equal to the Statue of Liberty. It unites spirituality into the reality of the Oneness of Buddha and Light and gives everybody unity in diversity." —Yogi Bhajan, Sikh Dharma Chief Religious and Administrative Authority for the Western Hemisphere

(Hoa sen là một Tượng đài Tâm linh giống như Tượng đài Tự do. Nó kết nối tâm linh vào thực thể duy nhất của Đức Phật và tuệ giác, và cho mọi người sự hợp nhất trong muôn vẻ hình thù).

Bạn tiếp tục thiền hành hết vòng thứ sáu. Duy trì hơi thở điều hòa, nhẹ nhàng, nở nụ cười hàm tiếu, xong đứng lại, ngược mặt lên để nhìn bầu trời rộng lớn, muôn vạn sắc màu bí ẩn và bạn không hiểu gì hết. Quán chiếu rằng tâm của bạn vốn là một sự bí ẩn, lung linh như bầu trời này. Bạn sẽ không bao giờ hiểu được tâm nếu như bạn không có được sự hướng dẫn để tu tập và khai ngộ. Bạn muốn khám phá bầu trời tâm huyền nhiệm này bạn không thể không cần vị thầy tâm linh đích thực. Quán chiếu rằng mình là thí chủ, là đệ tử, là học trò của các bậc Sa môn phạm hạnh, là nơi mình quay về nương tựa để soi sáng bầu trời tâm linh của mình. Chắp tay xá bầu trời. Quán chiếu rằng ta đang đứng trên bước sen thứ sáu và nguyện sống trong ý thức của một người thí chủ để hoàn thành bốn phận cung kính và hộ trì đối với các bậc thầy tâm linh cao cả mà mình nương tựa vào ngày đức Phật chào đời.

7- Bước Sen Tại Đây và Bây Giờ

"The LOTUS is a visual testimony to interfaith understanding and stands as a beacon of Truth and Peace." —The Venerable Prabhasa Dharma, Founder of the International Zen Center; 45th generational heir of the Vietnamese Lam Te (Rinzai) Zen Lineage

(Hoa sen là một sự biểu thị cụ thể với niềm tin hiểu biết bên trong và tỏa lạc như một tia sáng của chân lý và hoà bình).

Tiếp tục thiền hành hết vòng thứ bảy, bạn ngồi xuống trong tư thế hoa sen (kiết già hoặc bán già, nếu đôi chân bạn có vấn đề thì có thể thay đổi), mắt hơi nhìn xuống, hai tay để trên bắp vế một cách thoải mái, hoặc hai bàn tay đan chéo nhau trước bụng, quán niệm rằng ngay Tại Đây bạn là một đóa sen đang nở trên mặt đất và đôi chân của Phật sơ sinh đang đứng trên hai vai bạn và với hai tay chỉ trời và đất đi theo cùng người. Quán chiếu trời xanh mây trắng đang bay qua đầu bạn, và sự rung chuyển của tiếng nước trong lòng đại dương mênh mông đang reo bên dưới mặt đất nơi bạn đang ngồi. Quán chiếu và theo dõi hơi thở và nhịp đập của trái tim Bây Giờ đang hòa cùng đại thể vũ trụ, chú tâm vào hơi thở vô ra; hơi thở vô đếm một, hơi thở ra đếm hai... cho đến bảy, rồi trở ngược lại từ đầu. Quán niệm mỗi hơi thở là một đóa sen hồng nở,

hoặc đọc thầm thi kệ nào đó mà bạn thích, mỗi câu là một hơi thở. Ví dụ:

*Tâm rung nhịp thở hiện tiền
Vào ra chánh niệm ưu phiền băng tan
Ngay đây là cõi Niết bàn
Sen hồng nở giữa không gian nhiệm mầu.*

Như thế những ký ức hay tạp niệm sẽ yếu đi, không còn, hoặc không thể hiện diện một cách chủ quan nữa. Chỉ còn một cõi hoa lung linh hiện tiền với tâm và cảnh nhất như huyền nhiệm.

Chúc các bạn Phật tử có một ngày Phật Đản tròn đầy niềm hạnh phúc bình an!

Merry Buddha's Birthday!



Practicing Seven-Lotus Steps on the Buddha's Birthday

Thich nu Tinh Quang

Wherever you are, if you are the Buddhist, on the date of Buddha's birthday, you do not have the opportunity to practice, celebrate in order to honor the memory of this rare day at the Buddhist temple, you and me try to practice seven-lotus steps in the meaning of Cubasakuludayasuttam Sutra on this day to make offering to the Buddha, and also to train for the good action to perfect ourselves, establish a good family and friendship in the understanding of love from the heart of peace, and create a peaceful world by seven steps.

1- The Eastern Lotus Step (Full Consciousness of Obligation between Parents and Children)

"Every human being under the eastward sun is graciously welcome as the LOTUS." —*The Very Rev. James P Morton, the Interfaith Center of New York*

On Buddha's birthday, early morning you may find a beautiful park, or backyard, or the quiet and romantic country road... and then walk by free and gently steps following with each your breath, pay attention to steps you are going... you get around yard one time as the right direction of clock cycle, after that stop at there, and turn to eastward, clasp or join your hands at your belly, look at the skyline... consider deeply that I and the east are in the intimate relationship, and cannot separate; looking at the east according the colors of the dawn, or the black and white clouds floating... they were the wind and rain that make my presence... I and the east have closely connections and transmittal in relations of races, ancestors, grandparents, parents, and children. Think about how my duty and love has been for the grandparents, parents and children... Joined hands and bow to the east, aware that today is the day Buddha was born, I vow to live a full day in responsibility and lovingness for my grandparents, parents and children from the first lotus steps.

2- The Western Lotus Step (Full Consciousness of Obligation between Husband and Wife)

"You must be a lotus, unfolding its petals when the sun rises in the sky, unaffected by the slush where it is born or even the water which sustains it!" *Sai Baba*

You continue to the second round walking meditation, maintaining regular breath following your steps, smiling calmly; when the second round would complete fully, standing and looking toward the western horizon... consider that west is the east's object in the operation of rising and passing away, yin and yang, heaven and earth. If you're the female practi-

tioner so think that you are the earth, and the blue sky is in harmony with me. If the male practitioner shall reflect that yourself is the blue sky and the ground is interfering in me. To be conscious the spouse's morality is a love song of heaven and earth, there should have much harmony to balance rhythm, reflecting that lotus step is blooming at your feet as a message of enlightenment on the responsibility of couples to creating a family and society have real happiness. Joined hands and toward west, sense that today is the day Buddha was born, I vow to live a full day duties to my spouse or engager by second step lotus.

3- The Southern Lotus Step (Full Consciousness of Obligation between students and teachers)

"Oh Buddha, my mind is fascinated with the lotus feet as the bumble-bee with the flower; night and day I thirst for them." *Guru Nanak* (Indian Spiritual leader, 1469-1539)

You go one next round, then stop where you are, turn to the south, pay attention to breathing in and breathing out deeply, look at the electric wire poles, the level field plain, or the beautiful buildings which were made from human's hands and brains. Conceive that this works as well as public education, spirituality... are invested and transmitted through many generations. Conceive that knowledge, ethics, and behavior which have been fashioned you into a human being are all thanks to teachers' instructions. Spiritual awakening you opening today is owing to my masters and founders who educated you. Conceive that you are standing on the third lotus step that formerly the Buddha stood when he was just born from. Joined hands and bow to the south, recall education's merit and the teachers and pupils' of the world and religion, and wish to fulfill your duties by transmitting the light of wisdom in which you inherited for the future generations through all your inherent capabilities.

4- The Northern Lotus Step (Full Consciousness of obligation between friendship and colleague)

"The LOTUS stands as a living monument to the Interfaith ideals." - *Dr. Karan Singh*, Member of Parliament (India); Internat'l Chairman of the Temple of Understanding

You continue to walking meditation fourth round, maintaining breathing gently on every your step, end of this round, stop, turn your body to the north, smile; conceiving the clouds are floating toward the north, the leaves are swung by the wind; conceiving the sound of a bird has just sent out so all the birds follow to sing chorally, conceiving swarm of ants crawling on a branch of tree and unite efforts to lift a hard thing to bring to their nest... Maintaining mindful breathing, thinking about your maturity is built by your own peers (good or bad friend) although directly or indirectly they motivated you to strive to learn in order that you have been steady on your legs in this life. Conceive that you are stepping on the fourth lotus step in which the Buddha had stepped on. Bow Joined



Hình ảnh Lễ Hội Phật Đản PL 2555 (2011) tại Nam California

hands and bow to the north, to be grateful to friendships and take a vow to live in the consciousness of their presence around you on the Buddha's birthday.

5- The Below Side Lotus Step (Full Consciousness of responsibility between employer and employee)

"I appreciate the LOTUS which promotes understanding among all people and among all religions. May we all come to the path of unity that will allow us to overcome the enemy of separation that is now trying to destroy all of the earth." —*Sun Bear, Founder and Medicine Chief of the Bear Tribe Medicine Society*

You continue to walking meditation fifth round completely, then stop where you are, bend your head, look down your feet, recognize these plants are curling beneath your feet, think about them, love them, do not walk heavy that would be torturous for them. If you are a boss of a corporation, a company, a workshop, or a villa, conceive this is the time helping you to practice kindness. If without the green grass under your feet, you could not walk smoothly. If you are an employee, observe that you are fresh grass which made to cool for the ground, the employer as the ground that helps an opportunity for your survival. Whether an owner or a servant, you should conceive in existential interdependence to generate the love (of the employer) and the gratitude (of employee). Amnesty ground by your joined hands, conceive that you are standing on the fifth lotus step, and vow to live in the full sense of the owner and servant on the Buddha's birthday.

6- The Above Side Lotus Step (Full Consciousness of obligation between the believer and Spiritual Master)

"The Lotus is a 'Statue of Spirituality' equal to the Statue of Liberty. It unites spirituality into the reality of the Oneness of Buddha and Light and gives everybody unity in diversity." - *Yogi Bhajan, Sikh Dharma Chief Religious and Administrative Authority for the Western Hemisphere*

You continue to walking meditation until the end of sixth round. Maintain regular, gentle breathing, smile, and then stop when you are, looked up to see the vast sky, colors like mysterious things and you do not understand at all. Conceive that your mind is a mystery which like the sky is shimmering. You will never understand it if you do not have the guidance to practice and enlighten. Want to explore this mystical mind' sky you cannot do without true spiritual teacher. Conceive that you are the believer, the disciple, the student of the Buddhist monk or nun who lives in the pure happiness that you would come back to lean on in order to enlighten your spiritual sky. Joined hands bow the sky. Conceive that you are standing on the sixth lotus step, and vow to live in the consciousness of a believer to complete all duties, respects, and protections to the noble spiritual teachers you confide on the Buddha's birthday.

7- The Lotus Step at Here and Now

"The Lotus is a visual Testimony to Interfaith understanding and stands as a beacon of Truth and Peace." - *The Venerable Dharma Prabhasa, Founder of the International Zen Center; 45th generational Heir of the Vietnamese Lam Te (Rinzai) Zen Lineage*

Continue to walking meditation until the end of seventh round, then you sit down in lotus pose (your legs are crossed, if you have problem feet, you may change), eyes slightly looking down, the arms should rest comfortably on the thighs, or the hands overlap before the abdomen, add mindfulness that at Here you are a blooming lotus on the ground and the baby Buddha's feet are standing on your shoulders with his both hands one point at the heaven and other hands point at the earth as following with him. Realize that blue sky with white clouds flying over your head, and the sound vibrations of water in the spacious oceans are ringing beneath the ground where you are sitting. Add mindfulness to your breath and heart beat at Now harmonizing in the vast universe, concentrate on breathing in, breathing out; breath coming in so count one, breath coming out so count two... until seven, then count go back from the first. Conceive that every breath is a pink blossoming lotus, or silent reading certain poem you like, every sentence is a breath, for example:

*The mind shakes with current breath's rhythm
The sorrows are melting as keeping mindfulness
at breathing in and out*

Now, this is the Nirvana realm

The pink lotuses open in mystical space.

So impure thoughts or memories would be weakened, disappear, or no longer appear inside subjectively. Only a realm of shimmering flowers is present with mind and body's unity in the mystery.

Wish full peace and bliss to you Buddhists on a Vesak day!

Merry Buddha's Birthday!



Hình ảnh Lễ Hội Phật Đản PL 2555 (2011) tại Nam California

THỊ HIỆN ĐẢN SANH, THỊ HIỆN NIẾT BÀN

Hạnh Chi

Suốt chặng đường đời, trong chúng ta, biết bao lần đã cất bước đi về Đông, tạt qua Tây, xuống Nam, lên Bắc; chúng ta đi vì đủ mọi lý do, vì nhu cầu, vì hoàn cảnh, vì sự đẩy đưa của tình thế, vì cả sự tò mò, mạo hiểm... Nhưng chúng ta được sinh ra, rồi đến và đi như mơ, cõi ta-bà là một giấc mơ dài, là một cơn đại mộng vì có mấy ai giữ lại gì, để lại gì được đâu! Và chúng ta, kẻ trước người sau, thường an phận mà tự an ủi rằng "Cát bụi lại trở về cát bụi".

Nhưng không phải thế!

Hàng năm, vào thời điểm Tháng Tư Âm lịch, chúng ta lại được nghe nói về một người siêu phàm đã đến với thế gian này, cách nay gần 2600 năm. Chúng ta tôn người đó là siêu phàm vì chúng ta không làm nổi những điều đơn giản mà Ngài đã làm; nhưng chính Ngài, Ngài luôn nhắc nhở "Mọi người, mọi loài đều bình đẳng như nhau".

Gần 2600 năm, chúng ta còn nhớ về Ngài, còn tôn kính, còn tiếp tục rú nhau, gắng sức dọ dẫm tìm bước chân Ngài qua giáo pháp Ngài truyền lại. Con đường Ngài chỉ dẫn khởi từ phương Á đã lan tới phương Âu, đã từ những sắc dân da vàng truyền đạt được năng lượng Từ Bi nhiệm màu tới những sắc dân da trắng, da đen; tới con bò được tha chết, tìm về ngôi chùa nhỏ huyện Đăng Xung quỳ xuống, nhận lễ quy y Tam Bảo, con hổ dữ gặp vị sư ngồi thiền, bỗng theo sư về chùa Nam Hoa và sư truyền tam quy ngũ giới cho hổ v.v...

Vậy thì, Ngài không chỉ "đến rồi đi" như đại đa số chúng ta. Ngài vẫn còn đây với chúng sinh vì ngoài nhục thân như chúng ta, Ngài còn có Pháp thân; và Pháp thân mới là thân vĩnh hằng, bất sinh bất diệt.

Ngài có được sinh ra mà sao lại nói là "bất sinh"?

Ngài có chết đi mà sao lại nói là "bất diệt"?

Hàng năm, vào mùa kỷ niệm ngày Ngài ra đời, hàng Phật tử khắp năm châu bốn biển đều được nghe và tụng, lạy câu này:

Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên, Vô Ưu Thọ Hạ, Thị Hiện Đản Sinh, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngài chính là vị Bốn Sư, giòng họ Thích Ca. Ngài ra đời tại vườn Lâm Tỳ Ni, dưới cành hoa Vô Ưu. Và Ngài ra đời chỉ là sự "thị hiện".

Sao lại chỉ là "thị hiện"? Vì Ngài có mặt với đời nhưng không vướng mắc chi với những ràng buộc ở đời. Ngài chỉ "hiển hiện" ra như vậy thôi, hiện ra như sự tình cờ nhẹ nhàng, mang theo một sứ mạng giải thoát khổ đau cho đời. Cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con khôn là những thứ sẽ trói buộc hầu hết chúng ta thì Ngài đã nhẹ nhàng từ bỏ vì Ngài biết rằng những niềm vui thế gian đó rất ngắn ngủi, rất tạm bợ. Phải có một điều gì đó làm thăng hoa kiếp chúng sinh "vốn được làm người là rất khó".



Lòng từ bi lân mẫn và trí tuệ tuyệt luân của Ngài luôn suy nghĩ như thế, sau lần "Du quán tứ môn" cùng người xa-nặc thân tín ra thăm ngoài bốn cửa thành. Những gì Ngài nhìn thấy nơi bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc là những hoạt cảnh triển miên tiếp nối trong giòng xoáy khổ đau của đời người từ kiếp này sang kiếp khác; nhưng với địa vị một Thái Tử càn vàng lá ngọc được bảo vệ tuyệt đối bằng nhung gấm lụa là thì lần ra thăm bốn cửa thành chính là lần đầu tiên Ngài chứng kiến cái khổ của người già, cái đau của người bệnh, cái bi thương của người chết và cái thông dong tự tại của một vị sa-môn. Ngài đã nôn nóng bảo xa-nặc:

- Mau lên ! Mau đi con ! Hãy bắt kịp vị sa-môn kia cho ta thăm hỏi.

Và khi đứng trước vị sa-môn áo mỏng, chân trần, Ngài đã sùng sốt mà hỏi rằng:

- *Thưa sa-môn, thầy rồi cũng sẽ già, sẽ bệnh, sẽ chết, như những người tôi vừa thấy, nhưng sao thầy không lo lắng, không sợ hãi? Sao sắc thái thầy an lạc, thanh thản thế? Thầy không nóng, không giận, không áo đẹp, sao bước chân của thầy vững chãi, thông dong thế?*

Vị sa-môn đã nhìn Ngài mà bảo:

- Vì ta biết giá trị đích thực của phút giây hiện tại.

Trong khi Ngài còn bàng hoàng vì câu nói đó thì vị sa-môn đã chậm rãi hòa nhập vào đám đông dân chúng.

Trở về hoàng cung, Ngài không ngớt suy tư về kiếp nhân sinh mà những cảnh khổ đau, biến diệt ngoài bốn cửa thành chính là những chặng đường tiêu biểu cho kiếp phù du. Ý nghĩ phải tìm ra con đường giải thoát thôi thúc Ngài cho đến một đêm, Ngài đã "**Bán dạ du thành, xuất gia tâm đạo**", nửa đêm vượt thành Ca Tỳ La Vệ để đi tìm một điều vô hình nhưng Ngài tin chắc sẽ gặp, sẽ thấy.

Từ đêm mồng tám tháng hai đó, Ngài đã đổi y phục sang trọng của một vị Thái Tử, lấy tấm áo sa môn của gã thợ săn. Đó là bài học đầu tiên về sự đổi trả, ác độc khi Ngài hỏi gã thợ săn:

- Ông đeo một gùi đầy cung tên thế kia, chắc ông là thợ săn, nhưng sao lại mặc áo sa môn?

Gã thợ săn thản nhiên trả lời:

- Tôi mặc áo sa môn thì thú rừng, chim chóc không sợ mới tới gần, tôi mới giết chúng được chú!

- Ông hãy đổi y phục cho tôi vì tôi đang cần bộ áo sa môn mà ông thì chắc đang muốn có nhiều tiền. Hãy bán bộ áo tôi đi, ông sẽ có vốn để làm nghề khác, đừng săn bắn nữa.

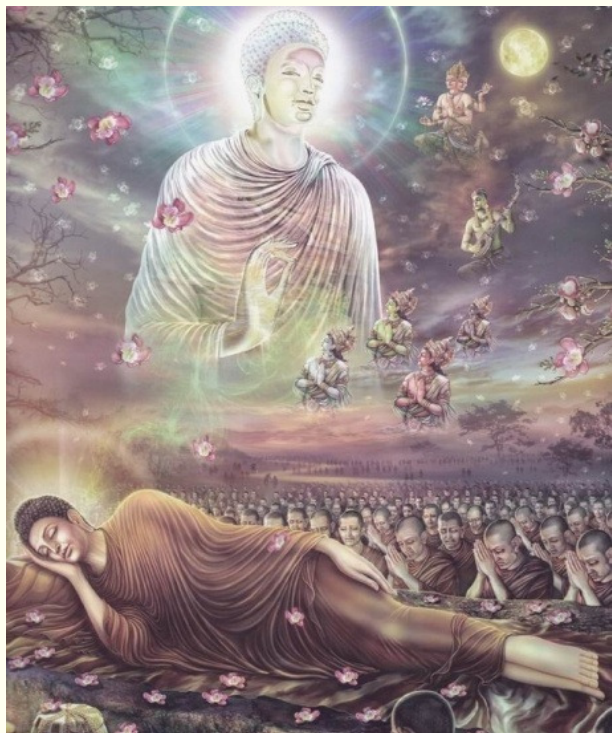
Tuy ngạc nhiên, nhưng gã thợ săn vội vã làm ngay vì sợ Ngài đổi ý.

Với tấm áo nâu cũ bạc, Ngài khởi bước tìm đạo.

"Tuyệt lãnh tu hành, lục niên khổ hạnh", sáu năm dài triền miên đây đó dưới mưa gió tuyết sương, vận dụng trí tuệ và sức lực để quán chiếu bao nguyên lý sâu sa qua mọi hình thức khổ hạnh mong tìm ra Đạo Cả nhưng phiền não khổ đau vẫn trùng trùng vây phủ. Phải tới khi sức dưỡng đã tàn, lực dưỡng đã tận, tâm Ngài mới bật sáng, là thân và tâm phải hỗ trợ cho nhau, thân có mạnh thì tâm mới tỏ, tâm có tỏ thì sự quán chiếu mới bén nhạy. Và Ngài bỏ pháp tu khổ hạnh, nhận bát sữa cúng dường của một thí chủ để lấy lại sức lực. Rồi, trải cỏ dưới gốc cây Bồ đề làm tọa cụ, Ngài phát nguyện "Nếu không tìm ra Đạo Cả, ta thề không rời khỏi cây này".

49 ngày sau, **"Bồ Đề Thọ Hạ, Hàng Phục Ma Binh, Dạ Đố Minh Tinh, Đạo Thành Chánh Giác"**. Ngài đã tìm ra tên cai ngục hăng giam cầm chúng sinh trong những nhà tù bất tận. Tên cai ngục đó là Vô Minh. Sự ngu tối đã trùm lấp trí tuệ vốn sẵn nơi mỗi người, mỗi loài. Trí tuệ đó, nếu được khai mở sẽ nhìn ra chân diện mục, nhìn ra bản chất tối thượng, vĩnh hằng, vượt thoát mọi sinh diệt, khổ đau vì cái vô thường, ngộ là thường; cái khổ, ngộ là lạc; cái vô ngã, ngộ là ngã; cái không, ngộ là tịnh

Từ đó, với ba y, một bát, áo vải, chân trần, Ngài du hóa tất cả những nơi có thể tới, độ cho tất cả



những ai có thể độ; Ngài tới đâu là lớp lớp thứ dân thuộc mọi giai cấp, vứt bỏ những ràng buộc thể tục để theo Ngài, tìm cầu giải thoát.

"Tứ Thập Cửu Niên, Thuyết Pháp Độ Sinh"

49 năm Ngài đã đi, đã thuyết, không ngừng nghỉ cho đến khi nhục thân già yếu, Ngài dừng lại trong rừng cây Ta La. Nơi đây, Ngài đã thuyết bài pháp cuối cùng cho các đệ tử với 4 câu kệ trước phút tịch diệt:

Chư hành vô thường

Thị sanh diệt pháp

Sinh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi lạc.

Chính rừng cây hoa trắng này là nơi Ngài:

"Ta La Song Thọ, Thị Hiện Niết Bàn"

Ngài về Niết Bàn cũng chỉ là "Thị hiện Niết Bàn", như khi đến với đời chỉ là "Thị hiện Đản Sinh". Tư tưởng thị hiện "Pratiharia" trong Đạo Phật mang tinh thần nhẹ nhàng, siêu thoát, tưởng như thực mà hư, hư mà thực. Đến như thế, đi như thế chính là "Đến mà không đến; Đi mà không đi". Cái thực có mà Ngài hết lòng chỉ dạy để chúng ta nhận được, biết được là "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn." Trên tất cả chỉ có ta là tôn quý. Cái "Ta" ở đây không phải là cái ta kết hợp bởi đất, nước, gió, lửa, mà là cái ta thường hằng bất biến, cái nhận biết mọi hiện tượng không qua lăng kính phân biệt, cái biết, cái thấy "như thị". Cái ta đó là Phật Tánh sẵn có nơi mỗi chúng sinh. Ai nhận ra, sẽ thành Phật, ai chưa nhận ra, vẫn mãi là chúng sinh.

Trong không gian bát ngát trầm hương tưởng nhớ ngày Bạc Giác Ngô thị hiện đản sanh, xin cùng nhau mở kho châu báu, lấp lánh suốt chặng đường Ngài đã đến, rồi đi, qua bài:

Thập Nhị Căn Bái Đức Bổn Sư

(Mười hai bài Phật Đức Bổn Sư):

1- A Tì Ngục Tốt, Sơ Phát Thiện Tâm

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

2- Đâu Xuất Giáng Thần, Ma Da Ứng Mộng

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

3- Hoàng Cung Thát Chất, Hiện Trú Thai Tạng

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

4- Lâm Tỳ Ni Viên, Vô Ưu Thọ Hạ, Thị Hiện Đản Sinh

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

5- Du Quán Tứ Môn, Yếm Lão Bệnh Tử

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

6- Bán Dạ Du Thành, Xuất Gia Tâm Đạo

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

7- Thanh Sơn Đoạn Phát, phông Đạo Tâm Sư

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

8- Tuyệt Lãnh Tu Hành, Lục Niên Khổ Hạnh

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

9- Bồ Đề Thọ Hạ, Hàng Phục Ma Binh, Dạ Đố Minh Tinh, Đạo Thành Chánh Giác

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

10- Tứ Thập Cửu Niên, Thuyết Pháp Độ Sinh

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

11- Ta La Song Thọ, Thị Hiện Niết Bàn

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

12- Lưu Bồ Xá Lợi, Phước Lợi Nhơn Duyên

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nỗi sầu nham thạch

Đưa tay hứng một giọt sầu
Đem về nghiền ngẫm trắng phau cả đời
Biết rằng thế sự... cuộc chơi
Mà trong tiền kiếp... buồn ơi... vẫn còn...

Ta làm tráng sĩ lên non
Vút thanh kiếm báu chặt... mòn niêm riêng
Thoảng nghe... đôi lúc... chung chiêng
Ở trong tiềm thức một miền... thạch nham

Nhớ xưa tiên xuống trần gian
Khi về lại nhớ... mấy hàng lệ sa
Huống chi là cõi người ta
Thì thôi... ừ nhỉ, chỉ là nợ nhau

Chấp tay sen búp nhiệm màu
Tặng người ta hát đôi câu nhạc thiền
Ta mang sông núi hồn thiêng
Nỗi sầu nham thạch thả trôi sông trôi

Đầu sương trắng đã lên rồi...

Thiên Trúc, San Jose 3/2012

HÀN LONG ẨN



thơ

Nắng Không Rọi Bên Tôi

Nắng không rọi bên tôi buổi sáng,
Mà chiếu qua nhà người hàng xóm lung linh.
Cho nên dù đã bình minh,
Bên tôi vẫn tối hỏi mình buồn không ?

Nếu đã hỏi tôi xin thưa rõ:
Lòng của tôi sáng tỏ trăng sao.
Chẳng buồn chẳng chút ghen nao.
Nắng bên nhà bạn khác nào như tranh.

Tranh tươi đẹp khi tôi mở cửa.
Cảnh nên thơ gợi rửa tâm hồn.
Nên tôi chẳng chút lòng tham,
Chiếm mua nhà bạn như hàng thường nhân.

Có một thứ mình chung bạn nhỉ ?
Dù bên này hay ở bên kia.
Đó là tiếng của con chim,
Lú lo đang hót trên vòm cây cao.

Nên tôi chẳng bao giờ có ý,
Phải tìm mua chiếm ngụ căn nhà.
Bởi vì buổi sáng bước ra,
Nắng không chiếu dội chan hoà bên tôi.

ĐÀO VĂN BÌNH

(Atlanta, Georgia 2002)

Lời tác giả:

(Người con Phật không bao giờ ghen tị với sự thành công của người, thêm khát và tìm cách chiếm đoạt những cái hay, cái đẹp của người. Đó là ý của bài thơ này)

VÒNG XOÁY CỦA NGHIỆP LỰC

Cư sĩ Liên Hoa



*Sao lại gọi ta lúc đêm khuya về
sau thời kinh, thiên tạo
cho cơn đau nào chợt đến
gặm nhấm thân thể
có phải là trùng khơi sóng chuyển
có phải là vũ trụ chuyển mình
có phải là đất trời lên cơn giận
ta lặng im,
cơn đau dồn dập
nghe chừng hơi thở như ngưng bật
mắt nhắm nghiền
ôm vùng bụng nóng ran
như chờ như đợi,
chia cách từng tế bào
như muốn xé thân thể vỡ ra từng mảnh
đôi tay, xin chấp lại
gọi thầm hơi thở,
niệm tên Bồ tát của lòng Từ
Nam mô Bổn tôn Quán Thế Âm Bồ tát...*

Không thể đặt lưng nằm xuống giường được, khi cơn đau ồ ạt đến, cấu xé trên vùng bụng nóng ran. Tôi đã im lặng, nhìn thấy cái vô thường có mặt, có thể đem sinh mạng ra đi bất chợt, về một nơi chốn nào đó. Tại sao vậy? Chỉ vừa cách đây khoảng nửa giờ, tôi rất là bình thường, không một triệu chứng gì báo hiệu trước. - Đó có phải là sự chuyển đổi, không thể kiểm soát được của làn sóng sinh diệt, của sự mỏng manh của các pháp, của tuồng ảo hoá (māya), của một kiếp người.

Người Phật tử vẫn thường quán niệm hàng ngày về sự vô thường của đời người như bọt nước, như sương buổi sớm mai, như hoa đốm giữa hư không, tồn tại, hiện hữu và mất mát trong từng sát na, huyễn mộng và không thể nắm giữ được. Nhưng khi đối diện với thực tế, với những gì đang xảy ra, tiếp cận với và cho chính mình, quả là một trò đùa của nghiệp lực...

*nếu em đếm được bước chân vô thường
trên dốc đời của của cuộc đời
có những cơn mưa đổ xuống
tạo thành các hạt bong bóng
nhiều sắc màu thật đẹp
sẽ dễ vỡ, tan biến
hoà theo dòng nước của cuộc sống
những hơi sương buổi sáng
loãng dần trong nắng sáng
một ngày về thanh tịnh*

*từng lá cây lia cành
trải dài rong rêu trên con đường
có phải đẹp lắm không
sự nhiệm màu của các pháp
có mặt, chia sẻ,
cùng nhau phơi bày lời thuyết pháp
ngôn ngữ biểu hiện của chân tâm
một hơi thở
một niệm khởi lên
à, như vậy, cũng là một đời người ...*

- Bác sĩ hãy cho tôi biết sự thực về bệnh tình của tôi. Sống đến từng tuổi này, có sống thêm cũng đủ, mà đời có ngắn hơn thì cũng đã xong. Tôi là người Phật tử, nên thường quán niệm về kiếp sống ngắn ngủi, vì ai rồi cũng phải ra đi, không sớm thì muộn.

- Theo kết quả mà tôi có được, sau khi thử máu, CAT Scan, soi ruột ..., và theo kinh nghiệm, anh có thể sống từ 3 đến 6 tháng, vì bệnh của anh đã qua Part 4 (giai đoạn cuối).

Tôi hơi giật mình với lời nói của Bác sĩ về kết quả này, dù cũng đã chuẩn bị tinh thần để đối diện, chấp nhận, nhưng chủ quan về đời sống tinh thần cũng như sự điều độ dinh dưỡng, thực tập thiền mật mỗi ngày trong nhịp sống của mình, có thể hoá giải được nhiều việc. Cho nên, nếu bệnh tình trầm trọng đến như vậy, quả là một nghiệp lực đã chín mùi, cần xuất hiện để cảnh tỉnh.

- Cảm ơn Bác sĩ. Như vậy đã đủ để tôi có thể sắp xếp lại gia đình, cuộc đời và những gì liên hệ.

Người hành giả tu tập thường cầu biết trước giờ chết, nay mình chưa biết trước giờ ra đi, những cũng đã nắm được khoảng thời gian cần thiết, cho phép.

*Hãy lắng lòng nghe đi em
lời xưa đã gọi
đã bao năm dong ruổi trên cuộc đời
cũng bởi sắc, bởi thanh, bởi hương
bởi giai tầng vị xúc pháp
ta có được những gì
nhiều quá phải không
trong lòng tay huyễn mộng
một tấm lòng mở rộng
của người con Phật
như hương thơm cam lồ
đi đến trong vô thường
làm nên hương trầm thanh thoát
để cho nhau, cho cuộc đời, cho con người*



*trong lý tưởng đẹp của từ bi
có vị ngọt tẩm lòng người con Phật
đôi mắt kia có héo mòn,
nhưng là vực sâu soi sáng của lúc soi tâm
lời kia có yếu kém
nhưng là ngôn ngữ của yêu thương
sau cơn trầm mình trong bốn nhiếp pháp
bàn tay kia có run rẩy
nhưng là cả đại dương
ngút ngàn "sắc là không, không tức là sắc"
để có những buổi sáng, chiều hôm
cảm đức Phật trong lòng
Ngài mỉm cười bao dung ư
hay là pháp để học, chiêm nghiệm
cho cuộc đời thật đẹp
khi lìa bỏ thế gian này
vì là người con Phật,
mang một tấm lòng
làm đẹp cho đời....*

(lược bớt vài đoạn)

Con người thường của tôi cũng có da có thịt lắm chứ, lúc nào cũng cũng sống lạc quan, yêu đời, áp dụng lời Phật dạy trong cuộc sống. Nay, thì da thịt bong đi chơi, xanh xao nhiều, người ốm nhom ốm nhách, như bộ xương cách trí, nhưng dù sao, còn giữ được nụ cười và khi cười thì cũng hãy còn có duyên, tươi mát chút chút.

Ồi cũng mới đây thôi, còn nghĩ là mình ngon lành lắm, mà bây giờ lại như thế này, nhìn rõ cuộc đời hơn và quán chiếu thâm sâu lời kinh Bát Nhã. Bây giờ thì cần phải sống chung hoà bình với những gì hiện hữu trong thân, mà có thể một lúc nào đó trong cuộc sống, mình vô tình hình như quên mất, vì ỷ lại vào nơi sức khoẻ của mình. Căn bệnh này không phải từ ngoài vào, nhưng là tiếng nói của thân như tiếng gào thét của những tế bào bắt đầu lên tiếng. Đây cũng là nghiệp lực, là thử thách và cũng là cơ hội thù thắng để thực hành thâm sâu lời Phật dạy, để chuyển hoá những khổ đau của thân tâm và cũng để chuẩn bị khi vô thường đến đến lúc nào, sẽ không ngỡ ngàng, hốt hoảng, lo sợ.

*Có phải em đã đến bên ta trong vô lượng kiếp
đời phong trần, ngày tháng lại đem xa*

*một hôm kia, nhìn lại bên năm nào
chừng như đã xa xôi từ muôn thuở
cám ơn vô thường, làm ta thức tỉnh
cám ơn cơn đau, cảm niệm được phận người
cám ơn bốn đại, có hình hài huyền mộng
cám ơn Người, con đã tỏ đường đi...*

Chúng ta đều có đủ 3 thân như đức Phật: Pháp thân, Ứng thân và Hoá thân, nhưng Ngài là bậc Đại Giác, đầy đủ Phước Trí do công năng tu hành từ vô lượng kiếp, nên khi Ứng thân hay Hoá thân trong bất cứ cảnh giới nào, cũng chỉ vì đại nguyện độ sanh.

Còn chúng ta, Ứng thân trong cuộc đời này đều do nghiệp lực, do nhờ chút phước báu của quá khứ, được sanh làm thân người quả là điều rất khó, nên thân ngũ uẩn của mỗi người đều khác nhau, có kẻ xấu người đẹp, người có phước, kẻ nghèo khổ v.v... dù trong tâm vẫn còn đầy dẫy tham sân si. "thất viên minh tánh tác trần lao, xuất sanh nhập tử thọ luân hồi, dị trạng thù hình tạo khổ sở, túc tư thiếu thiện sanh nhân đạo...". Pháp thân thì mê mờ, chưa tỏ, Ứng thân thì do nghiệp báo sai biệt và Hoá thân cũng chỉ đều vị lợi mình, vị kỳ, chưa xả bỏ vì tha nhân.

Khi chỉ thấy ta (ái ngã), thấy ta là duy nhất (ngã chấp), thấy tiếc thương thân mạng, thấy sự ngắn ngủi của đời, chúng ta sẽ khổ đau, quên đi bài học mà đức Từ Tôn thường dạy: "Đời người thật mỏng manh, hơi thở ra mà không trở lại, thì một cuộc đời đã đi qua". Nhưng, cuộc đời rồi ai cũng phải trải qua sanh già bệnh chết, là chân lý không bao giờ sai. Không phải là trong thân thể chúng ta, mỗi giờ phút đã có biết bao nhiêu là tế bào sanh diệt, diệt sanh. Và vì ưa chuộng bề ngoài, nên trong đời sống hàng ngày, ta chỉ trau chuốt bề ngoài, đôi khi quên hẳn đi những gì tiềm ẩn bên trong cơ thể, như: tim, gan phổi thận bao tử ruột v.v., tất cả nội tạng, cơ thể đều cần tẩm lòng, tử bi, chia sẻ nuôi dưỡng và quan trọng hơn, ngay chính cái "tâm" cũng cần được sự cung cấp những chất liệu an lạc.

Nhìn rộng ra, qua dữ kiện động đất và tsunami vừa xảy ra tại Nhật bản vừa qua, chúng ta sẽ thấy thân mạng của con người nhiều khi thật vô nghĩa, nhỏ nhoi, vô thường trước nghiệp lực. Tất cả đều biến mất trong chớp mắt, nhà cửa, sanh mạng, tài sản. Những người Nhật đã không có thời giờ để chuẩn bị trước, và không ai biết rằng cái chết đã đến. Sau đó, là tinh thần của người Nhật do ảnh hưởng văn hoá Võ sĩ đạo, thiền Phật giáo, đã ứng xử thật đẹp, thật xúc động...nhưng, đó chính vì những hành hoạt mà họ có được để đang "giải hoặc nghiệp" của một quá khứ nào đó.

Dù sự việc xảy ra cách chúng ta nhiều ngàn cây số, nhưng là cùng trên quả địa cầu, cùng một hành tinh, nên cái đau, cái khổ, bất hạnh...của người Nhật cũng là cái đau, bất hạnh của chính chúng ta, của mỗi con người, dù ai vô tâm hay mang thành kiến cách mấy đi nữa, vì thế giới này ngày càng biểu rõ được tinh thần của Hoa Nghiêm trong đạo Phật "Cùng nhau duyên sanh, cùng nhau duyên diệt" và từ đó, cần nuôi dưỡng tâm đại bi để thương yêu, để

cùng chia sẻ. Thế giới càng ngày càng nhỏ lại, một dữ kiện xảy ra dù bất cứ nơi đâu, chỉ một búng ngón tay, đã hiện rõ ra trước mắt, để chúng ta cảm nhận được hết là loài người cần đến tình yêu thương và chia sẻ đến như thế nào. Con người không yêu thương con người, loài người sẽ ra sao? Tự đặt ra câu hỏi, và chính chúng ta cũng cần trả lời cho môi sinh, cho sự hâm nóng toàn cầu, cho chiến tranh, cho vũ khí giết người, cho sự thiếu lương thực, nước uống của một ngày không xa và cho chính tâm bất an của nhân loại.

Cũng qua đó, tự nhiên cảm thấy những cơn đau, bất hạnh, sanh mạng của mình sao nhỏ bé quá, so sánh với nỗi thống khổ vô vàn của biết bao nhiêu người đã và đang lâm nạn, không thể diễn tả hết cảm xúc, nổi lòng, cảm thông, chia sẻ.

*Bồ tát Quán Thế Âm,
Bàn tay mẹ quay cuồng trong biển động
mở trời thương soi rọi cõi Ta bà
lòng từ bi chan chứa nỗi vô biên
chúng sanh khổ, lòng Bồ tát yên sao đặng.*



là sức mạnh, sức bật và là nền tảng để dung thông được tất cả mọi nền tảng văn hoá, triết học, xã hội học, đạo đức học v.v... của nhân loại? Câu trả lời là do chính mỗi người cần phải tiếp cận, nghiên cứu, học hỏi và áp dụng lời dạy của đức Phật. Tôi có chủ quan không?- Thưa không, vì giáo lý của đạo Phật rất cởi mở, thanh thoát, dung thông, tự tại, mà người áp dụng, thực hành khi nào thấy những điều đó đúng, có thể đem lại cho mình được an lạc..., thì đó là điều kỳ diệu của cho chính mình. Nguồn giáo lý vi diệu, siêu thoát, hiện hữu, thực tại, giản dị ...đó đến từ vị Đại giác, xuất hiện vì tình yêu thương muôn loài và vị Thầy dẫn đường để con người tìm về bến bờ An lạc, Giải thoát. Ngài không phải là Thần linh để ban phước, gieo hoạ hay thưởng phạt và Ngài đặt trọng tâm nơi con người là cao quý, vì nơi con người, nơi cõi Ta bà nhiều bất hạnh này, lại là nơi đến đi của các cõi lành, an vui hay hạnh phúc hoặc bất hạnh, khổ đau do nghiệp lực mình tạo tác. Con người là chủ vận mạng của chính mình.

Những người hữu duyên với đạo Phật, đang thực hành pháp để chuyển hoá khổ đau, đem lại an lạc cho mình, từ đó, sẽ ảnh hưởng đến mọi người tiếp cận với những an vui, tươi mát, thanh thản, giảm thiểu những bung xung, căng thẳng của đời sống đem lại, do nội lực tự sinh. Tuy nhiên, những người vì thường sống vị kỷ, chỉ biết mình, ôm ấp những sở hữu dù là vật chất hay tinh thần, cho đó là nền tảng của sự hiện hữu chính của mình, lo sợ mất, vì quan niệm những thứ đó là miên viễn, không bao giờ lìa xa, biến mất, thì sẽ khó tiếp cận với đạo Phật, nếu không chịu sửa đổi, hoặc do vì một sự cố bất an nào đó, tự mình thức tỉnh tìm về con đường an vui này. Vì đạo Phật không muốn con người bi quan, chán đời, nhìn sai sự thật để mù quáng, tham chấp, rồi bị khổ đau. Cho nên, giáo lý đạo Phật cần được áp dụng, không phải để thoả mãn tri thức, kiến thức, tạo thành hý luận, nhưng là *tôn giáo của sự sống hay đúng ra, cần phải sống đạo cho chính mình, mới giải thoát khỏi những triền cái, sanh diệt, vô thường*. Nhìn rõ thực tại là phương pháp tối thẳng, sáng suốt hơn là tham chấp, vị kỷ, và tự đánh lừa mình trong trường thiên vọng tưởng, rồi trôi lăn trong các nẻo.

Do đó, xin được nhắc lại, qua phạm trù "Giới Định Huệ" cũng nhấn mạnh đến quan điểm thực tiễn,

Hỡi Tuổi trẻ, Tình yêu và Lý tưởng của tôi ơi! Thế giới đang quay cuồng với bao nhiêu biến động, tâm bất an do tham sân si của con người trong cộng nghiệp đã tạo thành thế giới đầy nổi oan khiên, thống khổ, hiện diện khắp mọi nơi. Có thể chúng ta cảm thấy an ổn vì những chấn động, xáo trộn không xảy ra ở nơi xa xôi nào đó, không liên hệ đến chúng ta, nhưng hành tinh này đâu phải là một khác nào đó xa lạ, để cho mỗi người có thể an ổn để sống như "ba cõi không an, giồng như nhà lửa".

Tình yêu, Lý tưởng và Tuổi trẻ là khoảng thời gian cao đẹp nhất trong đời người và chúng ta sẽ làm gì cho chính mình, cho xã hội và cho con người? Chúng ta sẽ còn sống bao nhiêu lâu trên cuộc đời này. Có ai dám chắc là mình

sẽ sống đến trăm tuổi, vì năm mờ xanh của trẻ nhỏ vẫn đầy dẫy mà (*cô phần đa thị thiếu niên thanh*).

Trong một lần lúc còn là sinh viên, còn đang đi tìm cho mình một lý tưởng sống, vì không lẽ cuộc đời con người chỉ lo ăn, lo mặc, lo đầy đủ vật chất, danh vọng và chờ ngày ra đi trở về, thật vô lý và vô nghĩa. Có một lần, tôi đến viếng thăm ngôi Chùa Kim Cương có Phật học viện Kim Cương, do Thầy Tuệ Đăng là Giám Đốc, tôi đã giật mình khi đọc đến hàng chữ "Giới Định Huệ dung thông Âu Á học". Tạo sao những nguyên nguyên của ngôn ngữ Phật giáo này, lại có thể





thực tu của đạo Phật, vì theo đạo Phật, nếu không có sự chuyên tu, không kiểm soát tâm, không chuyển hoá tâm, không nhìn rõ được các sinh diệt, vọng tưởng, không thanh tịnh hoá tâm... thì chúng ta chỉ có thể trở thành những nhà nghiên cứu, trí thức, trí thức, thông thái, đa văn, biện tài vô ngại, văn chương thi phú tràn lan ... nhưng khổ đau vẫn còn đó, phiền não, vọng tưởng điên đảo vẫn còn đầy, tham sân si vẫn có mặt... thì tất cả mọi ứng xử, giao tế, tiếp cận với chính mình hay người chung quanh, đều chỉ biểu lộ cho những ảnh hưởng do gốc rễ của bất hạnh, khổ đau và khó thể chia sẻ cho bất cứ ai niềm an vui, an lạc.

Và tuổi trẻ mang Lý tưởng, Tình yêu hãy thức dậy, để suy nghiệm rằng chúng ta sẽ làm gì cho cuộc đời mình, cho xã hội và cho con người để sống đúng với lý tưởng "hoàn thiện con người để hoàn thiện xã hội, tha nhân hoặc trau dồi, thực tập, áp dụng Giới Định Huệ để chuyển hoá chính mình, để làm hiển lộ con người nhân bản của mình để làm ích lợi cho mình và người". Cuộc đời như vậy, có phải là đẹp và đáng sống hơn không? Khi tâm ta không an, nhiều đau khổ, căng thẳng, xáo trộn ... thì chúng ta không thể chia sẻ và cho ai được những gì an vui, hạnh phúc và ngược lại, khi tâm than thân, bao dung, từ bi, hỷ xả...thì chất liệu này sẽ ảnh hưởng đến mọi người chung quanh, đem lại niềm hạnh phúc vì điều cho mình và người và dù có ra đi, tâm vẫn an vui, thanh thoát và sống là một thực hiện sinh động cho lý tưởng toàn thiện, hạnh phúc cho mình và người trong tinh thần cao đẹp của đạo Pháp, con người. Đừng để thời gian lãng phí trôi qua trong mộng huyền.

Những suy nghĩ được có mặt khi đang mang cơn bệnh nặng, không biết sẽ ra đi vào lúc nào, nhưng vì luôn luôn mong báo ân đức Phật, Thầy Tổ v.v... như tôi thường thưa, người con Phật làm gì cũng chỉ vì tấm lòng, nên xin được ghi lại như những lời chia sẻ

chân thành, trân quý.

(lược bớt một số đoạn)

*... nhưng, nếu có ai hỏi chúng ta
điều gì còn lại trên cõi đời này
khi buông xuôi đôi tay
mắt khép vào miền viễn
thì có phải chăng
đó là Tình yêu, là Tấm lòng, là sự Chia sẻ*

Và còn biết bao nhiêu tấm lòng đẹp, cao quý khác nữa, âm thầm hoặc công khai, tại nhà hoặc tại các Đạo tràng, luôn hướng tâm cầu nguyện...xin cho được dâng trọn lòng thành kính tri ân.....

*Cám ơn Xuân có mặt
để hoa lá nở tươi
cám ơn Hạ trở về
cho lòng người ấm áp
cám ơn Thu trong trẻo
cho mát rượi tâm người
cám ơn Đông buốt giá
cho tình người gần nhau
cám ơn buổi sớm mai
nhìn nhau lòng thanh thản
cám ơn buổi chiều tàn
lòng tử vẫn nở hoa
cám ơn tình nhân loại
xin mở rộng tấm lòng
xin cho Hoà bình đến
để muôn loài an vui...*

Người con Phật, dù có ra sao, cũng sống với sự chân tình, với cái tâm trong sáng, với tất cả tấm lòng... cho nên, luôn thực tập thân bệnh chứ không để cho tâm bệnh, rồi chờ đợi sự ra đi, có đến sớm hay muộn, cũng với sự thanh thản, buông xả và để tùy vào nhân duyên tan hợp, hợp tan.

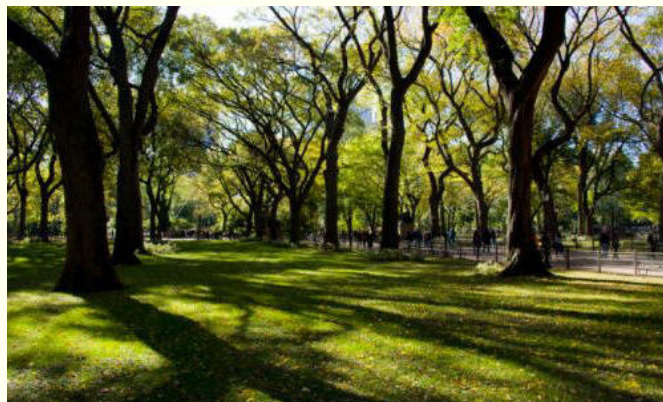
Có một gì đó lắng đọng lại với ngôn ngữ của nguyên ngôn, tước bỏ những hào nhoáng của và chấp, tỏ vẻ để lộ nguyên hình của Tánh không, Vô tướng và với lòng chân thành này, xin được kính dâng và chia sẻ.

Một buổi sáng ghi lại, cho ngày sinh nhật 21.04.

Thành phố Hương Thông (Houston, Texas)

Ngày 17.04.2011

Cư sĩ Liên Hoa





VĂNG SINH LẠC QUỐC

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC **CƯ SĨ LIÊN HOA**, THỂ DANH **NGUYỄN HÀ MINH**, TỬ TRẦN NGÀY 28.2.2012 (NHÂM MÙNG 07.2 NHÂM THÌN).

LÀ MỘT PHẬT TỬ MẪU MỰC, ĐỨC HẠNH, NHIỀU TÀI NĂNG, CƯ SĨ LIÊN HOA ĐÃ CÓ NHỮNG ĐÓNG GÓP ĐÁNG KỂ ĐỐI VỚI CÁC PHẬT SỰ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC; ĐẶC BIỆT, CƯ SĨ CÒN LÀ MỘT NHÀ THƠ, NHÀ VĂN, NHÀ DỊCH THUẬT, TỨNG CÔNG HIỆN RẤT NHIỀU CHO NỀN VĂN HỌC NƯỚC NHÀ NÓI CHUNG, PHẬT GIÁO NÓI RIÊNG.

SỰ RA ĐI CỦA CƯ SĨ LÀ MỘT MẤT MẮT LỚN KHÔNG RIÊNG ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH THÂN THUỘC, MÀ CÒN LÀ NIỀM KÍNH TIẾC CHUNG CỦA CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI, CÁC PHÁP HỮU, THÂN HỮU TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI CÙNG NHƯ TRONG GIỚI PHẬT GIÁO ĐỒ, VÀ CÁC VĂN THI ĐẢN VIỆT NAM.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU CÙNG GIA ĐÌNH THÂN QUYẾN CỦA CƯ SĨ, VÀ XIN THẬP NÉN TÂM HƯƠNG NGUYỆN CẦU CƯ SĨ VĂNG SINH PHẬT QUỐC.

- Tổng vụ Truyền Thông Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
- Toàn thể ban biên tập và văn thi hữu nguyệt san Chánh Pháp, cùng thân hữu chú trương/điều hành các websites Hải Triều Âm, Buddha Home, Trung Đạo, Hộ Pháp

- Ban chủ trương "Văn Học PGVN Hải Ngoại – Sưu Khảo": Thích Nguyên Siêu, Thích Tâm Hòa, Bùi Ngọc Đường, Huỳnh Kim Quang, Vĩnh Hào
- Chư tôn đức tăng ni và các pháp hữu, văn thi hữu, thân hữu: Thích Hạnh Tuấn, Thích Tuệ Uy, Thích Nhật Trí, Thích Minh Tân, Thích Nữ Như Thủy, Thích Nữ Huệ Trân, Tâm Diệu, Tâm Minh Ngô Tăng Giao, Tâm Minh Vương Thúy Nga, Vũ Tiến Lập, Nguyễn Thảo Quỳnh My, Diệu Thiện, Phan Trung Kiên, Viên Minh Đỗ Châu Oanh, Tâm Thanh Lê Thị Chiêu Hà, Thị Kiệt Võ Anh Tuấn, Diệu Trang Dương Mỹ Huyền...

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

BAN TỔ CHỨC

4273 Solar Way, Fremont CA 94538 * Email: tuhoc2usa@gmail.com

Thông Báo

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyến thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chướng nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thẳng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

Năm nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2 sẽ được tổ chức vào các ngày từ **Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 02 đến ngày 06 tháng 8 năm 2012, tại Khách Sạn Santa Clara Marriott, 2700 Mission College Boulevard, Santa Clara, CA 95054; điện thoại: (408) 988-1500**. Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.

Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2 xin lưu tâm một số điểm như sau:

- 1- Gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letter-head đã ghi, từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;
 - 2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 4 ngày tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em đi theo xin đóng thêm \$150 USD (một trăm năm mươi Mỹ Kim);
 - 3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;
 - 4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;
 - 5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, Phi Trường San Francisco, và Phi Trường Oakland để tiện việc đưa đón;
 - 6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa họp đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 02 tháng 8 năm 2012;
 - 7- Theo tinh thần Giới Luật Phật và Nội Quy của Khóa Tu Học, cũng như để mang lại sự an lạc cho mình và pháp hữu, xin quý Phật tử tham dự đừng mang theo nhiều nữ trang quý giá, chỉ mang theo những giấy tờ tùy thân, vật dụng và thuốc men cần thiết;
 - 8- Thời tiết tại vùng San Jose, California, vào những ngày đầu tháng 8 vẫn còn trong mùa hè nắng nóng, quý Phật tử tham dự không cần phải đem theo áo chống lạnh.
- Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 1 năm 2011 vừa qua, chắc hẳn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2. Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử tinh tấn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử Bồ Đề tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Báo,

Fremont, ngày 15 tháng 02 năm 2012,

Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

Trưởng Ban,

Tỳ kheo Thích Đồng Tuyên

ĐỨC PHẬT ĐẢN SANH

Qua thi phẩm “ÁNH SÁNG Á CHÂU” của Sir Edwin Arnold

Trần Phương Lan dịch và chú giải

Lời người dịch: Đức Phật đản sanh là một sự kiện kỳ diệu hy hữu như lời Ngài đã dạy:” Có một người sinh ra đời vì an lạc của quần sanh, vì lòng thương tưởng đối với đời, vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc của chư thiên và nhân loại. Người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, bậc A-la-Hán, Chánh Đẳng Giác” (Kinh Tăng Chi I)

Đức Phật đã xuất hiện ở đời dưới hình thức một vị thái tử đầy đủ hảo tướng, tài đức vẹn toàn. Khi trưởng thành, Ngài cũng lập gia đình như một người thường, nhưng sau đó, Ngài muốn tìm giải pháp cho vấn đề sanh tử của đời người, nên Ngài đã làm đại sự xuất thế và đã chứng ngộ chân lý. Ngài trở thành bậc Vô Thượng Giác Ngộ và đem giáo lý của Ngài soi sáng trí tuệ của những ai muốn nghe pháp để tận diệt khổ đau, đạt đến chân hạnh phúc, Niết Bàn bất tử.

Suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ qua, giáo lý của Đức Phật đã đem lại biết bao niềm hạnh phúc cho các dân tộc Châu Á và dần dần được truyền bá rộng khắp năm châu, vì thế Đức Phật đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho biết bao công trình văn học nghệ thuật, nghiên cứu, khảo cổ... từ ngàn xưa đến nay.

Vào cuối thế kỷ thứ 19, sự xuất hiện của thi phẩm Ánh Sáng Á Châu hay sự Xuất Thế Ví Đại (The Light of Asia or The Great Renunciation) của Sir Edwin Arnold (1832-1904), là một hiện tượng văn học Anh đặc biệt mang đậm dấu ấn Phật giáo đã gây sự chú ý của giới trí thức đương thời. Thi sĩ này vốn là một nhà quý tộc xuất thân từ trường Đại học King's College thuộc Viện Đại Học Cambridge và sau đó học ở Viện Đại Học Oxford Luân Đôn, là những lò đào tạo trí thức cho giới thượng lưu của cả Âu Châu ngay từ thế kỷ XII. Nhân chuyến công du sang Ấn Độ để làm hiệu trưởng trường Đại học Poona College ở Bombay (1856 - 1861), vị ấy đã đến với đạo Phật và được cảm hoá vào đạo. Kết quả của thời kỳ Đông du ấy đã đạt đỉnh cao nhất với thi phẩm The Light of Asia và nhiều dịch phẩm từ nguyên tác Sanskrit.

Đặc biệt thi phẩm **The Light of Asia** được xây dựng quanh chủ đề cuộc đời Đức Phật từ khi Ngài từ cung trời Tusita (Đâu-suất-đà) nhập mẫu thai Hoàng hậu Màya, rồi sinh ra làm thái tử sống đời vương giả ở hoàng cung cho đến ngày Ngài làm đại sự xuất thế tầm cầu chân hạnh phúc để cứu độ nhân loại. Sáu năm khổ hạnh và trận chiến đấu cuối cùng đầy khốc liệt của đạo sĩ Gotama trước sự tấn công như vũ bão của ma vương và ma quân quanh cội Bồ đề đã diễn ra vô cùng sinh động dưới ngòi bút tài hoa đầy sáng tạo của thi sĩ cho đến khi Ngài chứng đắc tam minh

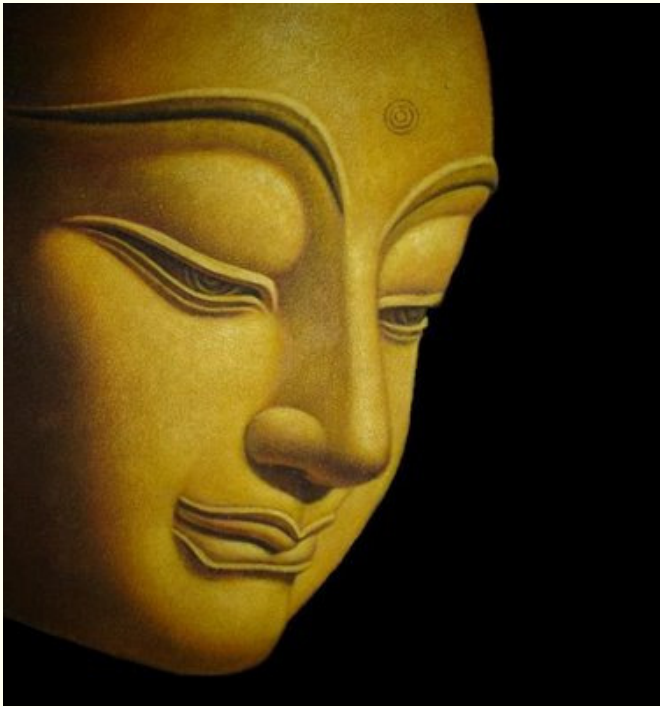
và liễu ngộ lý duyên khởi của vạn pháp. Ngài trở thành bậc chiến thắng trên chiến trường lúc bình minh vừa xuất hiện ở phương Đông, ánh sao mai mờ dần nhường chỗ cho ánh mặt trời ló dạng trước niềm hân hoan của chư Thiên và loài người trên thế giới.

Mặc dù là một người Tây phương sống cách xa thời đức Phật gần hai ngàn năm trăm năm, tác giả tự nhận mình đã thay lời một Phật tử Ấn Độ diễn tả lòng ngưỡng mộ thành tín sâu xa của mình đối với cuộc đời kỳ diệu của đức Phật và sự nghiệp thuyết pháp độ sanh của ngài qua thi phẩm trữ tình này, làm cho nó có một sức hấp dẫn mãnh liệt đối với các tầng lớp trí thức Tây phương và đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ Tây phương, nên đã góp công rất lớn vào sứ mạng truyền bá đạo Phật ở Âu Châu và đặc biệt ở Anh từ cuối thế kỷ thứ 19 đến nay.

Thi phẩm chấm dứt với lời phát nguyện quy y Tam Bảo của chính tác giả như bất kỳ một đệ tử thuần thành nào trước Đức Thế Tôn đã đem lại ánh sáng của trí tuệ và từ bi để cứu khổ muôn loài chúng sanh trên thế gian.

Sau đây là trích đoạn sự kiện đức Phật đản sanh trong phần mở đầu thi phẩm này.





Chương một

*Kinh của Ngài, Phật Thế Tôn cứu độ
Sĩ-đạt-ta là Thái tử giáng trần,
Trong đất, trời, địa ngục chẳng ai bằng
Bậc Tối thắng, Đại từ bi, Trí tuệ
Được tất cả muôn loài đồng kính lễ
Bậc Đạo Sư dạy Giáo pháp Niết bàn.*

*Như vậy Ngài tái thế cứu nhân gian:
Dưới cõi tối cao, Tứ Thiên Vương (1) ngự
Trị thế gian, và dưới đó là miền
Cao nhưng gần, nơi các vị thánh hiền
Sẽ sống lại ba mươi ngàn năm tới
Châu Đúc Phật, trên trời cao chờ đợi
Vì nhân gian, hiện năm tướng giáng sanh,
Nên Chư Thiên hiểu biết các điềm lành
Đồng bảo: "Phật tái sanh giúp thế giới".
"- Phải, ta đi giúp trần gian, Ngài nói,
Đời cuối cùng qua bao kiếp tử sanh
Đến với ta và kẻ học pháp lành
Ta sẽ xuống giữa Thích-ca (2) bộ tộc
Dưới sườn núi miền nam Hy-mã-lạp (3)
Có thần dân mộ đạo với mình quân".
Một đêm kia, chánh hậu Tịnh Phạn Vương (4)
Bà Mà-Yà (5), ngủ yên bên chúa thượng,
Thấy mộng lạ: sao từ trời hiện xuống
Sáu hào quang màu hồng ngọc huy hoàng
Từ sao kia là một đại tượng vương
Sáu ngà (6) trắng như sữa thần tham dục (7)
Giữa cõi không, chiếu vào bà lập tức
Nhập mẫu thai bên phải. Tỉnh giấc mơ
Diễm phúc siêu phàm tràn ngập long bà
Và nửa cõi đất, hào quang mẫu nhiệm.
Ngay trước ban mai, hào quang xuất hiện:
Các đời cây lay động, sóng ngàn trùng*

*Lặng yên dần, hoa nở rộ tung bùng
Như giữa ngo, tận các miền ngục tối
Niềm hân hoan của bà hoàng chiếu dội.
Khi mặt trời ấm áp nhuộm màu vàng
Các khu rừng, xuyên tận các đại dương.
Một tiếng thì thầm dịu dàng vang vọng
"Hỡi các người chết kia, nay phải sống,
Dậy mà nghe, hy vọng: Phật-đà sanh!
Ở Lâm-tì-ni (8) vạn vật an bình
Đang trải rộng, tâm thế gian náo nức
Làn gió mát, lạ, lướt qua biển, đất.
Khi bình minh ló dạng, chuyện đem trình
Những người đoán mộng tâu: "Chính điềm lành!
Sao con Cua cùng mặt trời tụ hội,
Hoàng hậu sanh một hoàng nam nối dõi,
Bậc Thánh hiền đại tuệ lợi quần sanh
Sẽ giải thoát loài người khỏi vô minh
Hoặc chiếu cố thế gian và ngự trị (9)*

*

*Theo cách này, đức Phật-đà giáng thế:
Đứng giữa trưa, Hoàng hậu đứng lâm bồn
Dưới Sa-la (10) đại thọ trong khu vườn,
Thân hùng vĩ, thẳng cao như ngọn tháp,
Dưới tàng lá sum sê, hoa thơm ngát,
Cùng muôn loài, khi biết đã đến thời,
Cây khôn liền uốn nhánh lá cao vờ
Xuống đất để làm mái che Hoàng hậu.
Mặt đất bỗng hiện đủ ngàn hoa báu
Trải tọa sàng. Chuẩn bị tắm hoàng nam
Đá kể gần phun nước suối trong nguồn (11)
Pha lê chảy, mẫu hoàng ôm con trẻ
Thật bình an. Ngài vẹn toàn thân thể,
Ba mươi hai tướng tốt báo điềm lành (12)
Tin mừng vui vang đến tận cung đình.
Nhưng khi chúng đem kiệu hoa đến đón
Hoàng hậu ra là bốn vị Đại Thiên Vương
Từ núi Tu-di (13) canh giữ bốn phương:
Thần phương Đông có biệt danh Trì Quốc (14)
Đoàn tùy tùng khoác xiêm y bằng bạc,
Và mang theo những khiên mộc ngọc trai.
Thần phương Nam, Tể Tướng chính tên ngài,
Đoàn kỵ mã, Cưu-bàn-trà đại quý,
Cỡi ngựa xanh, mang khiên thanh ngọc quý,
Thần phương Tây là Quảng Mục Thiên Vương (16),
Đoàn quân hầu là các vị Long thần (17)
Cỡi tuần mã màu máu đào rực rỡ,
Mang các tấm khiên bằng san hô đỏ.
Đa Văn là chúa tể ở Bắc phương (18)
Đoàn Dạ-xoa hộ tống mặc toàn vàng (19)
Cỡi hoàng thổ, mang khiên vàng chói sáng.
Các thiên thần vẫn tàng hình hiện xuống
Khiêng cáng và mặc y phục thường dân,
Song thật ra là các đại lực thần
Cùng rảo bước cùng phàm nhân hôm đó,
Dù loài người không làm sao biết rõ:
Trên cõi trời tràn ngập nỗi hân hoan
Cũng chỉ vì hạnh phúc của trần gian
Khi biết Phật Thế Tôn vừa giáng thế.*

Việc này Tịnh Phạn Vương chưa hiểu nghĩa,
 Các điềm kia làm chúa thượng lo âu,
 Cho đến khi các người giải mộng tâu
 Hoàng tử sẽ cầm quyền khắp cõi thế,
 Là một Chuyển luân vương (20) lên ngự trị,
 Một ngàn năm mới chỉ có một lần,
 Ngài chủ quyền luôn bảy thứ bảo trân (21)
 Bánh xe báu, ngọc thần kỳ, tuần mã,
 Ngựa báu sẽ dẫm lên ngàn mây gió,
 Một tượng vương sắc như tuyết trắng ngần
 Được sinh ra để chờ vị Thánh quân,
 Đại thần giỏi và tướng quân vô địch,
 Một hoàng hậu với dung nhan toàn bích,
 Đáng yêu kiều hơn thần nữ Rạng đông (22)

Vì bảy báu kia cùng vị Đông cung,
 Vua ra lệnh kinh thành khai đại lễ:
 Mọi lối đi được quét chùi sạch sẽ,
 Nước hoa hồng được rải khắp trên đường,
 Cây treo đèn, cờ xí rợp mười phương
 Trong lúc đó, từng đám đông vui vẻ
 Trở mắt nhìn người múa gươm oai vệ,
 Bọn làm trò, nhữ rảnh, bọn leo dây,
 Bọn nhào lộn và vũ nữ từng bày
 Váy lấp lánh với chuông rung thánh thót
 Như cười nhẹ quanh đôi chân nháy nhót,
 Bọn mang mặt nạ da báo, hươu, nai,
 Bọn đá chim, luyện cộp và quảng dây,
 Bọn đánh trống và những bày đồ vật,
 Làm mọi người thật hân hoan hạnh phúc.

Còn thương nhân tấp nập tự dâng xa,
 Nghe tin đàn sanh đem tặng lăm quà
 Trong mâm vàng, đầy khăn quàng, ngọc biếc,
 Cây hương liệu, sắc trời chiều tơ dệt
 Thật mỏng manh dầu xếp mười hai tầng
 Cũng không thể che khuôn mặt thẹn thùng,
 Những chiếc váy được thêu đầy ngọc trắng,
 Gỗ đàn hương tử thị thành phụ cận
 Cung kính chào "Hoàng tử Sĩ-đạt-ta"(23),
 Toàn thành công" họ nói đúng tên kia.

Giữa khách lạ từ phương xa từng đám,
 Một bậc Thánh tóc râu màu tro xám,
 A-tư-đà (24), người có một đôi tai
 Dài chấm đất, nghe âm hưởng từ trời,
 Khi cầu nguyện dưới gốc cây sung mãi (25).
 Các Thiên thần đồng ca bài "Phật đàn",
 Người tinh thông kiến thức bởi tu thiền,
 Người đến gần, dáng điệu thật trang nghiêm,
 Vua đánh lễ và mẫu hoàng ra lệnh
 Đưa hoàng nhi đặt dưới chân bậc Thánh.
 Nhưng khi nhìn Thái tử, lão Hiền nhân
 Thốt tiếng kêu: "Đừng làm vậy, Nương nương!"
 Và đặt khuôn mặt già nua lập tức
 Tại chỗ ấy, tám lần người chạm đất,
 Nói: "Ta xin đánh lễ đấng Hải đồng!"
 Ngài thật là vị cứu thế chính tông!
 Với hồng quang (26), lòng bàn chân có ấn (27),
 Cuộn lông mềm, cuộn theo hình chữ Vạn (28),



Ba mươi hai tướng tốt của Thánh hiền,
 Và tám mươi tướng phụ đã hiển nhiên (29)
 Ngài quả thật chính là người Giác ngộ,
 Ngài sẽ thuyết pháp lành và cứu độ
 Những người nào được học pháp sau này,
 Dù chẳng bao giờ ta được nghe Ngài,
 Vì ta sắp phải lìa đời quá sớm,
 Ta trước đây chỉ mong ngày số tận,
 Tuy nhiên nay ta đã thấy được Ngài.
 Phải biết rằng, tâu chúa thường ở đời,
 Đây chính Đóa Hoa trên cây nhân loại,
 Hẳng vạn năm mới nở ra sáng chói,
 Nhưng nở rồi, làm tràn ngập thế gian
 Với hương thơm của trí tuệ siêu phàm,
 Và mật ngọt của tấm lòng Từ ái,
 Từ gốc rễ của Hoàng gia vĩ đại
 Một đóa Hoa sen Thiên giới nở ra,
 Ôi! Muôn vàn hạnh phúc hồi Hoàng gia!
 Tuy nhiên cũng chẳng hoàn toàn ân phúc,
 Vì một lưới gươm kia đành xuyên suốt
 Cõi lòng bà, do Thái tử ra đời,
 Trong lúc bà, hồi Chánh hậu tuyệt vời,
 Được Thiên thần và loài người yêu quý
 Vì đã sanh bậc Thánh nhân kỳ vĩ,
 Nên từ đây bà quá đổi thiêng liêng
 Không thể nào còn chịu lắm ưu phiền,
 Mà cuộc đời này chính là khổ hải,
 Do vậy trong vòng bảy ngày trở lại,
 Lệnh bà không đau đớn dứt sầu bi".

*Việc xảy ra: ngày thứ bảy đêm kia,
Hoàng hậu Màya mỉm cười say ngủ,
Và từ đấy, đức bà không đi nữa,*

*Thật hài lòng lên cõi Đâu-suất đà (30)
Vô số Thiên nhân sùng bái đức bà,
Và hầu hạ Mẫu hoàng thành Thiên nữ.
Còn Hoàng gia tìm mẹ nuôi Hoàng tử,
Đó chính là Di mẫu Go-ta-mi (31),
Bầu sữa thanh cao nuôi nấng Ấu-nhi,
Đôi môi ấy sẽ cứu toàn thế giới.*

Như vậy theo truyền thuyết, tất cả chư Thiên và loài người đều hân hoan trước sự ra đời của Đức Phật, cho nên bốn vị Thiên Vương đã đích thân đem đoàn tùy tùng của mình xuống vườn Lâm-tì-ni để khiêng kiệu hoa hộ tống Hoàng hậu và Thái tử hài nhi về kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) cùng với đoàn người hầu cận vua, và bày tỏ sự hân hoan trước niềm hạnh phúc lớn lao của loài người hôm ấy.



HAN HUA / XINHU

CHÚ GIẢI :

(1) Tứ-Thiên-Vương (Catumaharajika): Bốn vị Thiên vương ở cõi trời thấp nhất trên đỉnh núi Sime-ru (Tu-di).

(2) Sakya: Tên bộ tộc thuộc quyền cai trị của vua Suddodana.

(3) Himalaya: Tuyết sơn, vùng đồi núi cao nhất thế giới ở miền Bắc Ấn Độ và Nepal ngày nay.

(4) Suddodana (Tịnh Phạn Vương): Vị vua cai trị bộ tộc Thích-ca thời bấy giờ.

(5) Màya (Ma-da): tên bà chánh hậu của vua.

(6) Voi trắng sáu ngà hay Hào quang sáu sắc: là biểu tượng của Đức Phật theo truyền thống kinh điển.

(7) Kàmaduk: Tên của vị thần tham dục theo truyền thuyết cổ Ấn Độ.

(8) Lumbini: Tên một hoa viên nằm trên đường đi của hoàng hậu lúc bà sắp lâm bồn.

(9) Những người tiên tri đoán mộng giải thích rằng khi sao con Cua hội họp với mặt trời, hoàng hậu sẽ sinh một hoàng nam là bậc thánh hiền đại tuệ có thể ngự trị toàn thế giới hoặc sẽ xuất gia thành đạo sĩ chứng quả Giác ngộ và giải thoát loài người khỏi vô minh.

(10) Sala: cây hoa cao lớn ở vườn Lumbini, theo truyền thuyết, là nơi hoàng hậu đứng và sanh Thái tử.

(11) Hai giòng nước nóng và lạnh từ trời tuôn xuống để tắm hoàng hậu và Thái tử hài nhi theo truyền thuyết.

(12) Thái tử hài nhi có đủ ba mươi hai tướng tốt lành của một bậc Đại nhân theo khoa xem tướng ở cổ Ấn Độ.

(13) Bốn vị Đại Thiên Vương bảo hộ thế giới ngự trên đỉnh Tu-di là trung tâm của vũ trụ theo vũ trụ quan cổ Ấn Độ.

(14) Dhatarattha (Trì Quốc): Vị Thiên vương canh giữ phương Đông, có đoàn tùy tùng là các thần Gandhabba (Nhạc thần).

(15) Virulha (Tăng Trưởng): Vị Thiên vương canh giữ phương Nam, có đoàn tùy tùng là các thần Kumbhanda (Cứu-bàn-trà).

(16) và (17) Virupakkha (Quảng Mục): Vị Thiên vương canh giữ phương Tây, có đoàn tùy tùng là các thần Nàga (Long thần hay Xà thần).

(18) và (19) Kurera (Đa Văn): Vị Thiên vương canh giữ phương Bắc, có đoàn tùy tùng là các thần Yakkha (Thần Dạ-xoa, Đại lực).

(20) Chuyển luân vương (Cakkavatti): Vị vua cai trị toàn cầu bằng chánh pháp.

(21) Vua có đầy đủ bảy báu vật: bánh xe báu, ngọc báu, ngựa báu và nữ báu.

(22) Rạng đông: tên của một nữ thần trong thần thoại cổ Ấn độ.

(23) Siddhattha: tên của Thái tử có nghĩa là Toàn thành công, Toại nguyện.

(24) Asita: tên vị thánh ở vùng Tuyết sơn đã đặc các thắng trí (Abhinna: lục thông) và tám thiền chứng (jhāna), nhờ thiên nhĩ nghe tin các Thiên thần ca ngợi Đức Phật đản sanh, nên đã đến thăm Ngài tại hoàng cung và đánh lễ Ngài khi thấy các tướng tốt của Ngài.

(25) Peepul hay pipala: một loại cây sung ở Ấn độ.

(26) Hào quang màu hồng ngọc.

(27) Lòng bàn chân có dấu bánh xe.

(28) Long cuộn theo hình chữ vạn (Svastika) là một tướng tốt trong 32 tướng chính.

(29) 80 tướng phụ của bậc Đại nhân theo khoa tướng số ở Ấn độ, có thể trở thành một vị Chuyển luân vương hay một bậc Giác ngộ để cứu đời.

(30) Theo truyền thống kinh điển, Hoàng hậu Màya từ trần và tái sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà (Tusita), chứ không phải cõi trời ba mươi ba (Tavatimsa) như trong thi phẩm này.

(31)Thứ phi Mahapajipati Gotami, em gái của chánh hậu Màya, trở thành mẹ nuôi Thái tử từ đó và giao hài nhi mới sanh của bà là Hoàng tử Nanda cho một nữ mẫu.

CÓ GÌ NƠI MỘT CÁI TÊN?

Vĩnh Hảo

Nghĩ cũng lạ! Cái tên chỉ là một tiếng gọi (âm thanh), một vài chữ viết (ngôn ngữ, văn tự), tách rời khỏi con người mình chứ không dính sẵn vào cơ thể mình như là bàn tay, cái chân, sợi tóc...; cũng không gắn vào người mình như quần áo, đồng hồ, giấy chuyên... Nó chẳng đụng gì tới mình cả. Nó ở ngoài khơi khơi, không hình sắc, không mùi vị; có ghi thành chữ thì cũng ghi trên một miếng giấy, một cái thẻ đeo trước ngực, rồi tháo xuống khi ra khỏi sở làm hay ra khỏi một ngày đại hội... Thế nhưng nó có đời sống dài lâu hơn thân xác, dai dẳng hơn cuộc đời của mình, bởi vì nó có mặt cùng thời với sự sinh ra của mình, có khi nó còn có trước khi mình sinh ra nữa kia, và khi mình chết đi rồi nó vẫn còn sống nhần đâu đó trên bàn thờ, nơi bia mộ, trên sách báo, hay trong tâm tưởng của một vài người nào đó cho đến khi không còn ai nhắc nhớ hay nhớ đến nữa...

Ồ là là, chẳng ngờ cái tên lại đóng một vai trò thật quan trọng trong đời sống mình đến thế. Nó làm cho mình trở nên mình. Nó làm cho mình không phải là kẻ khác. Nó chạy theo mình (hay mình bị chạy theo nó?) suốt cuộc đời. Người thân của mình muốn mình được sung sướng thì cũng không cần phải sờ chạm chi vào người mình, mà chỉ cần gọi cái tên của mình lên, kèm theo một vài cái mỹ-tính-tử (như đẹp [traí, gái], thông minh, thật thà, tài trí, giỏi, hiền...) thì tự dưng mình được hạnh phúc láng láng, mặt mày tươi rói lên thấy rõ. Kẻ thù của mình muốn đánh mình đau, muốn làm mình khổ, cũng chẳng cần phải thượng cẳng tay hạ cẳng chân mà đạp, mà đá, mà dẫm, mà thoi, mà véo, mà ngắt, mà day, mà đẩy, mà xô, mà đi, mà nghiền... mà chỉ cần gọi cái tên của mình rồi kèm theo một tràng những xú-tính-tử (như xấu, đều, tham lam, độc ác, dữ dằn, bắt tài, ngu dốt...) thì tự

dưng mình cũng xọp người đi, đau khổ muốn điên cả người, rồi ăn không ngon, ngủ không yên... Hờ, lạ nhỉ! Cứ nhìn lại xem nào, cái tên, nó có dính gì đến mình đâu, vậy mà nó lại tác động vào nỗi vui buồn sướng khổ của mình. Bơm cho cái tên nó mập ra thì nó càng làm khổ mình nhiều hơn; đai-ét, làm cho nó thon thon ốm ốm, rồi tiêu mòn dần cho đến mất hút thì đời mình sẽ ít lo lắng buồn phiền hơn. Cho nên, càng vô danh chừng nào thì lại càng thông dong, tự tại chừng nấy. Một cái tên thôi cũng đủ phiền mình lắm rồi, đừng có đại mà cố gắng cột, gấn, đeo, tròng... thêm cho nó những thứ phụ tùng khác (như các học vụ, nghiệp vụ, chức vụ...) để rồi chúng tiếp tay hành hạ mình nhiều hơn. Có người đã có tên rồi mà còn bắt người ta phải gọi chức vụ, hay học lực đi kèm theo nữa; người ta gọi không không thì không chịu, bắt phải nói cho đủ cả tên lẫn chức vụ nữa kia! Họ giỏi thật chứ hả? Cả đời chẳng biết mệt mỏi trong việc đeo mang một cái tên, và một lô các chức vụ, nghề nghiệp...

Thế thì, chúng ta sống ở đời, thực ra là sống vì cái gì, cho cái gì?—Cho sự tồn tại của một cái bản ngã mà người ta đã dán tên. Cái bản ngã ấy cần một cái tên để vươn rộng cánh tay của nó đến ngoại giới. Cái tên cần một cái ngã để nương tựa mà chứng minh sự có mặt của nó. Không có cái bản ngã thì cái tên chẳng có ý nghĩa gì cả, và cũng chẳng được "dính" vào đâu cả. Hễ mình "dính" vào cái tên, hay mình để cái tên "dính" vào mình, thì mình và nó cùng tồn tại, cùng đau khổ. Không cho nó "dính" vào đâu cả thì không có cái gì làm phiền hà đến mình.

Mình còn không có thì cái tên của mình làm gì có được nhỉ?

Nghệ thuật sống vui ở đời là hãy quên mình đi. Nhưng muốn quên mình đi, trước hết, hãy quên cái tên của mình cái đã. Cái tên mà không quên được thì cái "mình" không thể quên được đâu. Có gì nơi một cái tên?

(lược trích từ vinhhao.info)



© bichenodaily.com

QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo)

CHƯƠNG V QUAN NIỆM KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ CỦA DUY THỨC HỌC

V.- HỌC PHÁI DUY THỨC CỦA TRUNG QUỐC:

1.- HỆ PHÁI HUYỀN TRANG:

Ngài Huyền Trang truyền Duy Thức Học nơi Trung Quốc đồng thời thành lập Tông Duy Thức và do đó ngài được gọi là Sơ Tổ của Duy Thức. Khi dịch và chú thích Duy Thức Tam Thập Luận, ngài có ý định phiên dịch mười bộ luận riêng biệt nhau của mười Luận Gia, về sau theo lời thỉnh cầu của ngài Khuy Cơ liền gom mười bộ luận của mười Luận Gia nói trên dịch chung thành một bộ luận và truyền riêng cho ngài Khuy Cơ. Ngài Khuy Cơ nhận lời khải truyền của thầy sáng tác thành 60 quyển Thuật Ký, xiển dương áo nghĩa của Duy Thức và được Gia Huệ Sĩ Lâm công hiến những đặc thù rất lớn. Đồng thời với ngài Khuy Cơ thì có Huệ Quán, Lập Phạm, Nghĩa Tịch, Phổ Quang và Viên Trắc trụ trì chùa Tây Minh đều cùng nhau truyền bá học thuật này mà đời Đường tôn vinh là sáu Luận Gia. Ngoài sáu vị đây, còn có Thần Phụng Tân La Nhơn (người Triều Tiên) lại trước tác Duy Thức Tập Yếu. Gia Huệ Sĩ Lâm còn có trước tác Du Già Phật Địa Duy Thức Nghĩa Thú Kinh, rất tiếc bộ này đã bị thất truyền. Ngài Khuy Cơ thì được bí truyền học thuật của ngài Huyền Trang, nhưng các ngài như Viên Trắc, Tân La Nhơn, Trí Biện Vô Ngại đều đối lập với ngài Khuy Cơ. Ngài Viên Trắc chỉ được dự thỉnh ngoài cửa và nhờ đó sáng tác Duy Thức Sở và Thâm Mật Kinh Sở, hai tác phẩm sơ giải này trong thời Đường đã từng phiên dịch thành văn Tây Tạng.

Đệ tử của ngài Từ Ân (ngài Khuy Cơ) thì có Huệ Chiếu và Nghĩa Trung. Ngài Huệ Chiếu có đệ tử là Trí Châu. Huệ Chiếu thì sáng tác Duy Thức Liễu Nghĩa Đẳng, Trí Châu thì sáng tác Duy Thức Điển Bí. Còn ngài Tây Minh (Viên Trắc) thì có các sư như Thắng Trang, Đạo Chứng, Thái Hiền, v.v... và các vị này cùng nhau truyền thừa Duy Thức không cho chấm dứt. Đây là thời kỳ Duy Thức vô cùng phát đạt. Kể từ ngài Từ Ân và ngài Tây Minh trở về sau, Tam Tạng Nghĩa Tịnh thường phiên dịch Duy Thức Bảo Sanh Luận.

2.- HỆ PHÁI NHIẾP LUẬN:

Kinh luận của Duy Thức Học từ đời Đường trở về trước đã có phiên dịch từ lâu và ngài Huyền Trang trước khi chưa ra khỏi nước cũng đã có nghiên cứu đến. Người truyền bá Duy Thức trước đời Đường suy cho cùng lẽ đương nhiên chính là ngài Chân Đế. Ngài Chân Đế đã dịch các bộ luận như Nhiếp Đại Thừa

Luận, Thức Chuyển Luận, Hiển Thức Luận, Quyết Định Tạng Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận, v.v... lúc bấy giờ có rất nhiều người vừa nghiên cứu vừa giảng giải Nhiếp Luận và nhờ vậy bộ luận này trở thành học phong một thời. Cho nên lịch sử truyền thừa đặc biệt có ghi một học phái Địa Luận Tông xuất hiện trong lúc Nhiếp Luận Tông thịnh hành. Hai Tông Địa Luận và Nhiếp Luận tuy khác nhau hệ phái nhưng cả hai đều là học phái Pháp Tướng cả. Đứng ra ngài Chân Đế ở phương nam thì đã được chân truyền của Vô Trước Thế Thân và học phái của ngài truyền đến nhà Tần, rồi đến nhà Tùy; còn các học giả Địa Luận thì ở phương Bắc và học phái này phần nhiều bị biến tướng theo Nhiếp Luận. Ngài Chân Đế sở dĩ thành danh là nhờ sự trao truyền của ngài Thế Thân bằng cách khiển trách và nhờ đó ngài chuyên cần hoằng truyền sở học của mình làm chí nguyện (1).

3.- HỆ PHÁI ĐỊA LUẬN:

Hệ phái Địa Luận thì sử dụng Hoa Nghiêm Thập Địa Kinh Luận làm chủ yếu. Bộ Hoa Nghiêm Thập Địa Kinh Luận chính là bộ luận của ngài Thế Thân sáng tác, được Bồ Đề Lưu Chi, Lạc Na Ma Đề và Phật Đà Phiến Đa cùng nhau dịch thuật nơi Lạc Dương và bộ luận này cũng nhờ một số học giả nghiên cứu cho nên lần lần được thịnh hành. Bộ Hoa Nghiêm Thập Địa Kinh Luận thì thuyết minh những cảnh giới hành trì của Bồ Tát Thập Địa và những cảnh giới này đều do Thức A Lại Da khi thành Tạng Như Lai duyên khởi, đây là yếu nghĩa làm sáng tỏ tự tánh của Tâm thanh tịnh. Những học giả nghiên cứu Địa Luận gồm có nhóm đệ tử của hai ngài: ngài Lạc Na Ma Đề và ngài Bồ Đề Lưu Chi. Hai nhóm này vì ở hai hướng khác nhau cho nên truyền thừa thành hai hệ phái Bắc Đạo và Nam Đạo. Hệ phái Nam Đạo thì do Huệ Quang Pháp Thượng, v.v... làm Khai Tổ; còn học thuyết của hệ phái Bắc Đạo thì lại chịu ảnh hưởng của Nhiếp Luận, thiên trọng truyền thừa Duy Thức và chọn lấy hệ phái Nam Đạo làm chánh thống.

Học phái Duy Thức từ đời Đường trở về sau tuy xưng là hệ phái tuyệt học, nhưng phải chờ đến thời đại Tống Triều và nhờ có Thiên Sư Vĩnh Minh Diên Thọ sáng tác bộ Tông Cảnh Lục thì giáo lý Duy Thức mới được sáng tỏ sâu rộng. Ở Triều Minh, Đại Sư Ngẫu Ích cũng đã sáng tác Duy Thức Tâm Yếu để xiển dương khiến cho Duy Thức sinh hoạt trở lại, nguyên vì ở đời Đường những sơ giải về Duy Thức đã bị mất dần cho nên chỗ tuyệt học của nó khó bề phục hưng. Đến năm Dân Quốc, cư sĩ Dương Văn Hội Nhân Sơn mang những quyển sơ giải về Duy Thức của người nhà Đường từ Nhật Bản trở về Trung Quốc phiên dịch, cho in để phổ biến và nhờ đó Duy Thức Học mới có triệu chứng phục hưng. Năm Dân Quốc thứ mười trở về sau có Đại Sư

Thái Hư, có Âu Dương Tiềm (Cảnh Vô), có Hàn Thanh Tịnh, v.v... bắt đầu mở hội lớn khai giảng kinh luận nhằm hoằng truyền tuyệt học của hệ phái Duy Thức để khôi phục lại và cho đến ngày nay hệ phái này vẫn không bị chìm mất.

(1) Được thấy trong Phật Giáo Sử Trung Quốc của Hoàng Sâm Hoa.

BẢN PHỤ

I.- QUAN NIỆM KHÁI LƯỢC VỀ HỌC PHÁI DUY THỨC CỦA THỜI ĐẠI NHÀ ĐƯỜNG:

Phật Giáo nước ta từ ngài Tam Tạng Huyền Trang du học Đông Độ trở về chuyên dịch các luận Du Già để xướng minh học phái Duy Thức và từ đó Phật Học được hưng thịnh. Đặc biệt khoảng đầu nhà Đường, học phong Duy Thức trong học giới Phật Giáo cực kỳ thịnh hành, trở nên vang tiếng một thời. Môn đồ tham vấn trực tiếp của Pháp Sư Tam Tạng chính là ngài Khuy Cơ. Quan sát thể hệ theo thứ lớp, Học phái Duy Thức chắc chắn đã được thiết lập nơi Từ Ân và chọn hệ phái Duy Thức Học của Hộ Pháp làm đại biểu cho toàn bộ hệ phái Phật Giáo Du Già. Cho nên học phái Du Già ở Trung Hoa đã tạo thành một hệ phái giáo học có thể lực.

Từ đấy học phong Duy Thức diễn biến sâu rộng cho đến bây giờ, những học giả sau này thường gọi là Phật Giáo Mới và có chỗ trực tiếp gọi là Phật Giáo Duy Thức. Từ ngày Pháp Nạn Hội Xương trở về sau, Phật Giáo Trung Quốc gần như diệt vong, mãi đến hiện nay, học giáo Duy Thức mới được phục hưng trở lại và phục hưng có cờ trống nghiêm chỉnh đàng hoàng. Không những thế, trạng huống Duy Thức Học của thời đại đầu nhà Đường giả sử đi ngược trở lại thời đại của Hộ Pháp, của Thế Thân, của Vô Trước và cho đến thời đại của Phật Đà, nếu như khảo cứu về chúng thì sẽ thấy những thời đại đó cũng chưa chắc đã được thịnh hành giống như thời đại nhà Đường.

Kỳ thật Duy Thức Học sở dĩ được thành danh là nhờ học phái Du Già Sư Địa Luận và học phái Nhiếp Đại Thừa Luận cùng nhau phối hợp thành lập. Nếu như bình tâm một cách nghiêm mật mà luận, Duy Thức Học chỉ là một bộ phái trong hệ phái giáo học của Du Già. Đến như toàn bộ Tam Thừa và Ngũ Thừa trong biển giáo lý của Đức Thích Tôn lại cũng chỉ là một bộ phái của các bộ phái mà thôi. Nhưng bởi Đại Sư Từ Ân chủ ý chuyên tâm tu học và nghiên cứu Duy Thức Luận cho nên Duy Thức Luận liền được thay thế đại biểu chung cho các kinh sách thuộc về hệ phái giáo học Du Già. Nhờ nhân duyên đó Duy Thức trở nên ngôi sao sáng để thành hình một tông phái gọi là Duy Thức Tông và chiếm lấy vị trí đứng đầu các hệ phái giáo học Du Già, lấn áp các kinh sách khác trong hệ phái giáo học Du Già mà lại còn tiến tới áp đảo các kinh luận ngoài hệ phái giáo học của Du Già.

Nếu như xem qua Phật Giáo, người nào có thể tổng hợp được ý nghĩa và trạng thái giáo dục cùng học thuật của hệ phái Du Già nói trên thì có thể biết được đại khái về xu thế của Duy Thức. Danh mục của một loại học thuyết kể thừa ba Tạng được trực tiếp hoặc gián tiếp dựng lên nên tông phái như: Tông phái Duy Thức chính do ngài Huyền Trang trực tiếp dựng lập cho nên có chỗ gọi là Huyền Trang Tông ; Tông phái này lại có chỗ gọi là Từ Ân Tông, nguyên do nơi chùa Đại Từ Ân, Đại Sư Khuy Cơ chính là Sơ Tổ, có lẽ tất cả công việc trong chùa Đại Từ Ân phải được ngài Khuy Cơ đồng ý gặt đầu thì không trở ngại.

Thành tích công lao nghiên cứu Duy Thức Học của Đại Sư Từ Ân thật là vĩ đại. Khi khảo cứu về sự nghiên cứu Duy Thức Học ở thời kỳ đầu của thời đại nhà Đường, ngoại trừ Từ Ân ra, chúng ta còn thấy có năm nhân vật như Viên Trắc trụ trì chùa Tây Minh, Phổ Quang, Huệ Quán, Lập Phạm, Nghĩa Tịch đều nỗ lực nghiên cứu riêng học thuyết này nhằm để cạnh tranh thiên cổ với Từ Ân. Năm nhân vật kể trên cộng chung với Khuy Cơ thì thành sáu luận gia. Sáu luận gia này mỗi vị đều có trước thuật để phát biểu sự nghiên cứu của mình, như danh mục được liệt kê sau đây:

TÊN SÁCH	SỐ QUYỂN	TÊN TÁC GIẢ
Thành Duy Thức Luận Thuật Ký	60 quyển	Khuy Cơ
Thành Duy Thức Luận Chương Trung Xu Yếu	3 quyển	Khuy Cơ
Thành Duy Thức Luận Liệu Giản	2 quyển	Khuy Cơ
Thành Duy Thức Luận Biệt Sao	3 quyển	Khuy Cơ
Thành Duy Thức Luận Số	10 quyển	Viên Trắc
Thành Duy Thức Luận Biệt Chương	3 quyển	Viên Trắc
Thành Duy Thức Luận Sao	8 quyển	Phổ Quang
Thành Duy Thức Luận Số	4 quyển	Huệ Quán
Thành Duy Thức Luận Số	20 quyển	Lập Phạm
Thành Duy Thức Luận Vị Tướng Quyết	3 quyển	Nghĩa Tịch

Sáu luận gia nói trên rất nổi tiếng, nhưng phải nói là nhờ trước thuật của hai nhân vật Từ Ân và Tây Minh. Học thuật của Từ Ân và Tây Minh ở vào thời Đường được phân làm hai hệ phái là hệ phái Từ Ân và hệ phái Tây Minh. Hệ phái giáo học của Từ Ân thì có Huệ Chiếu, Nghĩa Trung, Trí Châu, v.v... mỗi sư riêng nhau truyền thừa; còn hệ phái giáo học của Tây Minh thì có các nhân vật như Thăng Trang, Đạo Chứng, Thái Hiền mỗi sư riêng tự truyền thừa. Như thế hai phái đều tự tuyên dương mà thành địa thể hoa lan hoa cúc cùng nhau tốt đẹp. Khác nữa như các sư Thần Phùng, Huyền Ưng, Lợi Thiệp, Cực Thái, Thuần Cảnh, Cảnh Hưng, Đạo Ấp, Như Lý, Sùng Tuấn, Đạo Nhân, Linh Thái, Đạo Luân cũng nhờ học thuật Từ Ân và Tây Minh tiếng tăm lừng lẫy một đời, đồng thời các vị đó đều phát huy giáo nghĩa tinh túy của Duy Thức. Ngoài ra còn có các học sinh Nhật Bản và Tây Phương du học. Trạng thái thanh hành về sự nghiên cứu Duy Thức của thời đại đời Đường quả thật là không tiền tuyệt hậu và cũng là một sản vật mới trên tư tưởng, trên học thuật của nước ta mà cũng là mở bày một kỷ Nguyên mới của Phật Giáo Sử. Tiên sinh Lương Nhậm Công thường cho là trào lưu nhân sinh tư tưởng đệ nhất vậy. Tuy nhiên những trước thuật vừa trình bày trên rất ít được bảo tồn và cũng đã bị thất lạc quá nhiều trên văn hiến, thật là một sự đáng tiếc! Vấn đề hôm nay, các học phái thời Đường chủ yếu ở chỗ là sự giảng giải khác biệt giữa Từ Ân và Tây Minh trở thành trung tâm cho cuộc tranh luận hai bên. Trong thời gian đó, hoặc tùy theo ý của các sư như Quán Phạm, Tịch Khuếch và tùy theo các học thuyết của Huệ Chiếu, Trí Chu, Đạo Chứng, Thái Hiền, Đạo Ấp, Như Lý, Linh Thái, v.v... những cuộc tranh luận nói trên không ngoài mục đích mong cầu giáo nghĩa của Duy Thức được hoàn chỉnh hơn. Từ xưa đến nay Phật Học luôn luôn được gọi là khó giải thích khó tỏ tường thì Duy Thức Học của thời đại đời Đường không ai qua nổi. Ngày nay những nhà nghiên cứu thường hay tham khảo những tư liệu phần nhiều thiếu thốn không phải ít, nhận thức sai lầm quá nhiều, tham vọng học theo những kẻ chỉ biết chuyên nghề cúng bái cầu đảo! Còn như nếu bảo rằng xiển dương Duy Thức Học cho được sáng tỏ để cống hiến cho các giới Phật Học, cho các giới Học Thuật thì trả lời tôi đây không dám!

II.- LƯỢC GIẢI HỌC THUYẾT CỦA SÁU PHÁI DUY THỨC ĐỜI ĐƯỜNG:

Duy Thức Liễu Nghĩa Đăng Dẫn Tăng Minh Ký giải thích rằng: "Sáu quyển Yếu Tập ghi chung lời văn diễn giải của sáu Luận Gia hợp lại thành một bộ. Lời văn tổng quát của sáu quyển Yếu Tập gồm có: một là Hữu Thuyết (Cơ), hai là Hữu Thích (Trắc), ba là Hữu Sao (Quang), bốn là Hữu Giải (Quán), năm là Hữu Vân (Phạm), sáu là Vị Tướng Quyết (Tịch)".

Tập Tự lại nói rằng: "Nhưng giáo nghĩa của Từ Ân đương thời thanh hành và cơ nghiệp của Từ Ân càng thêm mở mang tính ra nhờ có sáu đường lớn nắm lấy nguyên tắc mà không cho vượt qua lối hai. Và lại như Từ Ân, Lương Tượng, Thạch Cổ, Thi Sơn đều sử dụng

'Hữu Thuyết' làm mục tiêu cho nên họ được ca tụng. Đại Sư Tây Minh, Lô Thịnh, Khai Trập nhờ 'Hữu Thích' cho nên họ được nổi tiếng. Các bậc long tượng của Phật Pháp nếu như ở chốn kinh đô thì cũng quang minh như thường. A Khúc Tông thì có sư Quán thường thường đứng trong cái vòng tròn học thuyết để luôn luôn nêu cao tinh nghĩa của Tông mình. Hơn nữa có Lập Phạm ở Sơn Đông nhờ bán lưỡi câu cho nên được độ. Còn Nghĩa Tịch ở Phần Dương do xuyên tạc mà được tri kiến. Tất cả đều nắm lấy sở trường của mình và quý trọng chỗ hiểu biết của mình. Chủ yếu tốt đẹp của Quang là 'Hữu Sao'. Đối với Tân khách, Quán 'Hữu Giải' rõ ràng. Để nắm lấy tiếng tăm, Phạm thực hiện 'Hữu Vân'. Dấu hiệu của Tịch để biểu hiện là 'Vị Tướng'."

Những vị chuyên dịch Duy Thức Học trước sau có ba người: người thứ nhất là Bồ Đề Lưu Chi của Bắc Ngụy chính người sáng lập trong thời gian Tuyên Võ Đế tại vị và được tôn vinh là bậc Sơ Truyền; người thứ hai là Tam Tạng Chân Đế của thời Trần và được tôn vinh là bậc Nhị Truyền; người thứ ba là Pháp Sư Tam Tạng Huyền Trang, Pháp Sư dịch Thành Duy Thức Luận vào năm Hiên Khánh thứ tư và được tôn vinh là bậc Tam Truyền. Từ Bồ Đề Lưu Chi cho đến Tam Tạng Huyền Trang ước tính có hơn 150 năm. Trước và sau trong 150 năm này, chúng ta có thể phân Duy Thức Học tại Trung Quốc thành bốn thời kỳ riêng biệt: một là thời kỳ phôi thai, ngài Bồ Đề Lưu Chi làm đại biểu; hai là thời kỳ trưởng thành, ngài Chân Đế làm đại biểu; ba là thời kỳ thành công, Pháp Sư Huyền Trang và các đệ tử trong môn đồ của ngài làm đại biểu; bốn là thời kỳ suy đồi, lấy ngài Trí Chu, v.v... làm đại biểu. Sự nghiên cứu giáo học của Duy Thức nơi thời đại Pháp Sư Huyền Trang thì rất thanh hành vô cùng. Trong thời gian đó, giáo nghĩa của học phái Duy Thức được nghiên cứu tinh tường mà trọng tâm là nghiên cứu thâm hậu và phân minh về vấn đề Thức A Lại Da. Nhân đây chúng ta cũng có thể cho rằng, Pháp Sư Huyền Trang đi cầu pháp ở Tây Thiên cốt yếu là làm sáng tỏ sở học căn bản của người.

Tình trạng học giới Duy Thức đã được thanh hành như thế chứng tỏ sự xướng minh nghĩa học của tông phái này đã đến chỗ tinh vi. Do đây cũng có thể thấy sự tu dưỡng cho vấn đề nghiên cứu học vấn của cổ nhân đích thực là vô cùng thiết yếu vậy.

HẾT



MẸ CỦA PHẬT (Maha Maya)

Ngọc Bảo

Đức Phật có hai người mẹ, người mẹ ruột là Maha Maya, và dưỡng mẫu là Maha Pajapati Gotami. Người mẹ ruột Maya Maya tuy chỉ hiện diện rất ngắn ngủi, nhưng lại có một vị trí rất đặc biệt, như đã được nhắc đến trong kinh Hoa Nghiêm.

“Maya” có nghĩa là “huyền hóa”. Maya sanh ra trong bộ tộc Kolyan, lớn lên cùng em gái Gotami trong thành phố Devadaha ở vùng chân núi Hi Mã Lạp Sơn. Nơi đó phong cảnh hoang vu, có những cánh đồng trên cao đầy cây phi yến (larkspur) và hoa anh túc (poppies) nở đầy vào mùa xuân dọc sườn núi. Những mái nhà dựng cheo leo trên dốc đồi dưới ngọn núi tuyết trắng xóa. Những giòng suối nhỏ chảy róc rách bên những hàng cây xanh xắn với giò lan mọc dưới gốc. Có những cây trà dại cao sừng sững, và mặt trời tỏa ánh nắng chói chang khi lên cao trên đỉnh núi. Mùa hè hoa đỗ quyên (rhododendrons) tô màu rực rỡ trên cánh đồng, mùa đông những cây tuyết tùng (cedar) và cây linh sam (fir) đắp lên một lớp tuyết dày, và những con cừu núi di chuyển chậm chạp trong cơn gió lùa dưới những mái nhà.

Maya có tính tình vui vẻ, can cường và thích đùa nghịch, khiến người em gái nghiêm trang hơn đôi khi phải bực mình, nhưng hai chị em rất yêu thương nhau. Khi hai người đến tuổi cặp kè, họ được gả cho vua Tịnh Phạn, trưởng tộc của giòng họ Thích Ca.

Không bao lâu sau khi kết hôn với vua Tịnh Phạn, Maya có một giấc mộng lạ kỳ trong đó có một con bạch tượng da trắng như sữa, màu trắng như đỉnh núi tuyết của quê hương, với sáu chiếc ngà dài thật đẹp. Bạch tượng từ trên trời hiện xuống và nhập vào bên hông hoàng hậu. Rồi có một vị bồ tát ở trên trời tỏa hào quang rực rỡ, chiếu luồng ánh sáng vào thân hoàng hậu từ đỉnh đầu xuống,

tràn ngập từng lỗ chân lông. Mỗi tia sáng lại mang tên một vị bồ tát với đầy đủ thần thông, và trở thành những vòm trời tràn ngập trong thân của Maya. Một cảm giác hỷ lạc kỳ diệu tràn đầy, với những vòm trời nối tiếp giao nhau không chướng ngại trong sự hòa hợp hoàn toàn. Rồi Maya thấy Đức Phật vĩ đại ngồi trên tòa sư tử đang chuyển pháp luân trong một pháp hội. Thân hoàng hậu bỗng trở thành rộng lớn như cả một thế giới, bụng nở rộng như chứa hết cả không gian, như có thể chứa được vô số chúng sanh vào trong đó.

Sáng hôm sau Maya thuật lại cho nhà vua nghe về giấc mộng lạ kỳ, tả lại có những người đã đi vào trong thân bà như thế nào. “Họ đi những bước lớn như cả vũ trụ vậy đó. Kể ra thì lạ kỳ, nhưng bệ hạ cũng biết đó, những giấc mộng thường là như vậy – lúc đang ở trong mộng lại thấy hoàn toàn bình thường. Ở trong mộng thiếp thấy như mình đã trải qua kinh nghiệm này nhiều lần trước đây lắm rồi. Bệ hạ có biết như vậy nghĩa là gì không?”

Vua Tịnh Phạn bèn mời một đạo sĩ có tài tiên tri đến giải mộng. Vị đạo sĩ này đã già, lưng còng xuống, người phàn phất tỏa ra mùi giềng. Giấc mộng được đoán như một điềm lành— có ý nghĩa rất sâu xa, huyền bí và quan trọng. Họ cùng nhìn về phía Maya lúc ấy đang ngồi trên gối, trông thật bình thần, với nụ cười đọng trên môi. Trong giây phút chớp nhoáng, bỗng nhà vua cảm thấy hơi lạc lõng, nhìn Maya tuy gần mà thấy như xa, tựa như có một đại dương rộng lớn đang chia cắt họ, như giữa họ mới nảy sinh một khác biệt thật xa vời vậy.

“Có lẽ là hoàng hậu đã có thai,” vị đạo sĩ nói. “Và nếu mọi việc đúng như giải đoán — thì hoàng tử sẽ là một nhân vật đặc



biệt phi thường. Sẽ trở thành một vị chúa tể vĩ đại dù ở trong thế gian hay xuất thế gian, nhưng không biết hoàng tử sẽ đi theo con đường nào đây? Rồi sau này ta sẽ thấy thôi.” Đạo sĩ lẩm bầm nói, rồi đứng lên cáo từ.

Maya khi mang thai lại cảm thấy dễ chịu, khỏe khoắn và mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bà cảm thấy nhẹ nhàng như không khí, đi trên những mặt đá của hành lang mát lạnh trong hoàng cung như lướt trên mây. Bà nghĩ, có thai thật là một điều đẹp đẽ -- không có gì khó chịu, không có gì đáng than phiền. Cùng lúc đó, Gotami cũng có thai, và cả hai chị em cùng rủ nhau đi dạo trong khuôn viên hoàng cung, tay trong tay.

Gần đến ngày sinh nở Maya muốn trở về quê, vua Tịnh Phạn bèn gởi một phái đoàn hộ tống theo kiệu với đủ mọi thành phần từ các thị vệ cho đến các bà mẹ, nhạc công, người làm trang hoa, ngự y và người nấu bếp.

Khi đi qua vườn Lâm Tì Ni, Maya cảm thấy hứng khởi muốn vào đi dạo. Đến bên giòng suối, Maya bỗng thấy trong người yếu mệt hẳn đi, bèn nằm xuống trong bóng mát tỏa rộng của hàng cây vô ưu đầy hoa nở rộ tỏa hương ngọt ngào. Bỗng một cành cây trĩu xuống làm thành một vòng cung trên hoàng hậu, hiện tượng kỳ lạ đầu tiên xảy ra trong ngày đặc biệt ấy. Đám đông thị vệ bao quanh, nín thở im lặng. Trong không gian một mùi hương nhẹ lan tỏa dần, và tiếng chuông trong trẻo ở đâu bỗng vang lên.

Trên bờ suối trong như pha lê hoàng hậu nằm duỗi chân ra và hài nhi bỗng lọt ra ngoài. Toàn thân hài nhi óng ánh vàng, đôi mắt xanh trong vắt, một chùm tóc rủ xuống giữa hai lông mày. Ở dưới mỗi gót chân của hài nhi, có hình một bánh xe ngàn cây cắm in lên.

Rồi mọi người há hốc ra kinh ngạc, vì hài nhi bỗng đứng dậy, bước bầy bước, sau mỗi bước chân là một đóa sen trắng hiện ra. Rồi hài nhi đứng lại, dơ một ngón tay chỉ lên trời, nói rằng: "Đây là kiếp cuối cùng của ta," đứa trẻ nói như một người lớn, "Ta thị hiện ra đời để đem giải thoát cho tất cả chúng sinh". Rồi từ trên trời nước phun xuống đủ màu như cầu vồng, tưới tắm lên người hài nhi.

Maya nhìn mọi sự trước mắt như qua một bức màn che phủ; bà đã thiếp đi, chìm dần trong giấc ngủ, mãi nguyện trong tình yêu mãnh liệt mới chớm nở của một người mẹ.

Bà được đem về hoàng cung, hài nhi nằm bên cạnh, yên lặng và trang nghiêm. Ai mà tin rằng đứa bé hồi nãy đã nói được? Nhưng mắt bé vẫn mở to, ít khi nhắm lại. Về đến nhà, Maya lên cơn sốt nằm liệt giường. Gotami vội vàng chạy đến, vua Tịnh Phạn cho triệu ngự y, nhưng duyên của Maya với kiếp sống này đã chấm dứt. Sanh và tử chỉ trong khoảnh khắc, trong hơi thở, và khi đến lúc giao thời chúng chuyển tiếp qua nhau không có gì ngăn trở được. Dù là một người may mắn nhất trên đời, một lúc nào đó cũng không thể tránh được sự đau khổ tất yếu và tối hậu, đó là cái chết của thân xác. Maya đã đi qua cái chết, và nhẹ nhàng nhập vào trong nguồn ánh sáng vô tận, mang theo sự phong phú và tuyệt vời của tình yêu không thể diễn tả bằng lời.

Maya đã siêu vượt hơn những con người bình thường chúng ta là vẫn giữ được sự tỉnh giác sau khi chết và sinh vào được cõi trời, trở lại y nguyên như cũ với tất cả công đức toàn hảo. Bà được nhắc đến trong kinh Hoa Nghiêm, khi Thiện Tài trên đường tìm đạo đã tìm đến để xin được thọ giáo.

Thiện Tài là một thiếu niên trẻ nhưng rất ham học đạo, và cũng như phần lớn chúng ta, không biết phải bắt đầu từ đâu, làm như thế nào, nên đã lang thang tìm đến tất cả các bậc thiện tri thức để tìm hiểu và học hỏi những pháp môn tu tập.

Khi Thiện Tài đến gặp Maya, bà đang ngồi trên tòa sen lớn bằng ngọc báu. Tiếng chuông khánh vang lừng trong không gian, ngân nga tên của tất cả các vị Phật, và những miếng ngọc treo lơ lửng trên không phản ánh vô lượng sắc thân của họ.

Maya có năng lực nhiệm mầu là có thể nhìn thấy tất cả các chúng sinh cùng một lúc và hiện ra với mỗi người như ý họ muốn thấy. Thông thường họ muốn tiếp xúc với một người giống mình, vì thế bà hiện ra trong hình tướng giống với mỗi người, nhưng trong một trạng thái toàn hảo. Bởi vì có khả năng thấy được những gì trôi qua trong quá khứ và tương lai, bà biết những gì chúng sanh cần và làm sao để giúp họ. Nói cách khác, tự thân bà là nơi dung chứa vô số những chúng sanh đã giác ngộ, giống y như điều bà đã nằm mơ trước đây.

Thiện Tài trong chuyến du hành dài cầu đạo đã tìm gặp Maya. Cậu thấy bà trông có vẻ giống mình, nên cảm thấy hoan hỉ trước sự kỳ diệu đó. Thiện Tài cúi đầu đánh lễ và xin thọ giáo, muốn biết làm sao bậc giác ngộ đạt được trí tuệ thông suốt mọi sự.

Maya nói, "Này Thiện nam tử! Ta đã thành tựu pháp môn giải thoát Bồ Tát đại nguyện trí huẩn, có nghĩa là biết được những đại nguyện đã được lập ra. Trước đây ta là vợ của Tịnh Phạn và Tất Đạt Đa đã thị hiện đàn sanh từ thân ta. Nhưng không chỉ Tất Đạt Đa mà tất cả Phật Tỳ Lô Giá Na thuở xưa cũng



đều như vậy, đều vào thân ta mà thị hiện đàn sanh. Xưa kia ta đã từng làm thần ao sen. Bấy giờ có Bồ Tát hóa sanh trong hoa sen, ta liền bông ăm, săn sóc, nuôi nấng. Thế gian gọi ta là mẹ của Bồ Tát. Ta cũng đã từng làm Thần Bồ Đề tràng. Bấy giờ có Bồ Tát hóa sanh trong lòng của ta. Vì thế ta được gọi là mẹ của Bồ Tát.

Như ở thế giới Ta Bà này, trong hiện kiếp ta đã làm mẹ của các Đức Phật Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni, Ca Diếp, Thích Ca Mâu Ni, trong đời vị lai ta cũng sẽ làm mẹ của Bồ Tát Di Lạc, cũng vậy, ta đã và sẽ làm mẹ của vô số vị Phật trong hiện kiếp, nơi thế giới Ta Bà này.

Ta nhớ lại thuở xưa có một vị Chuyển Luân Vương tên là Đại Oai Đức. Bấy giờ có Bồ Tát Ly Cấu Tràng thành chánh đẳng chánh giác tại đạo tràng do Thần Từ Đức thủ hộ. Bồ Tát đang bị quàn ma đến quấy nhiễu, nhờ có Chuyển Luân Vương Đại Oai Đức dùng thần thông đến giải tán quân ma. Thần Từ Đức thấy thế sanh lòng hoan hỉ, làm nhận Chuyển Luân Vương là con của mình, đứng trước Phật phát nguyện rằng bắt luận Chuyển Luân Vương thọ sanh nơi nào thì người sẽ làm mẹ. Thần đạo tràng ấy chính là tiền thân của ta, còn Chuyển Luân Vương là tiền thân của đức Phật Tỳ Lô Giá Na."

Thiện Tài im lặng lắng nghe, lòng đầy kinh ngạc và thần phục. Maya dịu dàng hỏi:

"Khó hiểu lắm phải không?"

Thiện Tài gật đầu nhìn bà, cảm thấy thật hoan hỉ. Maya nói:

"Nhưng ta biết con hiểu được. Và ta nghĩ tất cả mọi người cũng hiểu được."

Thiện Tài sau đó làm lễ từ tạ ra đi, mang theo trong lòng hình ảnh một tử cung đầy nhân ái, một tử cung rộng lớn vô biên vượt giòng thời gian và không gian, và vẫn luôn luôn ở với chúng ta.

Câu truyện về Maya trong kinh tương như huyền thoại hoang đường, nhưng ẩn chứa ý nghĩa rất thâm diệu. Khi Đức Phật Thích Ca chưa ra đời, Maya đã nằm mộng thấy voi trắng, tượng trưng cho một bậc thánh nhân siêu thế, với sáu ngà tượng trưng cho sáu hạnh ba la mật đầy đủ, không những thế còn có vô số chúng sanh cũng nhập vô bụng của Maya rộng lớn vô biên như vũ trụ, Ngoài ra Maya còn thấy Đức Phật đang ngồi tòa giảng pháp. Như vậy Phật đã có từ trước, chẳng phải do Maya sanh ra mà có. Cũng tựa như Phật tánh đã sẵn có nơi mọi chúng sanh, chẳng phải từ đâu sanh ra được. Mục đích của người tu là

giác ngộ được tánh Phật nơi mình. Nhưng kinh nghiệm chứng ngộ hay kiến tánh của sơ ngộ mới chỉ là bước đầu, con người bình thường với tập khí sâu dày không thể bỗng chốc thành Phật ngay được, mà còn phải qua một quá trình công phu trong mọi lúc để thâm nhập trí tuệ khai mở ấy và trải qua nhiều lần khai ngộ kế tiếp cho tới khi liễu ngộ hay giác ngộ viên mãn. Sự giác ngộ này là nền tảng để chuyển hóa tự thân, giải trừ tập khí, biến đục thành trong, biến tối thành sáng, biến phiền não thành tự tại. Maya tượng trưng cho sự "nuôi dưỡng thánh thai" của bậc giác ngộ từ bước đầu sơ ngộ cho đến thành Phật, với lời nguyện sẽ làm mẹ cho những chúng sanh nào lập thành đại nguyện. Tất cả các vị Phật từ quá khứ cho đến tương lai đều phải qua quá trình nuôi dưỡng thánh thai này. Khả

năng của Maya thấy biết mọi chúng sinh và hiểu rõ nhu cầu cũng như năng lực giúp họ, và đến với họ trong một sự tương đồng nào đó, là khả năng phát triển hạnh nguyện của bậc Bồ Tát. Nói cách khác, đó là khả năng "biết quên mình" để sống với người trong sự hòa đồng, bình đẳng và vô phân biệt.

Mẹ bằng xương bằng thịt của chúng ta cho ta thân mạng, nuôi nấng và dưỡng dục cho chúng ta nên người. Maya là mẹ nuôi dưỡng huệ mạng chúng ta, phát triển hạt giống Bồ Đề nơi mỗi chúng sanh cho thành tựu Phật quả. Không có mẹ tất không có chúng ta, cũng vậy không có Ma-ya sẽ không có Phật vậy.

(trích Danh Ni Truyện -
Ngọc Bảo)

Thị hiện

*Như vàng trắng sáng tỏ
Như thiêu quang rạng ngời
Thích Ca Ngài thị hiện
Bạc đại giác ra đời*

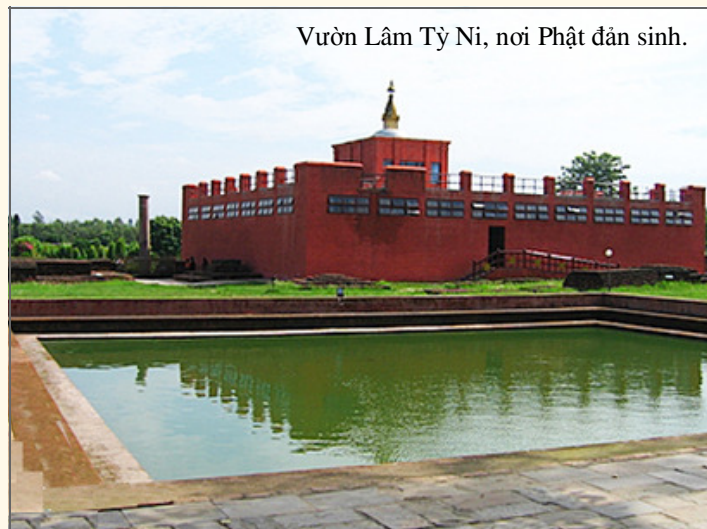
*Ngài không là vị thánh
Cũng chẳng phải thần linh
Ý xuất trần đồng mãnh
Tu chứng quả vô sinh*

*Trần gian đầy bóng tối
Nhân loại vốn tham si
Người khai đường dẫn lối
Ươm hạt giống từ bi*

*Từ khi Ngài xuất hiện
Gieo ánh đạo nhiệm màu
Cõi Ta Bà tắm gội
Được giáo lý thâm sâu*

*Vì nhân duyên thị hiện
Đem từ ái, vị tha
Mong truyền thừa chánh pháp
Ngài – Phật tổ Thích Ca*

*Nguyện một lòng theo Phật
Thê hộ đạo, giúp đời
Xin chừa các việc ác
Làm việc lành mà thôi.*



Vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Phật đản sinh.

Mùa Phật Đản

THỦY LÂM SYNH

BẢO VỆ MẮT TRƯỚC TÁC HẠI CỦA MÁY VI TÍNH

Bs. Đỗ Châu Oanh, O.D.



Xài vi tính có hại cho mắt không? Vi tính có làm cho tăng độ, cận thị nặng hơn không?

Theo American Optometric Association (AOA) thì sử dụng vi tính thường đưa tới một số những triệu chứng phức tạp ảnh hưởng đến mắt và nhãn quan. Làm việc hằng ngày, học hành, hay chơi game trên máy vi tính đều mang lại nguy cơ hại cho mắt y như nhau.

Phần nhiều những triệu chứng thường được người ta than phiền nhiều nhất khi dùng vi tính là nhức đầu nhất là nhức hai bên thái dương và trước trán, nhức mọi mắt, mắt xốn nhâm đau như có hạt bụi dưới mí, mắt lúc nào cũng đỏ ngầu, nước mắt tuôn chảy không ngừng, mắt khô khó chịu, mí mắt bị giật, mí mắt bị sụp, chữ trên màn ảnh bị mờ không thấy rõ, chữ số bị nhầm lẫn, và khi nhìn lên mọi thứ chung quanh và xa xa cũng đều bị mờ phải chớp mắt liên tục một hồi mới rõ lại; đôi khi có người còn than nhìn mọi thứ thành hai (double vision).

Những triệu chứng này thường được gom chung vào gọi là Computer Vision Syndrome (CVS), người ngồi trước máy vi tính một thời gian lâu dài đều ít nhiều cũng bị ảnh hưởng của những triệu chứng này làm cho khó chịu, không làm việc lâu và hiệu quả được vì mắt quá mệt mỏi. Tất cả những màn ảnh vi tính gọi là video display terminal (VDT) đều có thể làm cho người sử dụng có những triệu chứng này, hại cho mắt, cũng như nhiều triệu chứng khác nữa mang hại đến cho những phần cơ thể khác như xương cổ, bả vai, bàn tay gõ phím, gân cốt ở khuỷu tay. Tất cả những tác động vi tính gây tạo cho xương và gân cũng được gom chung gọi là Cumulative Trauma Disorders (CTD) hay Repetitive Strain Injuries (RSI).

Một nghiên cứu mới đây của NIOSH (National Institute for Oc-

cupational and Health) của CDC (Center for Disease Control) cho biết 22 % người dùng vi tính bị các chứng CTD và 50-90% đều có kinh qua những triệu chứng CVS tùy mức độ nặng nhẹ, loại máy vi tính sử dụng và tùy thời gian họ ngồi trước máy vi tính.

Một nghiên cứu khác của AOA phỏng vấn các bác sĩ nhãn khoa cho biết hằng năm tại nước Mỹ có khoảng 10 triệu cuộc khám mắt tổng quát liên quan chủ yếu và duy nhất đến việc xài vi tính, 14% của tất cả những cuộc khám là do sử dụng vi tính mà người ta phải lấy hẹn đến khám mắt.

Cho dù đau mắt vì sử dụng vi tính không nguy hiểm chết người, nhưng nó làm người ta khó chịu, giảm hiệu quả cho công việc làm cũng như gây khó khăn và giảm chất lượng của cuộc sống. Hầu hết những triệu chứng này thường chỉ tạm thời, không đưa lại hậu quả cố định lâu dài; chỉ cần họ nghỉ ngơi không dùng máy vi tính nữa, họ sẽ không còn bị đau đầu, đau mắt... Nên đôi khi cũng khó chẩn đoán bệnh liên quan đến việc sử dụng vi tính. Và cũng còn tùy vào thời gian ngồi trước máy, nhu cầu của công việc, loại máy vi tính sử dụng, ánh sáng trong phòng làm việc, môi trường chung quanh, và chất lượng và độ của cặp kính bạn đang đeo.

Sau đây là một số nguyên tắc nên tuân theo khi sử dụng máy vi tính để bảo vệ cho cặp "cửa sổ của linh hồn". Tất cả những tiêu chuẩn (ergonomic standards) dưới đây đều do cơ quan American Optometric Association tại St Louis, Missouri đưa ra:

- không nên đặt máy vi tính gần cửa sổ hoặc ngược sáng, càng ít ánh sáng rọi thẳng vào màn ảnh càng tốt để tránh sự chói lóa (glare) và phản chiếu (reflection) của màn ảnh; ánh sáng thiên nhiên hay từ đèn điện nên

được rọi từ trên xuống thay vì rọi ngang vào máy

- nên dùng màu chữ đậm trên nền trắng (negative contrast), dễ nhìn và nhận rõ hơn
- khoảng cách và độ nhìn từ mắt xuống màn ảnh rất quan trọng:
 - * khoảng cách của tầm nhìn: 20-28 inches (50-70 cm)
 - * độ nhìn xuống: 15 độ
 - * ghế ngồi phải cao hơn để mắt nhìn xuống và hai tay trên bàn phím cũng hơi thông xuống chứ không ngang với mặt bàn
- kính bạn đeo (eyeglasses hay contact lenses) phải cho đúng độ; cho dù độ hơi kém một chút cũng đủ để làm mắt mỏi mệt; những người lớn tuổi đeo kính nhiều tròng (bifocals, trifocals, progressive) đôi khi phải có kính riêng chỉ để xài lúc làm việc với vi tính.
- Cho nên rất quan trọng trong việc khám và đo độ kính cho chuẩn, cho đúng. Cơ quan AOA khuyên nên khám mỗi năm một lần. Mỗi lần đi khám, nên cho bác sĩ biết những nhu cầu vi tính của mình, và thảo luận với bác sĩ những biện pháp khác nhau để bảo vệ mắt.
- Các bác sĩ nhãn khoa của Mỹ thường khuyên bệnh nhân phải biết về Visual Hygiene. Visual Hygiene dịch nôm na ra là vệ sinh cho mắt. Nhưng không phải là rửa sạch mắt, mà là biết cách giữ gìn, và bảo vệ mắt trong lúc làm việc với vi tính, đọc sách, học bài, chơi game, hoặc cả lúc lái xe, xem TV, v.v... Trong đó một cách bảo vệ mắt quan trọng khi dùng máy vi tính là cố gắng nhớ đừng "locked in" hay "căng quá" vào máy vi tính từ giờ này

qua giờ nọ. Mỗi nửa tiếng nên cho đôi mắt rời màn ảnh, làm một công việc gì khác chừng hai đến năm phút rồi trở lại với màn ảnh. Hay cũng có thể nhắm mắt và relax chừng 20 giây mỗi nửa tiếng. Khi đau ốm, không khỏe trong người không nên xài vi tính nhiều.

Bác sĩ có thể cho bạn dùng thuốc nhỏ mắt nếu bị khô hay bị nhiễm, nhất là người lớn tuổi

Và cuối cùng câu hỏi mà ai cũng muốn biết là vi tính có làm cho mắt cận thêm không?

Yes, cũng có phần đúng. Nhưng hầu hết mọi việc làm cần

nhìn gần (near work) như vi tính, đọc sách, học và làm bài vở, thêu thùa may vá, v.v... đều có thể tăng độ cận thị, chứ không chỉ riêng vi tính mới làm bạn cận hơn.

Những người bị viễn thị và lão thị cũng thế, độ tăng dần với năm tháng và tuổi tác, nên cho dù bạn có xài vi tính hay không đi chẳng nữa thì đến cái tuổi nào đó, mắt bạn cũng sẽ yếu đi và bạn cũng sẽ cần đeo kính.

Cả triệu triệu người xài vi tính hằng ngày, từ đứa bé hai tuổi đã có thể xem phim trên ipad, đứa con trai 4 tuổi đã chơi

game rất giỏi trên điện thoại của mẹ nó, cho đến ông già bà cả phần đông bây giờ cũng biết email liên lạc với nhau bằng vi tính.

Cha mẹ nên hạn chế phần nào video games của con cái.

Nói chung vi tính không gây nên đau mắt, nhưng xài vi tính mà không biết cách bảo vệ mắt và thân thể sẽ đưa đến nhiều triệu chứng khó chịu cho mắt, cho tay, cho vai, cho đầu, và cho toàn thân nữa.

BS Đỗ Châu Oanh, O.D.

thơ

Rõng lặng

*Rõng. Lặng. Chân. Huyền. Thị. Như.
Tìm về. Cõi tịnh. Chân như. Vĩnh hằng.
Không gian. Thanh thoát. Vàng trắng.
Nụ cười. Hoa tượng. Tuệ đấng. Tâm người.*

(Kính tặng Ni sư Thuần Bạch và Ni sư Thuần Tuệ
Tu Viện Diệu Nhân, Xuân Nhâm Thìn, 2012)

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



Nhớ quê xưa

*Cổ hương từ cách bên trời
Trong mây man mác bụi ngùi lòng ta
Nhớ thương từ lũy tre già
Cuốc kêu vắng vắng trưa hè lửng lơ
Ngàn lau phơ phất gió đưa
Bầy trâu đung đỉnh bên bờ cỏ xanh.
Đầu non mây trắng vờn quanh,
Đàn cò soái cánh nhịp nhàng dặm xa.
Lúa đồng ngan ngát hương quê
Ai đi mà chẳng nhớ về làng xưa
Cây đa rợp bóng đầu thôn
Xa trông thấp thoáng dáng đình làng ta.
Đường làng rợp mát khóm tre
Chiều buông vọng tiếng chuông chùa thu không
Cây đa, cây thị còn không
Khi xưa ta vẫn đến cùng bạn chơi?
Xa quê mấy chục năm rồi
Tuổi xanh nay đã da môi tóc sương!
Ai về thăm lại quê hương,
Cho tôi nhắn gửi niềm thương nhớ này...*

MINH GIỚI

LỜI PHẬT DẠY VỀ PHÁP TƯỚNG

Cư Sĩ Nguyên Giác

Trong Kinh Kim Cang có câu, “Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.” Nghĩa là, nếu thấy các tướng đều xa lìa tướng, tức là thấy Phật. Câu hỏi nơi đây là, chúng ta có thể nhìn người phụ nữ như là ‘phi tướng’ được không? Đã có ít nhất là một Trưởng Lão Ni thời Đức Phật từng nói như thế.

Câu hỏi này dễ dàng được gợi lên, khi chúng ta đọc bài viết nhan đề “Không Phải Là Lời Của Phật” của tác giả Kurt Schmidt, do Tiến Sĩ Thái Kim Lan chuyển ngữ sang tiếng Việt. Bài viết nói rằng có thể đã có một số đoạn văn do đời sau xen vào.

Trích như sau:

“... Theo truyền thuyết, không lâu trước khi nhập niết bàn, Đức Phật đã trả lời Ananda, thị giả theo hầu cận Phật nhiều năm, khi vị này xin Phật chỉ dẫn cách đối xử cho các vị tỳ kheo mỗi lần gặp phụ nữ. Theo truyền thuyết, lúc ấy Phật đã dạy: “Không được nhìn!” Trả lời câu hỏi tiếp theo nếu trong trường hợp đã lỡ nhìn thấy người phụ nữ rồi thì phải ứng xử như thế nào, Phật lại dạy, cũng theo truyền thuyết: “Không được bắt chuyện!” Trả lời câu hỏi thứ ba, các tỳ kheo phải đối xử như thế nào, khi chẳng đặng đừng câu chuyện đã được bắt đầu với người phụ nữ, Phật lại khuyên - cũng theo truyền thuyết: “Hãy giữ vững tâm trí!”

Trong kinh Đại Niết bàn, - bản kinh lớn tường thuật về giai đoạn cuối đời và cái chết của Đức Phật có ghi đoạn đối thoại trên. Đoạn này xét ra không thật, mà là một thêm thắt của người đời sau. Điều

đó có thể chứng minh được...” (hết trích - link: http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-73_4-15648_5-50_6-1_17-142_14-1_15-1/)

Bài viết nói rằng những câu về cách ứng xử khi gặp người



phụ nữ không phù hợp với mạch văn, và cũng không phù hợp với lời dạy trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương.

Nơi đây, chúng ta sẽ không bàn về chuyện có phải đã có sự thêm thắt của đời sau hay không. Nơi đây, chúng ta chỉ muốn dựa theo kinh luận để bàn về pháp tướng, cụ thể là cách nhìn người phụ nữ.

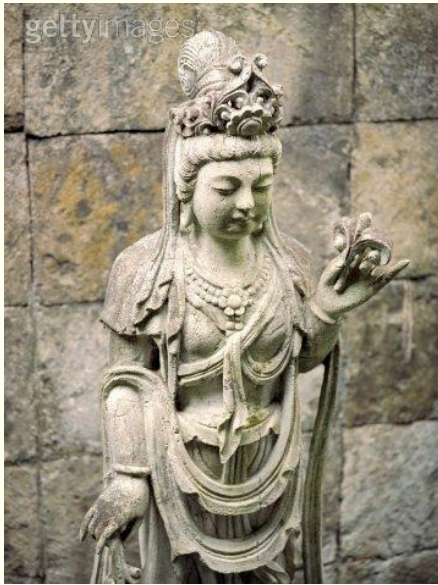
Thực tế, phụ nữ và nam giới phải có dị biệt. Không thể đơn

giản có chuyện xa lìa hình tướng được. Bởi vậy, chư Tăng Nam Tông mặc y hở vai, nhưng chúng ta có thể đoán rằng ngay từ thời xưa thật là xưa, không thể nào có chuyện quý Ni mặc y hở vai được. Tuy nhiên, những nơi khác trong các bản kinh liên hệ (Kinh Du Hành, trong Kinh Trường A Hàm, thuộc Hán Tạng dịch từ tiếng Sankrit, bản Việt dịch của Thầy Thích Tuệ Sỹ; và Kinh Đại Bát Niết Bàn, trong Kinh Trường Bộ, thuộc Tạng Pali, bản Việt dịch của Thầy Thích Minh Châu) đều có những lời dạy xa lìa cái nhìn về tướng nữ hay tướng nam.

Thí dụ, trích từ Kinh Du Hành:

“Phật bảo A-nan: ...Không suy niệm tất cả tướng, khi nhập vô tướng định, thân an ổn, không có não hoạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự mình thấp sáng; thấp sáng nơi pháp, chớ thấp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác. Thế nào là Hãy tự mình thấp sáng, thấp sáng nơi pháp, chớ thấp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương

tựa pháp, chớ nương tựa nơi khác? Này A-nan, Tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Này A-nan, đó gọi là Hãy tự thấp sáng, thấp sáng nơi pháp, chớ thấp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp,



chớ nương tựa nơi khác.. Đây Ananda, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học..." (hết trích - link: http://www.thuvienhoasen.org/D_2-58_4-11830_15-1_1-2_5-50_6-2_17-122_14-1/#nl_detail_bookmark)

Ngay câu đầu đoạn trên đã viết: "Không suy niệm tất cả tướng, khi nhập vô tướng định..." Lời dạy này có thể hiểu là nhìn chỉ là nhìn thôi, không suy niệm khởi tướng gì. Đây thực sự là pháp vô niệm.

Hay trích bản dịch Kinh Đại Bát Niết Bàn của Thầy Thích Minh Châu:

"33. Đây Ananda, tám giải thoát. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tướng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tướng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật

gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ; đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ; đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát." (hết trích-link: <http://old.thuvienhoasen.org/truong16.htm>)

Diệt trừ các tướng hữu đối... Kinh Kim Cang nói cũng tương tự về xa lìa tướng hữu đối: Ly tứ cú (bốn câu: có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không).

Như thế, dưới cái nhìn của người tu, thực sự không có tướng nam không có tướng nữ. Không chỉ riêng lời dạy của Đức Phật, chính ngay trong cách ứng xử của các vị Thánh Ni cũng biểu lộ như thế.

Chúng ta có thể dẫn chứng Kinh Tương Ứng Bộ, bản dịch của Thầy Thích Minh Châu, trong Chương V Tương Ứng Tỷ Kheo Ni, trích:

"II. Soma (S.i.129)

6) Tỷ-kheo-ni Soma biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo Thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu?
Ai tự mình tìm hỏi:
"Ta, nữ nhân, nam nhân,
Hay ta là ai khác?"
Xứng nói chuyện Ác ma,
Ác ma thật cần xứng.*

7) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Soma đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

(hết trích - link: <http://old.thuvienhoasen.org/tu1-05.htm>)

Ý của Tỷ Kheo Ni Soma là, nếu có ai nghĩ rằng "Ta là phụ nữ" hay "là đàn ông" hay "Ta có là bất cứ cái gì," thì kẻ đó rơi vào đường ma đạo. Nghĩa là, ngài Soma nói là đừng có nghĩ tưởng ra tướng nữ hay tướng nam, hay bất kỳ tướng nào... vì như thế đều là ma đạo. Nơi đây, chúng ta

lại gặp Kinh Kim Cang: nhục kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.

Bản Anh dịch "Soma Sutta: Sister Soma" của Tỷ kheo Thanissaro Bhikkhu, từ Tạng Pali, sử dụng ngôn ngữ minh bạch hơn:

"... Then, having understood that "This is Mara the Evil One," she replied to him in verses:

What difference does being a woman make when the mind's well-centered, when knowledge is progressing, seeing clearly, rightly, into the Dhamma. Anyone who thinks 'I'm a woman' or 'a man' or 'Am I anything at all?' — that's who Mara's fit to address.

Then Mara the Evil One — sad & dejected at realizing, "Soma the nun knows me" — vanished right there." (link: <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn05/sn05.002.than.html>)

Có thể dịch ra Việt ngữ đoạn kinh văn trên như sau:

"...Rồi thì, đã hiểu rằng "Đây là Ác Ma," vị Tỷ Kheo Ni trả lời bằng thơ:

Có khác biệt nào nơi người phụ nữ khi tâm chuyên chú an định, khi trí tuệ đưa tới cái thấy Pháp một cách minh bạch, đúng đắn. Bất kỳ ai nghĩ rằng 'Ta là một phụ nữ' hay 'một người đàn ông' hay 'Ta có là bất cứ gì chẳng?' -- đó mới là kẻ mà Ác Ma nói tới phù hợp.

Rồi thì Ác Ma -- buồn bã và thất vọng khi nhận ra rằng, "Tỷ Kheo Ni Soma biết ta rồi" -- biến dạng ngay khi đó."

Nghĩa là, với trí tuệ đã thấy Pháp một cách minh bạch, một cách đúng đắn, thì không thấy tướng nữ, tướng nam, hay bất kỳ tướng nào. Ngắn gọn, lời này âm vang lại trong Kinh Kim Cang rằng nếu thấy các tướng xa lìa tướng thì là thấy Như Lai.

Chúng ta cũng gặp lại ngôn ngữ Kinh Kim Cang ở một nơi khác. Lần này là trong Kinh Tập, thuộc Tiểu Bộ Kinh, khi Đức Phật trả lời câu hỏi của ngài Mogharaja.

Kinh này có tên "Mogharajamanava-puccha: Mogharaja's Question" dịch từ Pali sang Anh văn bởi ngài Thanissaro Bhikkhu. Trích như sau:

"Mogharaja:... I've come with

a question: How does one view the world so as not to be seen by Death's king?

The Buddha: View the world, Mogharaja, as empty — always mindful to have removed any view about self. This way one is above & beyond death. This is how one views the world so as not to be seen by Death's king." (hết trích – link: <http://accesstoinight.org/tipitaka/kn/snp/snp.5.15.than.html>)

Có thể dịch ra Việt ngữ như sau:

"Mogharaja:... Con tới với một câu hỏi: Làm cách nào để nhìn thế giới này mà không bị nhìn thấy bởi Thần Chết?

Đức Phật: Mogharaja, hãy nhìn thế giới này như Tánh Không rỗng rang -- luôn luôn rời bỏ bất kỳ cái nhìn nào về tự ngã. Cách này là cao hơn và vượt qua cái chết. Đó là cách người tu nhìn về thế giới này để không bị Thần Chết nhìn thấy." (hết trích dịch).

Như thế, Đức Phật cũng dạy là rời bỏ bất kỳ quan điểm nào về 'ngã.' Nghĩa là, đừng thấy là có 'ngã', đừng thấy là có 'vô ngã', đừng thấy là có 'vừa ngã vừa vô ngã', và đừng thấy 'chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã'.

Bản Anh dịch khác của ngài John D. Ireland là:

"The Lord: Look upon the world as empty,[2] Mogharaja, ever mindful, uprooting the view of self you may thus be one who overcomes death. So regarding the world one is not seen by the King of Death." (hết trích -- <http://www.accesstoinight.org/tipitaka/kn/snp/snp.5.15.irel.html>)

Có thể dịch ra Việt ngữ như sau:

"Đức Phật: Hãy nhìn thế giới này như Tánh Không rỗng rang, Mogharaja, luôn luôn tỉnh thức nhìn như thế; xóa bỏ cái nhìn về ngã, con như thế sẽ là người vượt qua cái chết. Nhìn thế giới như thế, con sẽ không bị Thần Chết nhìn thấy."

Nghĩa là lạng lẽ hồn nhiên, không thấy có bất cứ cái nhìn nào về ngã, hay bất cứ cái nhìn nào về vô ngã.

Bản dịch của Thầy Thích Minh

Châu là ở đây:

"Mogharàja:

...Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy.

Thế Tôn:

1119. Nay Mô-gha-ra-ja,
Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhô lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,

Thần chết không thấy
được." (hết trích – link: http://www.thuvienhoasen.org/images/upload/PDF_Books/TieuBoKinh-TapI.pdf)

Nếu như thế, thì làm sao có tướng nữ hay nam?

Chúng ta cũng có thể nhớ tới Kinh Lăng Nghiêm, với câu "Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn." Có thể hiểu là: thấy biết mà dựng lập cái thấy biết, đều là gốc vô minh.

Trong Kinh Tăng Chi Bộ cũng có lời Đức Phật dạy như thế.

Trong AN 4.24, bản kinh tên "Kalaka Sutta: At Kalaka's Park" với bản Anh dịch của ngài Thanissaro Bhikkhu, trích:

"Thus, monks, the Tathagata, when seeing what is to be seen, doesn't construe an [object as] seen. He doesn't construe an unseen. He doesn't construe an [object] to-be-seen. He doesn't construe a seer.

"When hearing...

"When sensing...

"When cognizing what is to be cognized, he doesn't construe an [object as] cognized. He doesn't construe an uncognized. He doesn't construe an [object] to-be-cognized. He doesn't construe a cognizer.

Thus, monks, the Tathagata — being the same with regard to all phenomena that can be seen, heard, sensed, & cognized — is 'Such.' And I tell you: There's no other 'Such' higher or more sublime." (hết trích – link: <http://www.accesstoinight.org/tipitaka/an/an04/an04.024.than.html>)

Chúng ta có thể dịch ra Việt ngữ như sau:

"Do vậy, hỡi chư tăng, Như Lai khi nhìn thấy cái được nhìn



thấy, không dựng lập một [vật gì như] cái được nhìn thấy. Như Lai không dựng lập cái không được nhìn thấy. Như Lai không dựng lập một [vật gì] để sẽ được nhìn thấy. Như Lai không dựng lập một ai nhìn thấy cả.

"Khi nghe... (cũng tương tự như đoạn trên)

"Khi cảm giác... (cũng như trên)

"Khi nhận biết cái được nhận biết, Như Lai không dựng lập một [vật gì như] cái được nhận biết. Như Lai không dựng lập cái chưa được nhận biết. Như Lai không dựng lập một [vật gì] để sẽ được nhận biết. Như Lai không dựng lập một ai nhận biết cả.

Do vậy, hỡi chư tăng, Như Lai — là đồng một thể với tất cả các hiện tượng mà các hiện tượng này có thể được thấy, được nghe, được cảm giác và được nhận biết — là 'Như Thế, Như Thị, Như Như.' Và Như Lai nói cho con biết: Không có cái 'Như' nào khác cao hơn, vượt hơn." (hết dịch)

Đó cũng là ngôn ngữ Lăng Nghiêm: toàn tướng tức tánh, toàn tánh tức tướng. Trong Kinh Tăng Chi Bộ của Tạng Pali dẫn trên, cái thấy, cái nghe, cái nhận biết là một với các pháp được thấy, được nghe, được nhận biết.

Như thế cũng có nghĩa là, người thấy và cái được thấy là một thể bất phân, người nghe và cái được nghe là một, người nhận biết và cái được nhận biết là một.

Nghĩa là, trở lại ngôn ngữ Kinh Lăng Nghiêm: khi thấy biết (tri kiến) mà không dựng lập thấy biết (lập tri) thì là thể nhập cái Như Thị. Nhưng khi thấy biết mà dựng lập thấy biết thì là gốc của vô

minh (tri kiến lập tri, tức vô minh bốn).

Đoạn Kinh Tăng Chi Bộ này được ngài Thích Minh Châu dịch ra bản Việt ngữ, trích như sau:

“(IV) (24) Kàlaka

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai là vị đã thấy những gì cần thấy, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thấy, không có tưởng tượng những cái gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy. Đã nghe những gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng những cái gì không được nghe, không có tưởng tượng những gì cần phải nghe, không có tưởng tượng đối với người nghe. Đã cảm giác những gì cần cảm giác, nhưng không có tưởng tượng điều đã được cảm giác, không có tưởng tượng những cái gì không được cảm giác, không có tưởng tượng những gì cần phải cảm giác, không có tưởng tượng đối với người cảm giác. Đã thức tri những gì cần thức tri, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thức tri, không có tưởng tượng những cái gì không được thức tri, không có tưởng tượng đối với người thức tri. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, nên vị ấy là như vậy. Lại nữa, hơn người như vậy, không có ai khác tối thượng hơn và thù thắng hơn, Ta tuyên bố như vậy.” (hết trích – link: <http://old.thuvienhoasen.org/tangchi04-0103.htm>)

Rất mực là minh bạch, đó là ngôn ngữ Thiền Tông của Lục Tổ Huệ Năng vậy.

Chỗ này, diễn lại qua ngôn ngữ của Thiền Sư Duy Lực trong cuốn Duy Lực Ngữ Lục Tập 1, in tại VN năm 2000 như sau:

“Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn”, cái “Lập tri” ấy tức là tự tri. Thế gian nói “Tri”, nói “Kiến” ấy là thể lưu bố tưởng, Phật cũng nói là tri là kiến, nhưng không có chấp cái tri ấy là thật, nên chẳng có lập tri, nên nói “Tri kiến vô kiến, tứ tức Niết bàn”. Nay do tập khí từ lâu

đời, chúng ta việc gì cũng muốn tri, muốn kiến, Phật muốn thuyết pháp độ chúng sanh cũng phải tùy thuận chúng sanh, cũng phải nói tri, nói kiến, nhưng không chấp đó là thật; hễ chấp thật tức tự lập cái tri, là căn bản của vô minh, nếu không kiến lập tức Niết bàn.” (Link: <http://old.thuvienhoasen.org/ddpp-trikienlaptri.htm>)

Trong cuốn “Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất,” ngài Bồ Đề Đạt Ma trong Huyết Mạch Luận cũng nói tương tự như khi Đức Phật dạy cách thể nhập Tánh Như:

“... Nên kinh nói: Động mà không có sở động.

Bởi vậy:

- Suốt ngày thấy mà chưa từng thấy.

- Suốt ngày nghe mà chưa từng nghe.

- Suốt ngày cảm mà chưa từng cảm.

- Suốt ngày ngày biết mà chưa từng biết.

- Suốt ngày đi, ngồi mà chưa từng đi, ngồi.

- Suốt ngày hờn vui mà chưa từng hờn vui.

Nên kinh nói: Lời nói làm cho đạo dứt, tâm động làm cho giác ngộ tiêu (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt).

Thấy, nghe, cảm, biết vốn tự nó viên tịch, cho đến mọi niềm giận vui cũng vậy.” (hết trích – link: <http://old.thuvienhoasen.org/saucuavaodongthieuthat-06.htm>)

Như vậy, pháp tu có phải làm thanh tịnh hóa những gì không? Bởi vì tự tánh vốn thanh tịnh, có phải là không cần thực hiện các pháp thanh tịnh hóa phải không?

Và đối với một số người, như trường hợp với ngài Magandiya, Đức Phật đã dạy hết sức là đơn giản: không hề có một pháp nào để tu học hết, chỉ đơn giản là đừng nắm giữ bất kỳ một pháp nào. Ngôn ngữ này y hệt như Thiền Tông của Bồ Đề Đạt Ma và Huệ Năng.

Có một nơi trong Kinh Tập, thuộc Kinh Tiểu Bộ, đã nói như thế: không một pháp nào để nắm giữ trong tâm, kể cả cái gọi là sự thanh tịnh.

Bản Anh dịch từ Pali có nhan

đề “Magandiya Sutta: To Magandiya,” dịch bởi ngài Thanissaro Bhikkhu, trích:

“Magandiya:

Sage, you speak without grasping at any preconceived judgments. This 'inner peace': what does it mean? How is it, by an enlightened person, proclaimed?

The Buddha:

He doesn't speak of purity in connection with view, learning, knowledge, precept or practice. Nor is it found by a person through lack of view, of learning, of knowledge, of precept or practice.

[1] Letting these go, without grasping, at peace, independent, one wouldn't long for becoming.

Magandiya:

If he doesn't speak of purity in connection with view, learning, knowledge, precept or practice. and it isn't found by a person through lack of view, of learning, of knowledge, of precept or practice, it seems to me that this teaching's confused, for some assume a purity in terms of — by means of — a view.

The Buddha:

Asking questions dependent on view, you're confused by what you have grasped. And so you don't glimpse even the slightest notion [of what I am saying]. That's why you think it's confused. Whoever construes 'equal,' 'superior,' or 'inferior,' by that he'd dispute; whereas to one unaffected by these three, 'equal,' 'superior,' do not occur.” (hết trích – link: <http://www.accesstoinight.org/tipitaka/kn/snp/snp.4.09.than.html>)

Các đoạn văn kinh trên có thể



dịch như sau:

"Magandiya: Thưa hiền giả, ngài nói là đừng nắm giữ bất kỳ bình phẩm nào đã có sẵn nào. Cái 'hòa bình nội tâm' này có nghĩa gì? Làm sao nó được một vị đã giác ngộ tuyên thuyết?"

Đức Phật: Thế Tôn không nói về sự thanh tịnh trong liên hệ tới cái nhìn, tới cái học, tới kiến thức, tới giới luật hay tới sự tu tập. Nhưng bình an nội tâm này cũng không thể tìm gặp bởi một người thiếu cái nhìn, thiếu cái học, thiếu kiến thức, thiếu giới luật hay thiếu tu tập. Buông bỏ hết các thứ đó, không nắm giữ gì hết, bình an và độc lập, ta sẽ không muốn trở thành [bất kỳ sanh hữu gì hết].

Magandiya: Nếu ngài không nói về sự thanh tịnh trong liên hệ tới cái nhìn, tới cái học, tới kiến thức, tới giới luật hay tới sự tu tập. Và [bình an nội tâm này] không được tìm gặp bởi một người xuyên qua thiếu cái nhìn,

thiếu cái học, thiếu kiến thức, thiếu giới luật hay thiếu tu tập. Như đường đối với con, lời dạy này rồi rằm, vì có những người cho là được sự thanh tịnh khi đo lường về -- bởi phương tiện của -- một sự chiếu kiến.

Đức Phật: Khi hỏi những câu hỏi tùy thuộc vào tri kiến, con bị rối rắm bởi những gì con nắm giữ. Và do vậy con không thấy được ngay cả một chút xíu nào những gì [Thế Tôn đang nói]. Đó là tại sao con nghĩ là con bị rối rắm. Bất kỳ ai dựng lập 'những cái bằng nhau', 'những cái cao thượng hơn', hay 'những cái thấp hơn', bởi như thế mà Như Lai bác bỏ; bởi vì đối với bậc đã không bị ảnh hưởng bởi ba so sánh đó, thì 'những cái bằng nhau', và 'những cái cao thượng hơn' không hề xảy ra." (hết trích dịch)

Các đoạn trên được ngài Thích Minh Châu dịch ở đây: <http://www.budsas.org/uni/u->

kinh-tieubo1/tb15-kt4.htm.

Nghĩa là, sẽ là trật nếu nói rằng phải học và phải tu tập để có sự thanh tịnh. Nhưng, Đức Phật cũng nói liền kế tiếp, rằng sự thanh tịnh cũng không thể có nếu không học và không tu tập. Bởi nghe thế, ngài Magandiya mới thấy rối rắm. Đây hiển nhiên là Kinh Kim Cang.

Như thế, Kinh Kim Cang và Kinh Lăng Nghiêm đã được tuyên thuyết trong Kinh Tạng Pali.

Và không chỉ riêng Đức Phật trong Tạng Pali nói lên ngôn ngữ Kim Cang và Lăng Nghiêm. Mà cũng đã có một vị Tỳ Kheo Ni tên là Soma tuyên thuyết rằng cần phải thấy các tướng là phi tướng...

Nguyên Giác



Thiên Thần Quét Lá

*Chổi tre,
Nón lá,
Chân trần,
Một thiên thần
Đang quét
lá bỏ để rơi.*

*Lá rơi,
lá vẫn cứ rơi,
Thiên Thần Quét Lá,
Quét hoài ngàn năm.*

*Thành thoi không vương
Bụi trần.
Chỉ mong báo đáp
Tứ Ân vẹn tròn
Với một ý niệm cón con
Sớm hôm quét lá
sắt son một lòng*

*Quét lá,
Quét sạch hồng trần.
Quét tan phiền não
Của người trần gian.*

*Quét đi bao nỗi hờn oan.
Vô minh bị quét,
chân như sáng ngời.
Quét mây, quét gió, quét đời
Quét sông, quét núi,
Quét luôn cả mình.*

THIÊN THẦN QUÉT LÁ

(*) Bài này được đăng trên trang chuatambao.org, tựa đề và tên tác giả là một, không biết tác giả thực sự là ai.

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

TÀU HỦ CHIÊN VỚI NẤM XÀO RAU

Vật Liệu:

1. 3 miếng tàu hủ vuông, cắt nhỏ chiên giòn
2. 2 cọng hành lá, cắt khúc khoảng 2 phân
3. 5/10 cái nấm Đông Cô
4. 1 bó cải ngọt, hoặc loại cải nào mình thích
5. 1 nắm tay đậu Hòa Lan
6. 10 miếng gừng cắt nhỏ và mỏng
7. 1 cup nước luộc rau, 2 muỗng canh nước tương, chút tiêu, 1 muỗng café dầu mè
8. 1 muỗng café bột khoai, 1 muỗng canh nước luộc rau, quậy đều
9. Dầu ăn



Cách Làm:

Cắt tàu hủ thành những miếng vuông nhỏ vừa miệng ăn, chiên giòn, để ráo dầu.

Nếu dùng nấm Đông Cô khô thì ngâm nước cho mềm và cắt làm hai. Cải ngọt rửa sạch, cắt thành khúc nhỏ, trụng sơ với nước sôi, rồi vớt ra để ráo nước. Nung nước luộc cải cho sôi trở lại và cho đậu Hòa Lan đã rửa sạch vào, trụng sơ và vớt đậu ra ngoài để cho ráo nước.

Để chảo lên lò và cho vào 1 muỗng canh dầu ăn. Chiên hành (2) lên cho thơm. Sau đó cho nấm Đông Cô (3) và gừng (6) vào, xào lên vài cái rồi cho các gia vị số (7) và tàu hủ đã chiên giòn (1) vào chảo để cho sôi khoảng 2 phút, để nước cạn bớt. Rồi bạn có thể cho cải ngọt và đậu Hòa Lan vào, xào lên vài cái. Sau đó cho nước và bột khoai đã được trộn sẵn (8) vào, xào cho sệt lại là cho vào đĩa.



Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

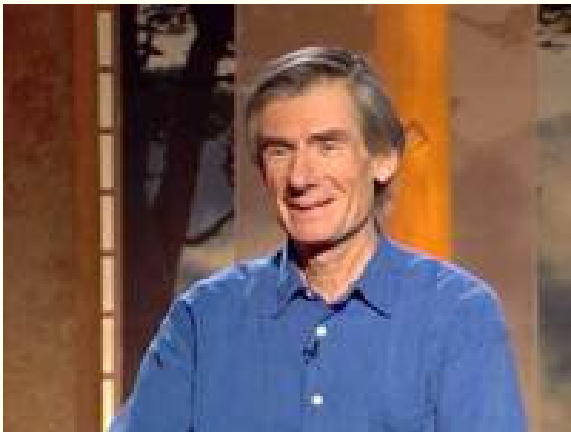
ÁNH HÀO QUANG CỦA PHẬT hay sự hồi sinh của Phật giáo Á châu

Hoang Phong (dịch và ghi chú)

Dưới đây là một bài phỏng vấn trong chương trình Phật giáo hàng tuần của Đài truyền hình chính phủ Pháp (đài France 2), phát hình vào ngày chủ nhật 02.12.2007. Buổi phát hình này mang chủ đề « **Ánh Hào Quang của Phật** » (**Lumières du Bouddha**). Nữ ký giả của chương trình là cô Aurélie Godefroy phỏng vấn hai Ông Olivier Germain-Thomas và Christophe Boivieux. Xin được nhắc thêm là chương trình Phật giáo trên đài truyền hình Pháp mang tên là « **Trí tuệ Phật giáo** » (**Sagesses bouddhistes**), vừa được Tổng hội Phật giáo Pháp ăn mừng sinh nhật 10 năm.

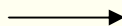


Cô **A. Godefroy**, nữ ký giả phụ trách chương trình



Ông **O. Germain-Thomas** (1943...), nhà văn, đã xuất bản nhiều sách về Phật giáo, đồng thời cũng là ký giả và phụ trách thiết kế nội dung các chương trình phát thanh của đài Văn Hoá Nước Pháp (France Culture)

Ông **C. Boivieux** (1960...), ký giả và nhiếp ảnh gia, từng chu du khắp thế giới, nhất là các nước Á châu, kể cả Việt Nam, đã xuất bản nhiều sách và hình ảnh về các chuyến du hành của ông, tác phẩm mới nhất là « *Bénarès-Kyoto* » cũng vừa trúng giải Renaudot năm 2007.



Sau đây là phần thoát dịch buổi phỏng vấn:

Aurélie Godefroy: Phật giáo ngày nay gồm khoảng 350 triệu tín đồ và đại diện cho một tôn giáo đứng vào hàng thứ tư của nhân loại (1). Từ những năm gần đây, Phật giáo cho thấy những đổi mới sâu xa, tại Âu châu này cũng như trên phần lục địa mà Phật giáo đã phát sinh: tức Á châu. Và chính hôm nay đây, chúng ta sẽ dừng lại với nhau trên phần đất đó của địa cầu. Chúng ta hiểu rằng Phật giáo đã hình thành trên lãnh thổ Ấn độ. Nhưng rồi tôn giáo ấy đã phát triển như thế nào, đã trở nên phong phú ra sao khi hội nhập với những ảnh hưởng đa dạng khác, qua chuỗi dài của nhiều thế kỷ? Những truyền thống chính là gì? Làm thế nào để xác định những truyền thống ấy? Những lý do quan trọng nào đã tạo ra sức mạnh thu hút của Phật giáo tại Á châu, mãi cho đến ngày hôm nay? Chúng ta sẽ bàn thảo về những vấn đề trên đây với hai vị khách của chương trình là hai ông: Olivier Germain-Thomas và Christophe Boivieux.

(Quay sang phía ông Christophe Boivieux). Xin chào ông Christophe Boivieux, Ông là nhà báo và nhiếp ảnh gia. Tôi hiểu rằng ông đã chu du trên khắp thế giới từ hai mươi năm nay. Đặc biệt, ông đã chu du nhiều trên các phần đất Á châu. Ông hợp tác với nhiều tạp chí và ông đã cho xuất bản một số sách về du lịch. Xin cảm tạ ông vô ngần đã đến với chúng tôi.

(Quay sang ông Olivier Germain-Thomas). Xin chào ông Olivier Germain-Thomas. Tôi được biết ông là một người thật nổi tiếng, đã thiết kế



các chương trên đài phát thanh "Văn Hoá Nước Pháp", và cũng vừa đoạt giải Renaudot với tác phẩm mới nhất của ông, mang tựa đề "Bénarès-Kyoto" (từ Ca-ti-la-vệ đến Kyoto) do nhà xuất bản Rocher ấn hành. Xin cảm ơn ông đã đến với chúng tôi. Và trong dịp này hai ông đến để giới thiệu quyển sách mới phát hành do hai ông viết chung có kèm nhiều hình ảnh, sách mang tựa đề là "Ánh hào quang của Phật" ("Lumières du Bouddha"), do nhà xuất bản Lodi ấn hành. Đây là một quyển sách hết sức đẹp, phác họa lại sự hình thành và quá trình tiến hoá của Phật giáo tại Á châu, đúng với tình trạng như ngày nay. Để khởi sự, tôi muốn được mời Ông Olivier Germain-Thomas giải thích cho biết Phật giáo phát sinh như thế nào tại Á châu, và đặc biệt là tại Ấn độ.

O.GT.: Trước hết, phải nói rằng Phật giáo là tinh anh của nước Ấn. Người ta thường quên một điều là Phật giáo đã từng tồn tại suốt mười lăm thế kỷ trên đất Ấn, và vì lý do Ấn độ ngày nay chỉ còn dưới 1% dân chúng theo Phật giáo và Phật giáo được đón nhận vào phương Tây lại là Phật giáo Nhật bản và Tây tạng, do đó người ta đã không còn nhớ đến cái lò hun đúc ra Phật giáo. Cái lò ấy là nền tảng của các tư tưởng triết học, là tinh thần và kinh nghiệm tâm linh của cả nước Ấn. Như người ta đã biết, Phật giáo hình thành vào thế kỷ thứ V hay thứ VI trước Giê-su, trong vùng cao nguyên nằm giữa Hy-mã-lạp sơn và thung lũng sông Hằng. Khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch, nhờ hoàng đế A-dục, Phật giáo bành trướng khắp nơi. Và xin đừng quên là Phật giáo đã từng lan rộng về phương Tây, tức là các vùng ngày nay thuộc vào các quốc gia như A-phú-hãn, Pakistan, Cachemire.

A.G.: Vậy có phải việc hoàng đế A-Dục quy y Phật giáo nhất thiết là một yếu tố quyết định cho việc bành trướng Đạo Phật hay không?

O.GT.: Không thể biết chắc được. Nhưng dù sao, chính vua A-dục là người mong muốn Phật



giáo được phát triển. Dù ít hay nhiều, ông vẫn còn là một người Ấn độ giáo, bởi vì dù sao phần đông dân chúng trong nước vẫn còn giữ đạo Bà-la-môn. Ông gửi sứ giả đi khắp nơi, từ Đông sang Tây và cả về phương Nam. Phương Nam gồm các quốc gia như: Tích lan, Miến điện, các nước Đông nam Á. Về phía Tây, qua vùng Cachemire, và dọc theo con đường tơ lụa, Phật giáo tiếp xúc thường hơn với Trung quốc và lan rộng vào phần đất này, sau đó đến lượt Triều tiên, rồi tiếp đến là Nhật bản, Tây tạng, Mông cổ, người ta đã biết rõ về giai đoạn lịch sử này. Nhưng nhiều khi người ta lại quên một chuyện khác là các trường phái chính của Phật giáo, dù đấy là Phật giáo Nguyên thủy Theravada, hay sau đó là Đại thừa Mahayana, và tiếp theo là Tan-tra thừa (Mật tông), tất cả đều phát xuất từ Ấn độ. Tan-tra thừa đã xuất phát từ đất Ấn có nghĩa là nền Phật giáo bành trướng ở Tây tạng dù thừa hưởng tinh anh của các truyền thống Tây tạng, nhưng các nguyên lý triết học của nền Phật giáo ấy đều đã được du nhập từ Ấn độ. Quả thật đây là một biến cố tuyệt vời đã xảy ra suốt một ngàn năm trăm năm trên đất Ấn, và vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay, đó là những gì hết sức lạ thường.

A.G.: Thưa ông Christophe Boisvieux, ông có thể cho biết thêm một cách chính xác hơn Phật giáo từ Ấn độ đã lan rộng ra như thế nào?

C.B.: Thưa vâng, từ lúc đầu, khi Đức Phật thuyết giảng, chưa có chữ viết trong vùng thung lũng Sông Hằng. Đấy chỉ là cách truyền khẩu. Và vào thời đại Thiên chúa giáo, các văn bản mới được ghi chép và truyền tụng, từ thầy đến đồ đệ (2). Đây là một nguyên tắc thật căn bản. Trong một số các đường hướng tu tập Phật giáo, đặc biệt tôi muốn nêu lên trường hợp của Phật giáo Tây tạng, đối với nền Phật giáo này, sự truyền thụ từ thầy sang đồ đệ thật là chủ yếu. Về sau, một số các vị thầy đã đảm trách vai trò chủ yếu trong việc bành trướng Đạo Pháp. Tôi cũng nghĩ đến trường hợp Trung quốc, tức nghĩ đến ngài Bồ-đề-đạt-ma đã mang Đạo Pháp vào Trung quốc từ thế kỷ thứ VI (3). Và sau đó, một vị thầy khác đã tạo được một tầm ảnh hưởng quyết định cho Tây tạng vào khoảng thế kỷ thứ VII : đó là vị thầy đầy màu nhiệm tên là Liên Hoa Sinh (Padmasambhava). Chính sự rạng rỡ của các vị thầy như trên đây đã giúp cho Phật giáo lan rộng.

A.G.: Ta có thể nói rõ hơn một chút để giải thích về ảnh hưởng địa lý trong sự bành trướng của Phật giáo hay chẳng? Theo tôi hình như có hai cửa ngõ khác nhau.

C.B.: Đúng vậy, thứ nhất là con đường tơ lụa đi về phương Bắc, tôi muốn nói là con đường của các đoàn du mục xuyên qua sa mạc, tuy đây là con đường thương mại, nhưng đồng thời cũng là con đường của tín ngưỡng. Chính bằng cửa ngõ này Phật giáo đã đến với Trung quốc trước hết, sau đó từ Trung quốc đến Triều tiên. Triều tiên lại tiếp tục trở thành đầu cầu cho Phật giáo lan truyền vào Nhật bản. Tiếp theo, về phương Nam lại có con đường hàng hải, nối liền một trong những trung tâm quan trọng của Phật giáo là Tích lan với các nước Đông Nam Á, như Thái lan, Miến điện, Cam-pu-chia. Phật giáo còn lan tràn sang cả In-đô-nê-xia, nhưng ngày nay đã suy tàn. Trước đây Phật giáo hết sức phát triển trên phần đất này.

A.G.: Để có thể nắm vững hơn về Phật giáo trong tình trạng hiện nay, có thể chúng ta cần nói thêm về lịch sử Phật giáo và ba truyền thống chính là Phật giáo Nguyên thủy, Đại thừa và Kim cương thừa. Ông có thể giải thích thêm vài nét chính về các truyền thống ấy hay chăng? Ta hãy bắt đầu với Phật giáo Nguyên thủy?

O.GT.: Phần cốt lõi phát xuất từ nước Ấn, nhưng sau đó chính khả năng thích ứng tuyệt vời của Phật giáo đã giúp Phật giáo hội nhập với các nền văn hoá khác. Thật ra, những dị biệt giữa các học phái, hay là giữa các thừa

Phật giáo khác nhau, chỉ vón vện liên quan đến hai điểm: thứ nhất là truyền thống văn hoá của quốc gia mà Phật giáo phát triển, thứ hai là các văn bản mà các vị thầy đã sử dụng. Đối với trường hợp Phật giáo Nguyên thủy, các vị thầy căn cứ vào các văn bản tiếng Pa-li. Đối với Phật giáo Đại thừa, các văn bản sử dụng là tiếng Phạn. Và đối với Phật giáo Tan-tra, các văn bản lúc đầu là tiếng Phạn, nhưng ngày nay là tiếng Tây tạng. Nói như thế để hiểu rằng khi du hành trong các xứ đó, nếu có hai vị thầy gặp nhau, và khi họ gạt ra ngoài những tập quán văn hoá, thì cả hai đều nhận ra rằng họ đã cùng xuất phát từ một cội nguồn chung, đây quả thật là những gì hết sức tuyệt vời (4). Tuy thế, người ta vẫn phải thừa nhận trong thừa Tan-tra có nhiều điều thần bí, trong khi đó, thiền tông Zen chẳng hạn, lại tượng trưng cho những gì đơn giản nhất. Nhưng khi đã tu tập bằng thiền định, người ta cũng có thể hình dung bên trong mỗi người chúng ta những gì hiển hiện lên đều rất gần với nhau.

A.G.: Ông Christophe Boisvieux, ông cũng biết khá nhiều về Phật giáo Nguyên thủy, vậy ông có gì để trình bày thêm hay không?

C.B.: Theo tôi thấy những gì lý thú và gây nhiều ấn tượng nhất trong Phật giáo Nguyên

thủy, chính là sự kết hợp giữa tăng lữ và thế tục: tăng lữ không thể tồn tại nếu không có thế tục, toàn thể xã hội thế tục phục vụ cho tăng lữ, nhất là các phật tử cúng dường hàng ngày cho các nhà sư, đây là một giới hạnh được ghi chép từ những lời giảng huấn của Phật: một nhà sư, hay một tỳ kheo, phải tự mình khổ thực. Giới hạnh này không thấy khuyến khích trong các truyền thống khác. Tôi nghĩ đến trường hợp của Kim cương thừa, đến Phật giáo Tây tạng chẳng hạn. Nhất định là có việc cúng dường cho tăng lữ, nhưng không phải dưới hình thức như trên đây. Cách cúng dường trên đây là một tập quán đã ăn sâu vào đời sống thường nhật, quả là những cử chỉ tuyệt đẹp. Thật hết sức xúc động khi nhìn thấy, vào buổi sớm tinh sương, các tín đồ đi chân đất để tỏ sự cung kính, đứng đợi trước ngưỡng cửa, chờ những nhà sư đi ngang để cúng dường thực phẩm.

A.G.: Ông có thể cho chúng tôi biết các điểm đặc thù của Đại thừa hay chăng và nếu có thể, cả về Kim cương thừa nữa, Kim cương thừa có vẻ như là sự tiếp nối của Đại thừa?

O.GT.: Điểm mới mẻ và nổi bật nhất của Đại thừa là sự xuất hiện của các vị Bồ-tát, đó là những sinh linh đã, hoặc có đủ khả năng để đạt được Phật tính, có nghĩa là thể dạng của Phật, nhưng họ lưu lại làm người để hướng dẫn kẻ khác trên đường đưa đến Giác ngộ và chấm dứt khổ đau. Vì thế, so với Phật giáo Nguyên thủy, đây là một hình ảnh mới được xuất hiện thêm. Nói như thế, nhưng người Phật giáo Đại thừa sẽ giải thích ngay cho chúng ta biết là chính Đức Phật đã thuyết giảng về Đại thừa trên đỉnh Linh Thứu, nhưng những lời thuyết giảng ấy được giữ bí mật (5), vì lẽ những người Phật giáo Đại thừa sẽ không chịu nhận là Phật giáo Tiểu thừa có trước. Đây chỉ là những tranh luận giữa các học phái có thể bỏ qua dễ dàng. Dù sao chẳng nữa, trên bình diện tổng quát, người ta có thể bảo rằng hầu hết những biểu tượng trung gian là các thần linh, lần lượt được xuất hiện khi bước vào Đại thừa, và



nhất là khi bước vào Kim cương thừa. Tuy nhiên, trong Đại thừa vẫn có những đường hướng tu tập hết sức đơn giản : đó là Thiền học. Thiền học xuất phát từ cách tu thiền trong Phật giáo gọi là định (dyana), từ đó phát sinh Thiền tông ở Trung quốc và học phái Zen ở Nhật bản, và cũng chính trong Thiền tông các biểu tượng trung gian trở nên kém quan trọng hơn, bởi vì phần chính yếu là đi tìm thực tính bên trong của mỗi người. Như quý vị thấy, tất cả những thứ này khá phức tạp, nhưng phần cốt yếu như đã nói trên đây, là những gì truyền thụ từ thầy đến đồ đệ, đó là những gì hệ trọng hơn tất cả những biểu tượng bên ngoài.

A.G. : *Để bổ túc cho buổi phát hình này, hiện nay người ta đang chứng kiến tình trạng thăng tiến hay là thụt lùi của Phật giáo, tùy theo từng quốc gia, chẳng hạn như Hàn quốc ?*

C.B. : Tại Hàn quốc, đứng ra là đang thoái lùi. Các nhà truyền giáo Phúc âm đã thực hiện những cố gắng thật lớn lao trong việc truyền giáo, dù rằng Phật giáo vẫn rất sinh động và giữ được truyền thống. Trái lại, tôi nghĩ rằng cái nắp vung úp lên các xứ cộng sản đang được hé mở dần dần, và ta thấy những xứ như Trung quốc ngày nay đang đổi mới thật quan trọng, nếu tôi có thể nói như thế, người ta thấy những ngôi chùa chật ních người. Và rồi, thật là kỳ thú khi trở lại

những gì mà ông bạn Olivier vừa trình bày. Ngay trên đất Ấn, và từ khi nước này dành được độc lập, tuy rằng vẫn còn là thiếu số, đã có hàng loạt người thuộc giai cấp cùng đinh trở về với Phật giáo. Mỗi năm, nhiều chục ngàn người thuộc giai cấp bần hàn xin quy y tập thể, họ muốn thoát ra khỏi hệ thống phân chia giai cấp muôn đời của họ. Chính đó là nguồn gốc của sức mạnh Phật giáo, sức mạnh đó đã làm nổ tung cả hệ thống hết sức gò bó và chai cứng của hệ thống giai cấp, sức mạnh đó là sức mạnh của giải thoát. Chính như vậy, ngày nay người ta lại tìm thấy trên đất Ấn sự hồi sinh đó của sức mạnh Phật giáo.

A.G. : **O.GT** : *Để kết thúc buổi phát hình hôm nay, tôi nghĩ rằng ông có một thí dụ hùng hồn, đó là trường hợp của Trung quốc ?*

O.GT. : Vàng, tôi đã đi khắp Trung quốc, bằng xe hỏa hoặc bằng xe ô tô chở khách, và tôi thường đến viếng những ngọn núi thiêng liêng, và rồi tôi đã đến được một hòn đảo nhỏ, gọi là Puko-chan, có thể nói là Núi Athos (6) thu nhỏ, nằm ngoài khơi của Thượng hải, đi tàu phải mất một đêm. Hòn đảo hoàn toàn dành riêng để thờ một vị Bồ tát biểu hiện bằng một hình ảnh nữ giới (7). Tôi thấy hàng ngàn phật tử, đàn bà, trẻ con, thanh niên, thiếu nữ, kéo nhau đi bộ hay quy xuống đất và đi bằng hai đầu

gối, dọc theo con đường thật dài đưa lên ngôi chùa trên đỉnh của hòn đảo, để lễ Phật, nhất là để dâng lễ vị Bồ tát với gương mặt nữ giới. Những gì ngoạn mục nhất, chính là nghĩ đến ngày hôm nay, theo những con số mới nhất, Trung quốc có 10% người theo Phật giáo. Nếu như Phật giáo có thể trở lại như là một thứ gì thật thiết yếu cho Trung quốc, thì nhất định bộ mặt của Á châu, và kể cả thế giới nữa, rồi sẽ hoàn toàn đổi mới. Vậy, chính nơi đó, sẽ xảy ra một thứ gì hết sức quan hệ, và dù sao đi nữa đấy cũng là một trường hợp vô cùng phần khởi.

A.G. : *Xin vô vàn cảm ơn hai ông đã đến với chúng tôi hôm nay.*

Ghi chú của người dịch:

1- Cho đến đầu thế kỷ XX, Phật giáo là tôn giáo lớn nhất của nhân loại. Đầu thế kỷ XXI, Phật giáo tụt xuống hàng thứ tư.

2- Điều này không được đúng lắm. Tiếng Phạn cổ đã có từ thế kỷ XIV trước Tây lịch, bộ kinh Rig Veda (bộ kinh thứ nhất trong bốn bộ kinh của Ấn độ giáo) viết bằng tiếng Phạn được soạn thảo vào năm 3 900 trước Tây lịch. Những lời giảng huấn của Phật được vua A-dục sai khắc vào các trụ đá và bia đá từ thế kỷ thứ III trước Tây lịch.

Theo truyền thống xưa ở Ấn độ, những gì truyền khẩu mang tính cách thiêng liêng, sinh động và màu nhiệm, khác hẳn với những gì lưu giữ dưới dạng chữ viết. Trong Ấn độ giáo cũng thế, các bộ kinh cũng phải học thuộc lòng. Đối với Phật giáo, qua nhiều thế kỷ, những lời giảng của Phật được học thuộc và truyền khẩu cho nhau, từ cha đến con, từ thầy đến trò, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Vì thế phần lớn kinh Phật rất dài, lập đi lập lại liên tục, mỗi câu có khi chỉ thay một chữ, mục đích cho dễ nhớ. Kinh còn viết ở dạng thể thơ hoặc kệ để dễ học thuộc lòng. Chuông mõ đánh nhịp cũng là một phương tiện giúp trí nhớ khi tụng niệm. Hình thức truyền khẩu vẫn còn giữ đến ngày nay trong Tan-tra thừa (Mật tông).



Có giả thuyết cho rằng các lời giảng của Phật đã được ghi chép vào kỳ kết tập Đạo Pháp lần thứ hai sau khi Phật tịch diệt, nhưng không có tài liệu cụ thể nào chứng minh cho giả thuyết này.

3- Điều này không được đúng lắm, Phật giáo đã du nhập vào Trung quốc từ thế kỷ thứ I. Ngài Bồ-đề-đạt-ma chỉ đem Thiên Ấn độ vào Trung quốc.

4- Đúng vậy, đối với tất cả các tông phái và học phái Phật giáo, chưa hề có những cuộc tàn sát lẫn nhau hay chiến tranh triền miên, kể cả những hiểm khích hay hận thù, dù ở cấp bậc nhỏ cũng vậy. Người trong tất cả các tông phái đều là con của Phật, người phật tử chân chính đều ý thức được rằng tất cả chúng sinh đều sống trong vô minh, cái vô minh dầy đặc của ta chưa chắc đã sáng hơn cái vô minh u mê của kẻ khác, giúp nhau chưa đủ, ta đâu có xem cái vô minh của ta cao hơn, đúng hơn và trội hơn cái vô minh của kẻ khác. Đây là một đặc thù của Phật giáo mà người ta thường "quên", (xin được phép mượn chữ "quên" do hai vị khách được phỏng vấn đã dùng đến trên đây).

5- Kinh điển Đại thừa bằng tiếng Phạn xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ I trước Tây lịch, kinh điển tiếng Pa-li xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ I trước Tây lịch, sự chênh lệch rất ít, do đó không thể nói Tiểu thừa hay Đại thừa xuất hiện trước. Theo truyền thống, Phật giảng tùy theo xu hướng, trình độ và năng khiếu của từng người hay từng nhóm người nghe giảng. Kinh sách Tiểu thừa ghi chép những buổi giảng đồng đẳng có tính cách đại chúng, trong khi đó kinh sách Đại thừa ghi chép những buổi thuyết giảng thu hẹp hơn.

6- Athos là một vùng núi linh thiêng ở Hy Lạp, được thành lập vào thế kỷ thứ X với ít nhiều tự trị, gồm các tu viện thuộc Chính thống giáo. Đặc điểm của nơi này là cấm kỵ mọi sinh vật giống cái, trừ gà mái vì gà mái cho trứng nuôi các vị tu sĩ.

7- Tức là Quán thế âm Bồ tát hay Phật Quan Âm.

Hoang Phong
(dịch và ghi chú)

Mười đóa sen dâng Phật

Buổi sáng ra vườn, nhìn lên trời cao bỗng bành mây trắng

Nhìn xuống khu vườn, còn thơm ngát sương lan,

Nhìn ra đầm sen, nở rộ những cánh sen hồng,

Xin thành khẩn hái mười đóa sen dâng Phật.

Đóa sen đầu, xin thành tâm đánh lễ, quì trước Phật đài, xóa bỏ hết ưu tư, quên sân si, quên hết những hận sâu, đời mê muội, xin chân thành sám hối.

Đóa sen thứ hai, xin Phật tổ từ bi cứu đời bớt khổ. Đem ánh sáng Ngài tỏa khắp hết nhân gian. Đem pháp môn tỏa khắp chốn ta bà, cho chúng sinh bớt những điều lầm lạc.

Đóa sen thứ ba, xin Phật đem tình thương bao la giúp con người tìm về chánh niệm, hết lòng tìm đạo hạnh, quên hết bon chen và ganh ghét tị hiềm.

Đóa sen thứ tư, xin những lời kinh Phật trở thành những hào quang sáng rọi khắp chân không, cho chúng sinh trong chốn vô thường biết tu tấn cho tâm lành an tịnh.

Đóa sen thứ năm, xin pháp Phật hồng dương, cho đạo pháp trở thành ánh sáng soi rọi khắp những ngõ đường mê muội của nhân gian, đem yêu thương tỏa ánh sáng lành, để con người bớt những khổ đau ray rứt; xin tâm lòng yêu thương của Phật làm rung động tất cả những con tim chai cứng nhất, để thế giới này chỉ tồn tại những yêu thương, người với người đối đãi nhau trân quý.

Đóa sen thứ sáu, xin đạo vàng luôn soi đường chỉ lối, cho tam nghiệp thanh tịnh, cho mọi người cùng gắng sức đồng lòng, làm việc thiện để cuộc đời luôn tràn đầy ân nghĩa.

Đóa sen thứ bảy, theo điệu kinh cầu, quên đi hết những âu sầu than vãn, mở rộng lòng đón nhận ánh từ bi của đáng Chí tôn, Phật luôn ngự trong lòng cho đời sống luôn bình yên thanh thản.

Đóa sen thứ tám, xin Phật nhiệm màu đem vạn pháp giúp con người tìm ra chân tướng, giúp con người luôn sống với chân tâm, quên đi hết những quẩn quanh thân phận.

Đóa sen thứ chín, trong cuộc sống đừng quên lời tỉnh thức, đem tiền thân đi kiếm cứu cánh thanh bình, đem yêu thương tìm kiếm yêu thương, để muôn kiếp con tim luôn ấm áp.

Đóa sen thứ mười, hương sen lẫn với hương thiền, hương trầm khói tỏa, khai thị tỏ bày cho trong lòng nhẹ tâng như sương khói, cho thân thương tràn ngập tứ phương, cho vũ trụ vẫn xoay vần trong pháp môn màu nhiệm...

THIÊN HƯƠNG

DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: *Tâm Minh Ngô Tằng Giao*

2 THE DHARMA PHÁP

KEEP YOUR MIND CLEAN
GIỮ TÂM Ý TRONG SẠCH

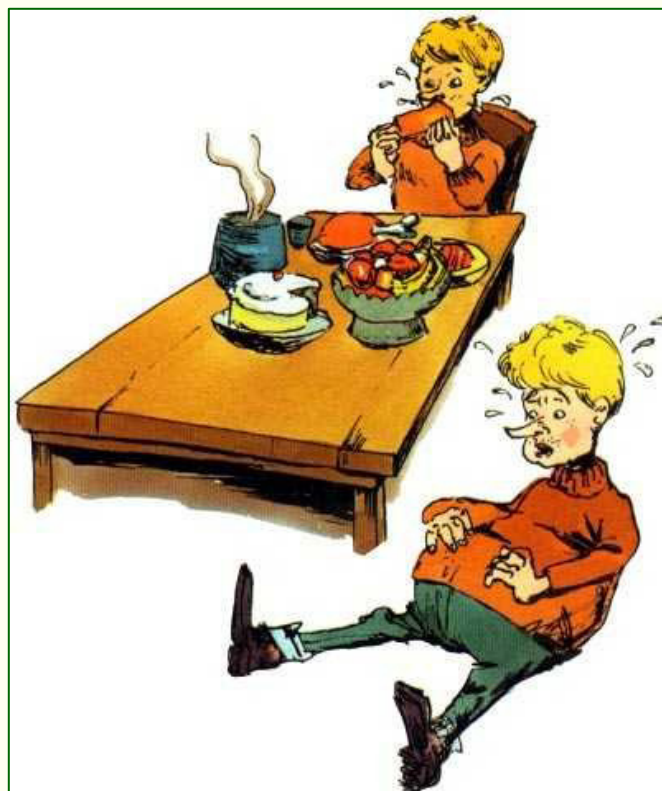


(If I can't play, I will hide it so nobody can play.)

Nếu mình không được chơi, mình sẽ giấu nó đi để không ai có thể chơi được nữa.)

Selfish thoughts make your mind unclean.
When people are selfish, they only think about themselves.
No one likes selfish people. We should not have selfish thoughts.

*Những ý nghĩ ích kỷ làm cho tâm hồn bạn không trong sạch.
Khi con người ích kỷ, họ chỉ nghĩ đến chính bản thân họ.
Không một ai ưa thích người ích kỷ.
Chúng ta không nên có những ý nghĩ ích kỷ.*



Don't be greedy as it makes your mind unclean.
When a greedy boy eats too much, he gets ill and feels terrible.

In the same way, wanting too much of anything, such as toys and games, is not good for us.
We should not have greedy thoughts.

*Đừng tham lam vì nó làm cho tâm hồn bạn không trong sạch.
Khi một cậu bé tham lam ăn nhiều quá, cậu ta sẽ bị đau bệnh và cảm thấy ghê sợ.
Giống y như vậy, muốn một thứ gì quá nhiều, như những đồ chơi và những trò chơi, thời không tốt cho chúng ta.
Chúng ta không nên có những ý nghĩ tham lam.*

(Take that! My football is not rubbish! I'm much better than you!

*Hãy nhận cái này! Tao chơi bóng không phải là dờ!
Tao giỏi hơn mày nhiều!)*

(Now you two, is this the way to be friends? Shake hands and be real friends to each other.)

*Bây giờ hai con hãy làm bạn với nhau.
Hãy bắt tay nhau và thật sự kết bạn với nhau.)*

Angry thoughts make your mind unclean.
When we lose our temper easily, we upset other people.
Then no one wants to be our friend and we will be sad.
So we should not have angry thoughts.

*Những tư tưởng giận dữ làm cho tâm hồn em không trong sáng.
Khi chúng ta mất bình tĩnh một cách dễ dàng, chúng ta làm người khác phiền muộn.
Rồi không ai muốn làm bạn với chúng ta và chúng ta sẽ buồn bã.
Vì thế chúng ta không nên có những ý tưởng giận dữ.*

(to be continued...)



thơ

Có một chiều

*Dang tay giữa mặt lên trời
Cánh diều no gió, mây vờ vờ cao
Gió chiều lay lắt hàng lau
Một đàn cò trắng xôn xao gọi bầy*

*Ta mơ một kiếp làm mây
Nhẹ nhàng như khói hương bay chín tầng
Bồng bềnh tự tại gót chân
Ung dung qua chốn hồng trần thế gian*

*Giữa tay hứng giọt nắng vàng
Từ nơi khóm lá rộn ràng lời kinh
Chắp tay, trời đất lặng thinh
Bao lời cầu nguyện thành linh vút bay...*

MỸ HUYỀN

TRAO TRUYỀN GIỚI LUẬT PHẬT ĐÀ ĐÓ LÀ SỨ MẠNG TẶNG GIÀ SA-MÔN

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Tại Xá-vệ, có một cư sĩ đã chứng quả Tư-đà-hàm, tên là Đắc Thủ (Chattapàni). Một sáng sớm nọ, nhằm ngày chay tịnh, và theo nếp sinh hoạt thiền môn, Đắc Thủ phải đến chùa lễ Phật, nghe pháp.

Trong lúc Đắc Thủ đang ngồi nghe pháp thoại trong chánh điện thì quốc vương Pa-xen-na-đi Kô-xa-la (Pasenadi Kosala) đến lễ Phật cúng dường. Đắc Thủ thấy lòng mình phân vân, ái ngại; không biết có nên đứng lên cung đón quốc vương hay không. Cuối cùng, ông quyết định:

- Ta đang ngồi trước sự hiện diện của bậc Chuyển luân thánh vương, tức là vua trong những vì vua. Nếu ta đứng lên chào quốc vương thì hóa ra ta xem thường uy đức cao dày của đấng Pháp vương. Nhưng nếu ta không đứng lên cung nghinh hoàng thượng thì mạng sống này khó bề an toàn. Một khi nhà vua cau mày thì cỏ cây cũng phải gục đầu vàng úa, biết làm sao đây! Nhưng thôi! Đã quyết thì làm, đã đón thì vác; thà chết chứ không chịu thất lễ với Đức Thế Tôn. Thế là Đắc Thủ cứ mặc nhiên tịnh tọa.

Thấy Đắc Thủ không đứng lên chào mình, tâm can quốc vương bỗng dưng sôi lên sùng sục, nhưng nhà vua liền trấn an, vui vẻ, thản nhiên đánh lễ Thế Tôn và cung kính ngồi sang một bên. Tuy nhiên, những tia lửa sân hận, kiêu khí cứ chập chờn, thấp thoáng vút qua khóe mắt quốc vương. Nhận thấy hậu quả nguy kịch có thể xảy ra, Thế Tôn dịu giọng, nói:

- Đại vương, Đắc Thủ là một hiền giả, thông đạt tam tạng giáo điển, và lúc nào cũng hoan hỷ với duyên nghiệp thành tựu hay bất hạnh của mình.

Nghe Thế Tôn tán thán nhân cách trung hậu của Đắc Thủ, quốc vương hạ hỏa, lờ đi hành vi xem ra như trịch thượng của một thần dân.

Rồi một hôm, sau bữa điểm

tâm, quốc vương đứng trên lan can hoàng cung, nhìn thấy Đắc Thủ tay cầm dù vải, chân mang giày hạ, đi ngang trước sân. Ngay tức khắc, quốc vương lệnh vệ sĩ đưa Đắc Thủ đến trước bệ rồng. Được lệnh diện kiến long nhan, Đắc Thủ liền cởi bỏ giày dù, trịnh trọng từng bước đến trước mặt quốc vương, khấu đầu thi lễ với lời chúc thọ theo kiểu thiết triều: Hoàng thượng vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế! Sau đó Đắc Thủ bình thân, rón rén bước sang một bên.

Thấy ngôn hạnh đoan trang, cung cách tự tin và cẩn mật của Đắc Thủ, quốc vương hỏi:

- Này cư sĩ, tại sao người phải cởi bỏ giày dù, phải đi đầu trần chân đất thế?

- Muôn tâu hoàng thượng, khi được lệnh triệu kiến long nhan, thảo dân đã cởi bỏ giày dù ngay.

- Hôm nay người mới nghe danh hoàng thượng?

- Thưa không ạ! Thảo dân đã biết hoàng thượng là bậc anh minh thánh đức, là biểu tượng phước điền cho sơn hà xã tắc Xá-vệ ạ!

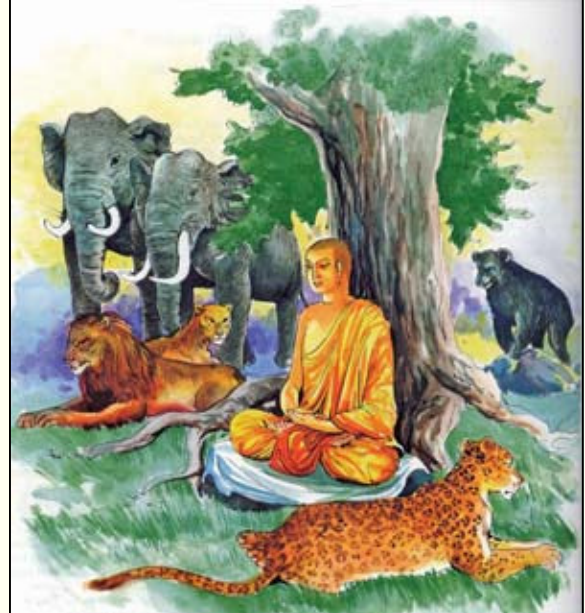
- Thế thì tại sao hôm nọ thấy ta đến chùa lễ Phật, nghe pháp, người vẫn điềm nhiên tọa thị, không đứng lên chào ta?

- Muôn tâu hoàng thượng, thảo dân đang ngồi trước đức Chuyển luân thánh vương, đứng lên chào hoàng thượng e lỗi đạo với đấng Pháp vương, người mà đại vương còn phải cung kính đánh lễ; xin hoàng thượng lượng thứ.

- Khá lắm! Thôi, việc đã qua, cho qua! Nhưng này, nghe nói người bác lãm kim cổ, thông đạt tam tạng thánh giáo; vậy người hãy vào cấm cung, thuyết giảng giới luật cho cung phi, được không?

- Dạ... không dám! Muôn tâu hoàng thượng.

- Tại sao?



- Dạ... vào ra cung cấm hoàng triều dễ bị dư luận lên án lắm, dù là việc quốc gia đại sự hay thăm viếng thâm tình, tâu hoàng thượng!

- Nói thế không được! Hôm nọ gặp ta, người bảo đứng lên chào hoàng thượng là lỗi đạo tông môn; nay vào cung vua thì người cho là thiên hạ đàm tiếu. Người định lộng giả thành chơn, buông lời si nhục đấy chắc!

- Dạ... không dám, không dám, muôn tâu hoàng thượng! Cư sĩ mà đấng đàn thuyết pháp, tụng giảng giới luật, ôm trọn chức năng của giới Sa-môn thì khó coi lắm, e sẽ bị nặng lời chỉ trích! Xin hoàng thượng cung thỉnh một Trưởng lão thâm uyên lo việc đó cho.

- Thôi được! Người có thể lui ra.

Sau đó quốc vương cùng một sứ thần đến gặp Thế Tôn với lời thỉnh nguyện:

- Bậc Thế Tôn, hoàng hậu Ma-li-ka (Mallikà) và chánh phi Va-xa-ba-kha-ti-da (V? sabhakhattiyà) của trăm muôn thọ trì giới luật. Vậy thỉnh Thế Tôn phái 500 Sa-môn thường xuyên đến hoàng triều thuyết giảng giới luật cho họ.

- Đại vương, Thế Tôn đáp, xưa nay chư Phật không thể thường xuyên đến một nơi nào.

- Vậy thì, bạch Thế Tôn, thỉnh một Tỳ-kheo.

Thế Tôn giao trách nhiệm cho Trưởng lão A-nan. Và thế là A-nan ngày ngày đến cấm cung thuyết giảng giới luật cho hoàng hậu và chánh phi. Ma-li-ka chí tâm cầu học, nghe đâu nhớ đó,

và nhất là ứng dụng giới luật vào nếp sinh hoạt hằng ngày trong cung phủ, nên quốc vương hoan hỷ lắm; còn Va-xa-ba-kha-ti-da thì học hành chiểu lệ, tai nghe giới luật mà lòng đạo hoa viên, kết quả là không nắm được phần tinh hoa, cốt tủy của giới luật.

Một hôm Thế Tôn hỏi A-nan:

- Này, A-nan, quý vị ưu-bà-di của thầy có hiểu và áp dụng được giới luật vào nếp sống hằng ngày không?

- Dạ... thưa có, bạch Thế Tôn!

- Ai đạt hiệu quả cao nhất?

- Dạ... Ma-li-ka. Hoàng hậu dốc tâm tu học nên nắm được tông chỉ của giới luật, còn chánh phi thì hay giải đãi, không tha thiết mấy với cung cách điều thân, luyện tâm nên còn nhiều mặt hạn chế.

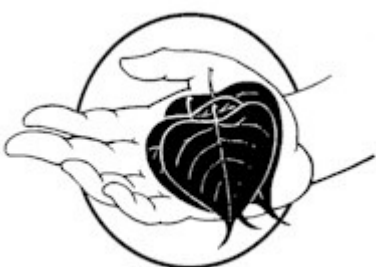
Nghe A-nan trình bày kết quả trao truyền và hành trì giới luật, Thế Tôn nói:

- Này, A-nan, giới luật ta thuyết giảng, đối với những ai không tha thiết lắng nghe, không học, không ứng dụng, không truyền bá, thì chẳng lợi ích gì cả; giống như một đóa hoa sắc màu rực rỡ mà thiếu hẳn hương vị ngọt ngào. Hình thức huy hoàng mà nội dung rỗng tuếch thì chưa được gọi là viên mãn. Nhưng nếu ai chí tâm lắng nghe, học tập, ứng dụng và truyền bá giới luật thì được công đức và phước báo vô lượng, vô biên.

Ngài đọc kệ:

*Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương,
Nói hay làm không được,
Kết quả có chi lường.
Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương,
Nói hay và làm giỏi,
Kết quả thật vô lường.*

(PC. 51-52)



Tâm Bình

*Phật bảo tâm bình thế giới bình"
Cớ sao lại thích cuộc chiến chinh?
Phải chăng tất cả vì mê hã?
Cho nên đời cứ mãi điều linh*

*Còn điên'ngờ'kinh'mới lạc đường
Tang tóc gây thêm luống đoạn trường
Tham, si còn treo đầu cung kiếm (*)
Làm sao thù hận hóa yêu thương ?*

*Hải đảo tự thân rất gận kề
Bến giác là tâm - hãy quay về
Chánh niệm soi vào nơi Ngũ Uẩn
Để khỏi làm lạc tại bến mê*

*Hãy lắng lòng đi những vọng cuồng
Ba nghiệp quyết chí thông tay buông
Mỉm cười sen nở đài thơm ngát
Thanh tịnh mà nghe tỉnh - thức - chuông*

*Tam độc dập mau lửa vô minh
Tay Bồ Đề chuối, miệng câu kinh
Phật pháp bất ly thế gian pháp"
Thế giới bình hơn bởi tâm bình.*

DIỀU LINH

(*) dùng chữ “cung kiếm” cho nhẹ chớ bây giờ người ta chỉ dùng Chemical weapons.

NGỌN NẾN TRONG ĐÊM

Mặc Không Tử



Đã mấy canh giờ trôi qua, Hải Triều vẫn ngồi bất động. Trên bàn chung trà lạnh ngắt, ngọn nến lắt liu hắt vào khuôn mặt chàng – khuôn mặt gầy thanh tú, vầng trán cao hần những gợn sóng suy tư, đôi mắt thăm sâu chìm vào bóng đêm hun hút. Thật lâu thân hình ấy mới cử động. Một cách vô thức, chàng trở dậy đến bên cây đàn Piano, nhẹ tay lấy đi tấm voan, những hạt bụi nhỏ lắt phất bay. Từ lâu rồi nó vẫn hiện hữu thăm lặng ở góc phòng, thăm lặng như cuộc sống của chàng vậy.

Bàn tay lướt nhẹ trên phím đàn, chàng đã hoàn toàn lạc vào thế giới của biển thanh âm huyền hoặc. Tiếng đàn du dương, thánh thót rót vào đêm những thanh âm của bản tình ca vô lượng, bỗng vút cao rồi chìm lặng trong cung sâu. Ở đó, dường như nghe ra tiếng của đỉnh núi nói với ngàn dâu, tiếng của trăm ngàn con sóng vỗ giữa đêm trường tĩnh mịch; nó là sự ngưng đọng của một suy tư tốt vời về sự hợp tan của vũ trụ, sự mong manh của vạn kiếp đời... Bản nhạc chấm dứt, mi mắt chàng đọng nước – người ta có thể mơng tượng ấy là những giọt nước rí ra từ hốc đá của đỉnh núi cô liêu trầm mặc. Dòng tâm thức chàng vỡ òa...

Cách đây hai năm, trước khi gặp Yên Hà, hàng ngày chàng chỉ biết đến công việc. Xong việc, chàng trở về cõi riêng của mình và niềm riêng thả theo khói thuốc. Dường như sự lãng mạn và thi vị nó đang khô héo dần trong tâm hồn chàng. Chàng yêu sự cô đơn, thích vị ngọt đắng của trà và có thói quen nhìn khói thuốc bay. Chàng không nghĩ rằng sẽ chào đón một ai bước vào thế giới ấy. Vậy mà... từ khi gặp Yên Hà, cái tình cảm ngủ ngầm trong chàng được đánh thức, chàng đã vui vẻ trở lại – như một khu vườn hoang sau bao ngày đông giá lạnh, bỗng

sau một cơn mưa cây cỏ lại hồi sinh.

Chàng và Yên Hà có nhiều điểm khá giống nhau. Từ ngày gặp nhau, đôi bạn cứ quấn quýt bên nhau, cảm thấy thân thương gần gũi như thể đã quen nhau tự kiếp nào. Cũng có nhiều lần chàng giận Yên Hà, định bụng sẽ không thèm gặp mặt hay liên lạc nữa, nhưng khi đọc dòng tin “người đã rút về trong cõi lặng, ta một mình buồn hội ngộ với chiều trôi”, vậy là bao nhiêu giận hờn bốc hơi đâu hết. Chàng không tài nào lý giải được cái tình cảm ấy. Có lần chàng đã đem so sánh với tình bạn giữa Tú Kỳ và Bá Nha, cái tình tri âm tri kỷ hiếm hoi trong cuộc đời mà chàng vẫn thầm nguyện ước... Vậy mà Yên Hà đã lặng lẽ ra đi. Chàng lặng người đi khi đọc những dòng thư của Yên Hà. Trong lòng chàng dường như có một cái gì đó vỡ tan... Không ai biết được tâm trạng của chàng lúc ấy, không ai hiểu, ngoại trừ Yên Hà, nhưng giờ Yên Hà đã bỏ chàng ra đi... “Vì yêu cái đẹp nên nàng đã cố tình chạy trốn? Hay nàng ra đi vì nghe theo một tiếng gọi thiêng liêng???”

Ánh mắt ấy. Nụ cười ấy. Cũng thật lạ kỳ cho sự kết hợp không mấy hợp lý ở trên khuôn mặt nàng. Nụ cười hồn nhiên lạc phúc như hoa cỏ, như trẻ thơ; còn ánh mắt thì lại với với thăm sâu. Ánh mắt ấy vừa dịu dàng vừa cương quyết. Và nếu nhìn sâu trong đôi mắt ấy, ta sẽ nhìn thấy một thế giới thênh thang rộng mở... Nơi ấy có chim rừng lú lo, có tiếng suối róc rách chảy, có cánh hạc lượn bay trong sương mù và nắng sớm. Con người ấy không thể đứng chân ở một nơi nào, mà mãi mãi lên đường, mãi mãi với nhật nguyệt, trời cao, sông hồ và biển rộng... “Ta biết điều ấy. Ta đâu có đòi hỏi gì ở nàng. Nhưng tại sao...???” Chàng lẩm thầm đọc thoại với chính mình. Lời nói của Yên Hà cứ văng vẳng bên tai. “Chúng ta sẽ không có gì ngoài một

giấc mộng. Hãy giữ lại giấc mộng cho chúng ta khi mà nó còn có ý nghĩa và đẹp trong lòng ta. Sẽ không ai có thể thay thế được hình ảnh của người trong lòng ta. Người hãy tin như vậy. Nhưng ta phải ra đi. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng ta xin lỗi người... Người hãy bảo trọng! Phải tự biết chăm sóc cho chính mình...” Chàng không muốn nghĩ nữa, nhưng ký ức lại không chịu nghe lời chàng; kỷ niệm như trỗi dậy trong chàng. Những cuộc đối thoại giữa chàng với Yên Hà về các đề tài thơ, nhạc, họa, nghệ thuật... cũng như những nhìn nhận về cuộc sống cứ dần hiện ra rõ nét. Chàng cảm giác như nghe được tiếng nói của Yên Hà ở quanh đây, giọng nói nhẹ nhàng nhưng lại không kém phần rắn rỏi sắc sảo mỗi khi tranh luận. Lần tranh luận về cái đẹp và sự huyền mộng ấy cứ đọng mãi trong chàng, đọng mãi một tâm hồn; có cái gì đó huyền ảo như cổ tích, chập chờn như mộng mi...

- “Cái đẹp sẽ cứu chuộc thế giới”

- “Thế nào là cái đẹp?”

- “Mặt trời và lá dạng sau rặng cây, vầng trăng sơ huyền cài bên ngõ trúc, một nụ hoa còn lấm tẩm sương đêm...”

- “Ánh hoàng hôn trên biển, một cánh chim giữa buổi chiều tà... cũng đẹp và huyền ảo đó chứ?! Nhưng đó chỉ là khoảnh khắc. Mặt trời rồi sẽ lặn, trăng non kia sẽ già, hoa thơm sẽ tàn úa...”

- “Đồng ý là khoảnh khắc, nhưng những khoảnh khắc ấy sẽ xoa dịu tâm hồn chúng ta sau những mệt mỏi của cuộc sống.”

- “Nhưng đâu phải ai cũng biết thưởng thức cái đẹp của buổi hoàng hôn, thành thói ngồi uống một chung trà lúc sớm mai... Thật khó mà đưa ra một quy ước chung. Thực tế cuộc sống... Người buồn bán thì thích kiếm được

nhieu tiền, người học thức thì muốn tích lũy thêm kiến thức, chưa nói là nhiều người lại tìm giải khuây bên chung rượu mạnh...”

...
Lần nào cũng vậy, khi tranh luận một điều gì Yên Hà đều cố tình đi lạc đề, nhưng chàng hiểu trong thâm tâm của mỗi người đều có chung một câu trả lời. “Chính cái đẹp của tâm hồn mới cứu chuộc cả thế giới”. Nhưng có mấy ai! Chàng đồng tình với một bậc Thầy khi cho rằng cần phải hướng con người đi theo lộ trình Mỹ Thiện Chân. Mỹ để dẫn dắt và Chân để tỏa sáng. Và một khi tỏa sáng thì sẽ dẫn dắt... Càng nghĩ lòng chàng như muốn bật khóc.... “Ý thơ đã quá rõ ràng, tại sao ta lại không sớm nhận ra điều đó. Từ lâu rồi những thao thức, day dứt trong lòng Yên Hà...” Chàng cứ đọc đi đọc lại bài thơ:
*Thuyền ai neo bến yên bình
Viết câu từ tạ khi tình trở hoa
Chào người giữa cõi mù sa
Ta về ước mộng trên tà áo thơ.*

Lời thơ vừa nhẹ nhàng vừa dứt khoát, vừa u buồn vừa thông dong... Chàng nhận ra rằng chàng đã bị buộc ràng, ràng buộc bởi chính những ngọn lửa do chàng thắp lên... nhưng làm sao chàng có thể dễ dàng rời xa được! Không phải rời xa một con người mà đứng ra là rời xa một tâm hồn, một tâm hồn biết ca hát và tự mình thắp lửa. Nhưng rồi dòng suy nghĩ của chàng lại chuyển hướng. “Đây là một kỷ niệm đẹp. Thế gian này cần nó như cần mùa xuân và hơi thở. Ta không phải là người ngoài thế gian. Sứ mạng của mùa xuân là cho lộc và cho hoa, còn sứ mạng của Yên Hà là cho ta thêm sinh lực cùng niềm vui trên cuộc đời này. Nhưng... Ôi! Yên Hà đã âm thầm trao ta một bức thông điệp về sự xả ly bằng chính việc làm, bằng chính sự ra đi của nàng.”

...
Bắc dẫn lụi tàn, ánh nền vụt tắt. Căn phòng đầy đặc bóng tối. Không ai biết được trong bóng đêm ấy dòng suy nghĩ của chàng sẽ đi về đâu... Hình như có một sự

chuyển hóa ở nơi chàng. Phải chăng khi đối diện với bóng đêm thì chính ta phải tự thắp lên ngọn nến của lòng mình, một ngọn nến để dẫn ta đi trên con đường Chân Thiện Mỹ?... Trong đôi mắt ấy giờ đã sáng ngời tin tưởng và vắng lặng. Là ánh sáng của ngọn nến tâm hồn mà chàng đã thắp lên để dẫn mình ra khỏi bóng đêm? Chịu. Không ai biết được.

Chàng lặng lẽ ra khỏi nhà. Con đường về khuya vắng tanh. Hình như có sương đọng trên vai chàng, thấm lạnh. Màu xanh lam trải trong tầm mắt. Phía xa xa trời đất một màu bụi đục, khói mây trộn lẫn, tan nhòa, bàng bạc... Bước chân của chàng dừng lại ở một ngôi chùa cổ. Ngọn nến lung linh huyền ảo sáng rỡ tâm thức chàng, ở đó hiện ra hình ảnh đức Bồ sư đang thiền tọa trên tòa sen và trên môi luôn nở một nụ hàm tiếu.



CHIROPRACTICE
Trung Tâm Chuyên Trị
Đau Nhức, Chính Xương

BS. SAM HUYNH, D.C.

Tốt nghiệp BS Thủ Khoa TỐI Danh Dự
(Summa Cum Laude)
Trên 16 năm kinh nghiệm điều trị các bệnh đau nhức.

7710 BALBOA Ave., Ste # 211 A&D
San Diego, CA 92111

[nằm giữa 24 hour Fitness và Carmax]


TEL. (858) 717-3211
[xin vui lòng lấy hẹn]

Việc nắn chỉnh khớp xương, cột xương sống, giúp hồi phục cấu trúc chức năng, cân bằng nội mô của cơ thể, cho phép cơ thể tự hồi phục một cách tự nhiên, mà không dùng đến thuốc.

Quý vị hãy tạo cho mình cơ hội lành bệnh một cách tự nhiên bằng "CHỈNH XƯƠNG TRỊ LIỆU", hầu tránh những độc hại của thuốc giảm đau và tránh những biến chứng có thể xảy ra do mỡ xè,,, Nhức đầu, đau cổ, đau vai, đau lưng, đau khớp hàm, đau tê tay, đau tê chân, phong thấp, rối loạn tiêu hóa, nhức mỏi, v.v...

QUÝ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO Ý KIẾN ĐỂ BIẾT MÌNH SẼ ĐƯỢC TRỊ LIỆU RA SAO...

www.DRSWDC.com



(858) 717-3211



BÁC SĨ NHA KHOA
HUỲNH THỊ HẠNH

Tốt nghiệp Nha Khoa Đại Học Saigon.
Nguyên giảng viên Đại Học Nha Khoa Minnesota.



QUẢN HẠNH KHUÊ, D.D.S.

Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of Minnesota
Nguyên giảng viên Đại Học Nha Khoa Hồng Kông.

Giờ làm việc:
Thứ Hai – Thứ Sáu: 10am – 6pm
Thứ Bảy: 10am – 2pm
Xin vui lòng lấy hẹn trước.

NHẬN:
MEDICAL &
BẢO HIỂM

- ◆ **NHA KHOA TỔNG QUÁT**
- ◆ **CHĂM SÓC RĂNG CHO TRẺ EM TỪ 2 TUỔI.**
- ◆ **NHA KHOA THẨM MỸ**
(Tẩy răng, làm khít răng thưa và răng mẻ)

14571 Magnolia Street, # 202
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 897-9985

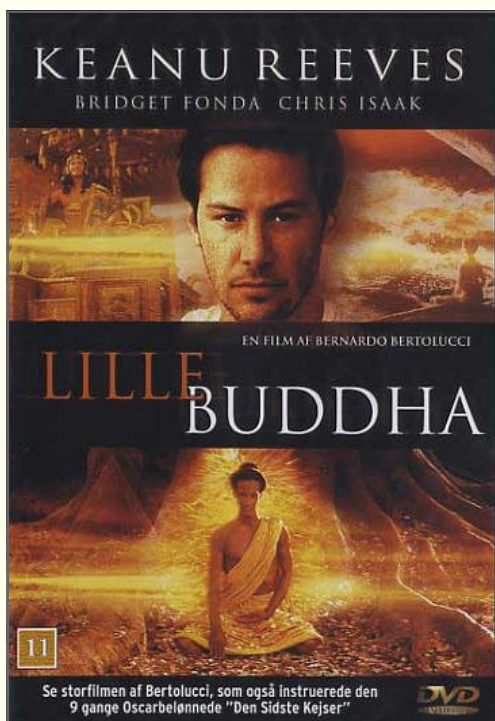
ÔNG PHẬT NHỎ

Tâm Minh Vương Thúy Nga

Kính thưa quý vị và các bạn,
Hướng dẫn Phật pháp cho các em Oanh Vũ và ngành Thiếu hôm nay khó khăn hơn ngày xưa rất nhiều, rồi hướng dẫn cho các em Oanh Vũ ở hải ngoại còn khó hơn cho các em ở trong nước vì trẻ em ở phương Tây được giáo dục hơi khác với Á Đông mình, tự do hơn, tự lập hơn, lý sự hơn, "ngang hàng với người lớn" hơn. Một em bé mới học lớp ba đã có thể nói với Mẹ rằng: "từ hôm nay có nhiều điều Mẹ phải hỏi con chứ không phải là con phải hỏi Mẹ nữa" [vì có nhiều danh từ về Thực vật học (Botanic) mà Mẹ không biết, không thể giúp em làm homework được!...] Thế mà các em Oanh Vũ của chúng ta còn chịu học Phật pháp, học Việt ngữ, v.v... nghe lời Anh Chị Trưởng - phần đông trẻ tuổi hơn cha mẹ các em - như thế là chúng ta đã may mắn lắm rồi!

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn cho một Anh Chị Trưởng dạy Phật pháp mà gặp những vấn đề có vẻ thần thoại, huyền thoại, huyền bí... nghĩa là khoa học chưa chứng minh được... không biết giảng nói làm sao cho các em hết thắc mắc, cho các em đừng hỏi "tại sao", "tại sao" và... "tại sao" một cách bất tận! Thế nhưng, có một bộ phim nhan đề là "Little Buddha" kể chuyện một vị Lat-ma (Lama Norbu) từ Nepal đến Mỹ để tìm hóa thân của sư phụ của Ông là Lama Dorje đã chết và báo mộng cho ông biết các dấu vết để đi tìm và chúng đã dẫn Ông đến cậu bé Jesse người Mỹ ở Seattle, con trai của một kiến trúc sư tên là Dean Conrad, mẹ cậu là Lisa, một giáo sư Toán... Đạo diễn phim đã lồng vào trong này lịch sử đức Phật Thích-ca từ sơ sinh đến thành đạo. Câu chuyện vì vậy vừa có chuyện "tái sinh" vừa có lịch sử đức Phật với nhiều "phép lạ"

như hiện tượng "đức Phật sơ sinh đi 7 bước trên những búp sen nở ra dưới chân ngài, hiện tượng Ma vương quấy phá, hiện tượng chiếc bình bát trôi ngược dòng, v.v... Chuyện kể còn những chi tiết tưởng là "chuyện nhỏ" nhưng đã làm thay đổi cuộc đời của một con người, v.v... những điều này nếu ai tin vào Thượng Đế (God) sẽ bảo rằng "do God an bài - đó là ý God" còn đối với người Phật tử thì thấy rõ đó là "trùng trùng duyên khởi" - cái này có vì cái kia có, không do ai "sinh ra" hay "sắp đặt" mà lại ăn khớp với nhau hết. Phim rất được mọi người thích xem, mặc dù mỗi người một ý, thu lượm được những bài học riêng cho mình, cũng không biết có phải là ý của đạo diễn muốn truyền đạt hay không... nhưng đặc biệt là các trẻ em xem phim rất hăng say, có lẽ vì nhân vật chính là một cậu bé chẳng. Các em tỏ ra rất thích thú, cảm động, chú ý theo dõi, từ đó một số



Huynh trưởng đã xem qua phim này nghĩ rằng người đạo diễn thật tài tình khi tạo ra những hình ảnh có sức thuyết phục ngay cả với những vấn đề siêu hình đối với trẻ em. Các huynh trưởng nghĩ rằng có thể nào học tập để tạo ra những trò chơi (games) Phật hóa cho các em Oanh Vũ hay không...

Xin mời quý vị và các bạn theo dõi cuộc hội thoại bỏ túi giữa các huynh trưởng quen thuộc A, B, C bàn về những cảnh đặc biệt của chuyện phim "Little Buddha" của đạo diễn Bernardo Bertolucci - song song với lịch sử đức Phật Thích-ca từ sơ sanh đến thành đạo - có thể giúp chúng ta cho các em xem, và tự các em hiểu theo cách của chúng, không cần giải thích dông dài.

A: Này các bạn, "Ông Phật nhỏ" là đức Phật sơ sinh hay phim "Little Buddha" vậy hả?

B: Cả hai và không chừng là cả ba nữa đó!

C: Bạn nói bí hiểm quá, sao lại cả ba?

A: Thôi, mình hiểu rồi! Có phải bạn nói đến ông Phật nhỏ là ám chỉ các em Oanh Vũ của mình hay nói đến ông Phật bên trong mình hay không?

B: Đúng vậy! Phim Little Buddha đồng thời nêu lên rất nhiều vấn đề, các bạn không thấy sao? Nào là tái sinh, nào là cuộc đời đức Phật Thích-ca, nào là giáo lý Duyên khởi, nào là quá trình phấn đấu với bản thân, nào là trí tuệ vô ngã của đức Phật Thích-ca, v.v...

C: Các bạn thật là giỏi quá, phim coi đã lâu rồi còn nhớ rõ mồn một! Mình quên gần hết rồi! Vậy các bạn chịu khó nhắc lại truyện phim để mình nắm bắt lại đã nha!

A: Truyện phim bắt đầu bằng cảnh Lama Norbu theo lời chỉ điểm trong giấc mơ đến Seattle tìm hóa thân Thầy của mình, ông ta gặp được và làm quen với hai mẹ con của cậu bé Jesse.

B: Mấy hôm sau, khi cha của Jesse là kiến trúc sư Dean Conrad đi làm về thì thấy có hai nhà sư Tây Tạng đang ngồi trong phòng khách nói chuyện với vợ mình là Lisa. Lisa giới

thiệt khách với chủ nhà xong thì tóm tắt câu chuyện của hai nhà sư.

C: Rồi, mình nhớ rồi, đó là chuyện các nhà sư do một loạt những giấc mơ thôi thúc và hướng dẫn, họ đã bỏ ba theo những dấu vết để từ Nepal (Ấn Độ) đến đây (Seattle, USA) vì họ tin rằng cậu bé 10 tuổi, con trai của gia đình Conrad, chính là hóa thân của vị Thầy của họ. Nhưng mình không nhớ tại sao hai nhà sư có thể thuyết phục cho hai nhà khoa học trẻ kia tin câu chuyện của họ?

A: Lúc đầu hai vợ chồng trẻ kia đâu có tin, và đặc biệt phản kháng, xem là câu chuyện quá sức huyền hoặc, nhất là khi hai nhà sư muốn đem cậu bé Jesse đi theo họ trở về Bhutan. Trước khi tạm biệt Jesse để về tu viện, Lama Norbu mời Jesse thỉnh thoảng ghé tu viện chơi và tặng cho em một cuốn sách viết về cuộc đời của Siddhartha. Cuốn sách này được Lisa đọc cho Jesse nghe mỗi khi cậu nằm trong bồn tắm hay trước khi đi ngủ.

B: Hình như cuốn sách này đã khơi dậy trong cả ba người của gia đình Conrad một vài sự tinh thức - những hạt giống về tôn giáo trong họ được đánh thức cùng với sự tinh thức của Thái tử Siddhartha sau khi đạo chơi bốn cửa thành và đang đem trốn khỏi hoàng cung đi hoàn thành sứ mệnh giải thoát nhân loại chúng sanh ra khỏi đau khổ phiền não...

C: Phải rồi! Cho đến một hôm, sau khi đưa Jesse đến chơi với Lama Norbu và từ tu viện trở về, Dean được tin người cousin của mình, người hùn hạp làm ăn chung thân tín của mình vừa tự vẫn! Đúng vậy không?

A: Đúng vậy, "cú sốc" mạnh quá, tất cả quay cuồng trong đầu óc Dean, anh ta thấy cuộc đời quả là ảo mộng, sống và chết, có và không, mộng và thực... chỉ là trong khoảnh khắc!! Thế là anh ta không những cho phép Jesse đi Bhutan với Lama Norbu mà chính anh ta cũng đi theo họ và ở đó Dean và Jesse lại được gặp thêm hai hóa thân của Lama Dorje - là một "cậu bé bụi đời" và một cô bé con nhà khá giả - cả hai đều là người Ấn Độ, trạc tuổi Jesse. Cả hai có thân thể khác nhau nhưng phẩm hạnh đều là rất tốt.

B: Cuộc du lịch này giới thiệu cho chúng ta đất nước Ấn Độ với nhiều hình ảnh thời đức Phật còn tại thế như các lò gốm, cách làm những lọ, bình hoa... bằng đất sét, các cô thiếu nữ chèo thuyền trên sông vừa đàn vừa hát, cảnh chư Tăng đi khất thực... đó cũng là xứ sở của rất nhiều người nghèo nhưng cuộc sống tâm linh rất phong phú.

C: Phải rồi, và chúng ta cũng được thấy những trung tâm nuôi dạy những vị Lạt-ma tương lai, những cậu bé thân thể khỏe mạnh, nét mặt thông minh tươi mát, học, làm việc, chơi thể thao... theo thời khóa biểu nghiêm khắc...

A: Các bạn còn nhớ ngay khi ở Seattle, Jesse đến tu viện của Lama Norbu chơi, ông ta đã đưa ra những đồ dùng của Lama Dorje hồi còn sống để lần vào nhiều thứ linh tinh khác và Jesse đã nhận ra những đồ dùng quen thuộc trong tiền kiếp của mình (nhưng chỉ có Lama Norbu biết chứ cậu bé không hề hay biết).

B: Và các bạn còn nhớ cách Lama Norbu giải thích "tái sinh" cho Dean hiểu bằng cách đập vỡ bình trà và kết luận: cái bình bể nhưng nước trà vẫn lưu thông, có thể làm thắm ướt khăn lau, tắm thắm, v.v... cái bình là thể xác (body) - là phần vật chất - còn phần "tinh túy" thì không mất, v.v... hay không?

C: Cái đó mà giảng cho các em ngành Thiếu của mình là nó cãi liền đó nha! Nhưng cái câu hát mà các thiếu nữ chèo thuyền hát làm cho ông thầy tu khổ hạnh Siddhartha giật mình tỉnh ngộ đi theo con đường trung đạo, mình chắc là ai cũng tâm phục khẩu phục!

A: Đúng vậy "Hãy lên cho chúng tôi một cây đàn đừng quá cao mà cũng đừng quá thấp; dây đàn căng quá sẽ đứt và nhạc sẽ bay, còn giây đàn quá chùng thì sẽ câm, vì nhạc không đến!" Ý nghĩa câu hát thật hay.

B: Mình tâm đắc nhất là đạo quân ma vương

đến thị uy với đủ hình thức, mặc giáp sắt, bước rập ràng... những đạo quân của Tham dực (Kãmã), Bất mãn với đời sống Thánh thiện (Arati), Khất ái (Tanhã), Sợ hãi (Bhīru), Hoài nghi (Vicikicchā), v.v... các em ngành Thiếu xem và hiểu được đó là "những người xấu" dụ cho những thói hư tật xấu, là Ma vương hay Tâm Ác trong bản thân mình và đức Phật là Phật tánh.

A: Mình thì tâm đắc nhất là đoạn đức Phật "đổi diện" với chính mình - mà ngài gọi tên là "người thợ cắt nhà": xuyên qua nhiều kiếp sống luân hồi, ta đi lang thang, đi mãi, ta đi tìm hoài mà không gặp, ta đi tìm người thợ cắt cái nhà này; lập đi lập lại đời sống quả thật là phiền muộn!

Này hỡi người thợ làm nhà, ta đã tìm được bạn!

Từ nay bạn không còn cất nhà cho ta nữa.

Tất cả sườn nhà đều gãy, cây đòn dông của bạn dựng lên cũng bị phá tan.

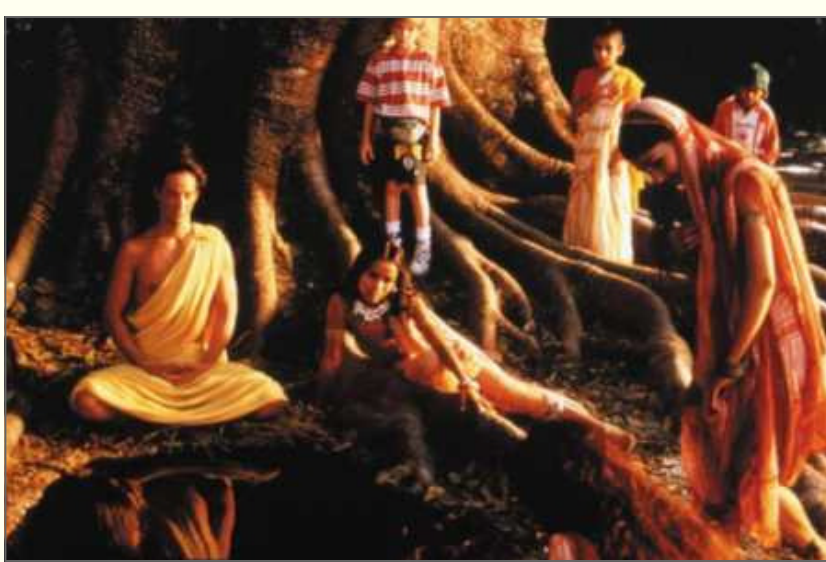
Ta đã chứng nghiệm quả vô sanh bất diệt, và ta đã tận diệt mọi Ái dục.

B: Đúng vậy, lời tuyên bố thật là tuyệt vời, đây là sự kiện hiển nhiên cho thấy Phật tử tin Phật thì tin sinh tử luân hồi, nhân quả, nhân duyên...

C: Mình nhớ cảnh đức Phật chiến đấu với ma vương, nói chuyện với người thợ xây nhà... đều có sự chứng kiến của cả hai cha con Jesse và hai em bé Ấn Độ nữa! Có phải vậy không?

A: Phải rồi, bởi vậy mới nói đạo điển "lồng" lịch sử đức Phật Thích-ca vào truyện phim mới từ từ giải thích, hướng dẫn người xem vào các vấn đề tái sinh, nhân quả, duyên khởi, nghiệp, v.v... theo quan điểm Phật giáo chứ! Lịch sử đức





Phật được kể song song với diễn tiến của truyện phim nên rất sinh động, như đang xảy ra chứ không phải là chuyện của hai ba ngàn năm trước. Đây đúng là phương pháp hoàng pháp thật hữu hiệu!

B: Chính thế! Người thợ làm nhà không ai xa lạ, mà chính là đang ẩn tàng trong mỗi chúng ta, đó chính là Ái dục. Cái sườn nhà là những tâm ô nhiễm: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, không biết hổ thẹn, lừa dối, phóng dật, v.v... Cây đòn dông là căn nguyên xuất phát mọi dục vọng, đó là vô minh.

C: Thật vậy, nhờ xem phim, các em ngành Thiếu hiểu rõ thế nào là ngôn ngữ biểu tượng, chúng ta không cần định nghĩa lời thoại. Các em hiểu được "phá vỡ cây đòn dông" bằng trí tuệ hay "dùng trí tuệ làm sập căn nhà ngũ uẩn" có ý nghĩa là gì - các em đã học ngũ uẩn, 12 nhân duyên rồi thì càng dễ nắm bắt!

A: Mình nghĩ đó là lợi điểm của phương pháp giáo dục thính thị, vừa được nhìn, nghe kể chuyện, nghe giảng giải, v.v... thì tác động gấp nhiều lần so với chỉ được nghe, mà không được nhìn thấy... hay ngược lại!

B: Mình suy nghĩ không biết chúng ta có thể bắt chước đạo diễn, lồng những bài Phật pháp vào những trò chơi điện tử (games) cho các em Oanh Vũ, thay vì để các em say mê những games bên ngoài, toàn cả đâm đá, la hét, gợi sự bạo động nơi trẻ em... đó có thể là phần nào đóng góp vào những vụ xách súng vào trường bắn bạn bè, thầy cô giáo...

C: Đã không đặt vấn đề thì thôi chứ đã đặt ra thì thế nào cũng có cách giải quyết, anh chị em

nha! Vì vậy, chúng ta còn phải nhờ quý Thầy cố vấn nữa - trước khi đưa ra phổ biến rộng rãi.

B: Đúng! Đúng! nhưng trở lại truyện phim "Little Buddha" với đoạn kết thật cảm động.

C: Các bạn kể đi, mình quên rồi, hình như cuối cùng ông Lama Norbu viên tịch phải không?

A: Phải rồi, Lama Norbu ra đi nhẹ nhàng sau khi gập gờ cả ba đứa trẻ, đưa các em về tu viện làm quen với các trẻ em cùng tuổi và cùng căn cơ. Một hôm Lama Norbu ngồi thiền rồi "đi" luôn. Một buổi lễ cầu nguyện theo truyền thống Tây Tạng hết sức trang nghiêm, hoành tráng làm mọi người xúc động, nét mặt ai cũng buồn thương tiếc, cả ba đứa trẻ [lúc đó đã được công nhận là hóa thân của Lama Dorje, mặc lễ phục, đội "vương miện" (?)] cũng có phong cách chững chạc, trang trọng như chư Tăng - không cười đùa, mất trật tự... như các trẻ em cùng tuổi ở ngoài đời - Dean, cha của Jesse cũng tỏ ra đau buồn vì đã được Lama Norbu xem như bạn trong thời gian chung sống và mới hôm qua còn thăm hỏi nhau, Lama nói với Dean ông thấy hơi mệt...

B: Tro của Lama Norbu được phân chia ra và ba em cũng được chia phần; cảnh cuối là ở tại trú xứ của ba em, mỗi em "xử lý" phần tro theo kiểu riêng: Jesse cùng với cha mẹ, đi thuyền ra giữa biển, rải tro xuống nước; em bé gái đem cất vào hốc cây trong vườn cây của em - vườn cây chưng bày giống như Bồ-đề đạo tràng, nơi đức Phật Thích-ca thành đạo - còn em bé trai "bụi đời" thì treo gói tro vào một bong bóng bay, cho bay lên bầu trời.

(ACE) chúng ta có "trí tuệ tập thể" mà!

A: Sáng kiến của các bạn rất hay nhưng ngoài vấn đề kỹ thuật còn có vấn đề nội dung trò chơi có chuyên chở đúng giáo lý hay không nữa đó

C: Mình nhớ lại rồi, lúc trở về Seattle thì mẹ của Jesse đang có thai phải không? Cái bụng lớn đã trông thấy rõ được rồi.

A: Đúng vậy, truyện phim kết thúc khi Lama Norbu viên tịch và một bào thai vừa hình thành trong bụng của Lisa... khiến cho khán giả dù muốn dù không phải trầm tư về sinh, tử, tái sinh, lại chết... nghĩa là vòng luân hồi vô tận.

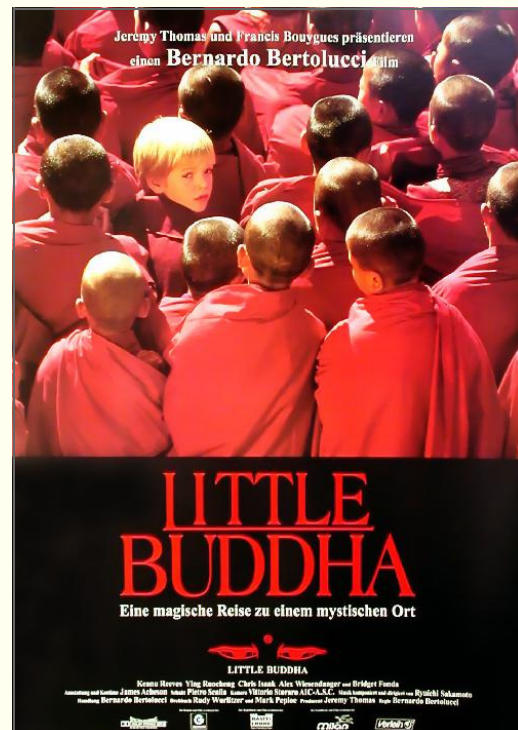
B: Vậy cho nên mình mới nói buổi hội luận của chúng mình hôm nay không chỉ nói về một "Ông Phật nhỏ" mà cả Ông Phật trong mỗi con người và những vấn đề như nhân quả, nhân duyên, con đường trung đạo, v.v... mà ACE chúng mình đã được học trong Phật pháp nữa.

C: Thật vậy, mình thấy được lợi lạc nhiều; cảm ơn các bạn lắm.

A: Nhân mùa Phật Đản, mình thân chúc các bạn và tất cả ACE Áo Lam khi tham dự Lễ Tắm Phật, nhớ thường xuyên tắm cho "Ông Phật nhỏ" ẩn tàng bên trong chúng ta nữa nha!

B: Mình cũng xin chúc mọi người một mùa Phật Đản an lạc và giải thoát. Xin tạm biệt và hẹn tái ngộ!

A và C: Tạm biệt! Tạm biệt!



TÂM ĐẠI BI

Thích Nữ Trí Hải dịch

Sự thực hành tâm thương xót là điều rất quan trọng và có lợi ích cho mọi người có tôn giáo hay không có tôn giáo. Dù chúng ta chưa có thể suy lường những lợi ích tối hậu tốt cùng của việc thực hành tâm thương xót, ta cũng có thể thấy được nhiều lợi ích giai đoạn của lòng xót thương. Người mà không có lòng thương xót thì không phải là kẻ có thiện tâm.

Một ngày kia, trong lúc Milarepa - thiền giả vĩ đại của Tây tạng, đang tĩnh tọa trong một hang động, ông nghe huyền não bên ngoài và trông thấy một bầy dã thú tiến về phía động. Milarepa nghĩ có lẽ một kẻ thù ông đang xua bầy thú đến. Khi ấy một con chó săn xuất hiện, ngồi ngoài hang cùng với những con dã thú. Những dã thú này đối với con chó săn đã trở thành bạn hữu. Chẳng bao lâu, người thợ săn đi đến. Ông ta ngạc nhiên thấy con chó mình huấn luyện để săn dã thú bây giờ lại làm bạn với dã thú. Tình bạn giữa con chó và bầy thú hoang đã phát sinh nhờ năng lực từ tâm của Milarepa. Nghĩ rằng Milarepa đã bỏ bùa cho con chó của mình, người thợ săn giận dữ nói:

"Ông đã làm gì con chó của tôi? Bình thường gặp thú rừng là nó bắt ngay."

Càng nghĩ càng tức, thợ săn bảo Milarepa: "Tôi muốn giết ông!!"

Milarepa đáp: "Ông mang một thân người nhưng tâm ông là cái tâm thú vật. Đức Phật dạy thân người rất quý; thể nhưng thân người như của ông thật không quý chút nào. Tâm ông không khác gì tâm của một con thú."

Vậy là theo Milarepa, những người không có lòng thương xót đầu mang thân người mà tâm không khác gì thú vật. Vì chúng

ta đã được thân người nên điều quan trọng là thực hành tâm thương xót. Tâm đại bi (thương xót) sẽ được giải thích ở đây dưới bốn phần.

Phần một là định nghĩa về tâm đại bi. Phần hai sẽ phác họa những lợi ích của việc thực hành tâm đại bi. Kế tiếp, những đối tượng của tâm đại bi sẽ được bàn đến.

ĐỊNH NGHĨA TÂM ĐẠI BI

Tâm đại bi được định nghĩa là một tư tưởng tốt lành mong mọi người khác thoát khỏi đau khổ. Tâm đại bi muốn làm vơi bớt những nỗi thống khổ và rắc rối của hữu tình.

Khi một thành phần trong gia đình như cha ta bị đau ốm, và ta phát sinh một ước muốn mãnh liệt mong ông khỏi bệnh, thì đây là một điển hình về tâm đại bi. Hay khi một người bạn ta gặp rắc rối mà ta mong cho họ thoát khỏi rối ren, thì đây cũng là tâm thương xót.

Có thể một đôi khi, lòng xót thương bị lẫn lộn với sự ái luyến ràng buộc. Khi phát sinh tâm thương xót thân quyến bạn bè, đôi lúc lòng xót thương ấy bị lẫn lộn với thói ràng buộc. Mặc dù tâm xót thương để bị lẫn lộn với sự chấp trước ái luyến, song cũng thực quan trọng để thực hành và đào luyện tâm thương xót đối với bạn bè thân quyến chúng ta. Nếu trước hết ta không có lòng xót thương đối với thân bằng quyến thuộc thì làm sao ta có thể khai triển lòng xót thương đối với các hữu tình khác? Bởi thế, phát triển lòng thương xót, mong mỏi cho bạn bè thân quyến của

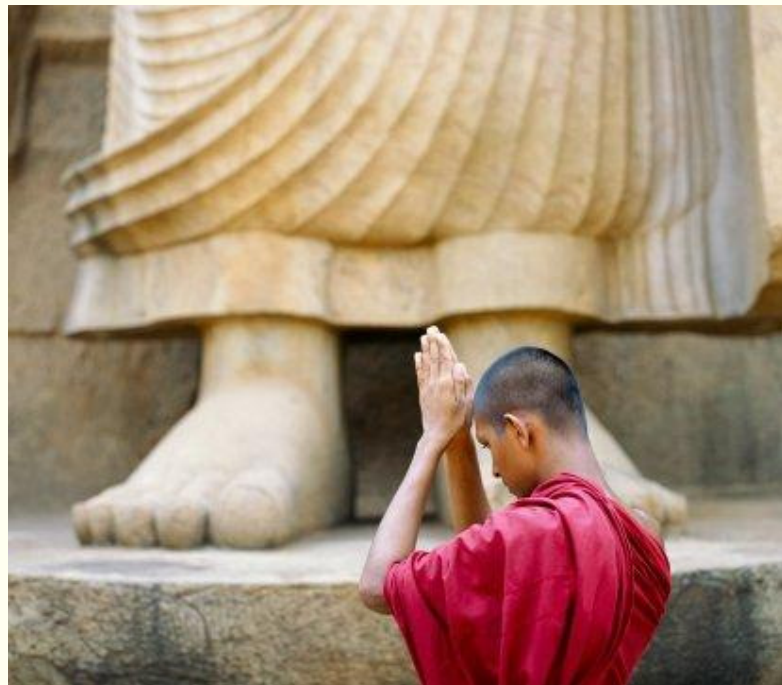
mình thoát khỏi khổ ách, chính là khởi điểm từ đây ta tu tập tâm đại bi lòng thương xót rộng lớn hơn.

Nếu ta muốn phát triển một ước mong rất mãnh liệt, mong cho tất cả hữu tình thoát khỏi đau khổ, thì đây là tâm đại bi, lòng xót thương lớn. Lúc đầu thực khó mà khai triển tâm đại bi rộng lớn này đối với tất cả hữu tình. Muốn đạt đến tâm bi mẫn rộng lớn này thì trước tiên ta phải thực tập lòng thương xót đối với một nhóm nhỏ chúng sinh, rồi từ từ trải rộng tâm ấy ra cho đến khi nó bao quát toàn bộ tất cả hữu tình.

Thực dễ hiểu rằng tâm đại bi là tư tưởng mong cho hữu tình thoát khỏi những đau khổ. Nhưng hiểu về tâm đại bi trên bình diện tri thức chưa đủ, đồng thời ta phải cố gắng thực hành lòng thương xót. Muốn thực hành tâm thương xót, chúng ta làm phát sinh sự bi mẫn ở trong tâm thức ta. Khi thiền quán về tâm bi chẳng hạn, ta không cần phải thực hiện một thân nghiệp nào, mà điều cốt yếu là khai triển lòng thương xót trong tâm ta, xoay tâm ta về một hướng tốt lành tích cực.

NHỮNG LỢI LẠC CỦA TÂM ĐẠI BI

Người ta bảo rằng có nhiều lợi lạc do sự thực hành tâm đại bi quý báu này mang lại. Nếu ta thực hành đại bi tâm, điều này sẽ giúp ta cảm nghiệm được phúc lạc và sự an bình, và cũng giúp



đem lại sự an tâm cho những chúng sinh khác. Tâm đại bi làm tiêu tan những tư tưởng tiêu cực trong ta như giận dữ, ganh tị, vândân, và giúp ta khắc phục được tâm bệnh. Sự thực hành tâm đại bi làm cho tâm ta rất an ổn và giúp tịnh hóa những hành vi tiêu cực hay ác nghiệp của chúng ta. Thiền quán về tâm đại bi và tâm bồ đề, thực hành hai thứ tâm ấy có năng lực lớn lao làm thanh tịnh ác nghiệp.

Nhờ chuyên tâm thực hành tâm đại bi, ta sẽ được những người khác đối xử tử tế với ta. Nó cũng đưa đến một tái sinh làm người có thân tướng đẹp đẽ hoặc làm một vị trời. Kết quả của sự thực hành tâm đại bi là ta được người khác kính trọng thân mến. Ngoài ra còn có nhiều lợi lạc tạm thời như vậy do thực hành tâm đại bi.

Những lợi ích tối hậu của việc thực hành tâm đại bi là, ta có thể nhanh chóng phát triển tâm bồ đề-tâm giác ngộ. Một người thực hành tâm đại bi cũng có thể nhanh chóng đạt đến những con đường tâm linh khác đưa đến giác ngộ. Lại nữa, khi người thực hành tâm đại bi đạt thành Phật quả, thì vị ấy có thể làm lợi ích cho chúng sinh bằng nhiều cách. Sau khi đạt thành chánh giác, chư Phật làm lợi ích cho các loài hữu tình vì các ngài có tâm đại bi rộng lớn. Nếu không có tâm đại bi người ta cũng có thể đạt đến Niết bàn như A la hán của truyền thống tiểu thừa. Một vị A la hán thì không còn đau khổ, nhưng thiếu cái động lực đại bi rộng lớn để làm việc vì lợi ích cho tất cả hữu tình. Trái lại chư Phật thì có tâm đại bi đáng tôn quý và các ngài làm việc không dừng nghỉ để lợi ích cho chúng sinh. Nếu có tâm đại bi, người ta sẽ xem những người khác đáng quý hơn bản thân mình.

Bậc thầy vĩ đại của giáo lý đại thừa là Nguyệt xứng có nói tâm đại bi là rất quan trọng ở chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối của sự thực hành Pháp Phật. Điều này trước hết có nghĩa nếu ta có tâm đại bi thì ta có thể đi vào đạo lộ đại thừa. Thứ hai là, nhờ năng lực của tâm đại bi mà ta có thể

kiện toàn tất cả những pháp môn khác thuộc truyền thống đại thừa giáo. Thứ ba, điều này có nghĩa rằng ta có thể làm việc vì lợi ích các hữu tình sau khi đạt thành chánh giác.

Trước đây chúng ta đã nhiều lần đề cập tâm đại bi là cội rễ của các đạo lộ đại thừa và cũng là cội gốc của bồ đề tâm. Bởi thế sự thực hành tâm đại bi đem lại nhiều lợi ích không thể tưởng tượng. Nếu ta phát triển một tâm đại bi rất xứng đáng, thì đây là một tâm quý báu mà nhiều chúng sinh khác không có được, dù cho một vị trời cao như trời Đại Phạm cũng không có được. Một người phát sinh được tâm đại bi là có được một cái tâm rất đặc biệt và có giá trị.

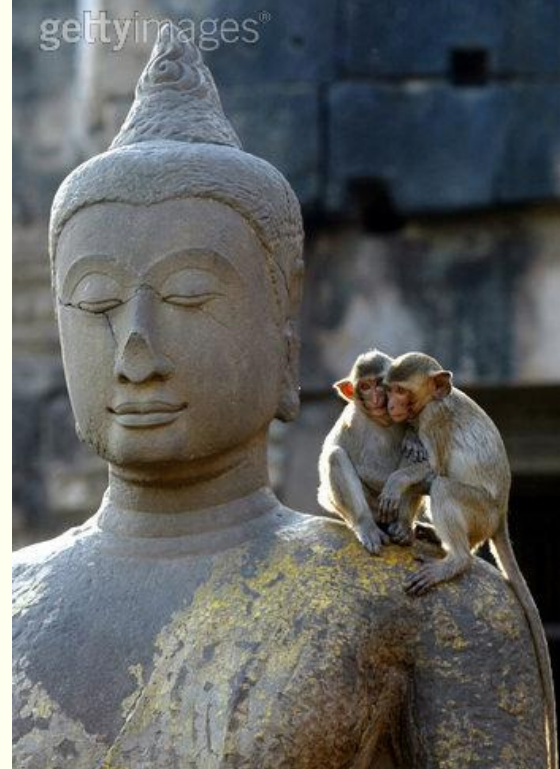
Khi ta quán xét những lợi lạc tạm thời và tối hậu của tâm đại bi thì ta sẽ phát khởi một ước muốn mãnh liệt mong thực hành đại bi.

NHỮNG ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐẠI BI

Tất cả hữu tình là đối tượng của đại bi tâm. Không có một chúng sinh nào không là đối tượng của tâm đại bi, vì tất cả mọi hữu tình đều cảm thọ đau khổ. Tất cả chúng sinh đều có những nỗi đau, những vấn đề rắc rối và những nỗi lo sợ; bởi thế tất cả chúng sinh đều là đối tượng của tâm đại bi. Ta cần phải trải rộng tâm xót thương đến tất cả hữu tình.

Người ta bảo chư Phật và những bậc chứng ngộ không phải là đối tượng của tâm đại bi. Lý do vì chư Phật không cảm thọ khổ đau hay rắc rối. Vậy, chúng ta không cần phải thiền quán về tâm đại bi đối với chư Phật; thay vì thế chúng ta nên thiền quán về lòng bi mẫn đối với tất cả hữu tình. Đôi khi một chúng sinh cũng có thể cảm thấy xót thương đối với một đức Phật. Nhưng đây có phải thực là tâm đại bi hay không? Có một mẫu chuyện chứng minh điểm này.

Xưa bên bờ sông Hằng có một bà lão bị bệnh cùi ở trong tình trạng hết sức bi đát. Kỳ thực bà là một hóa thân của Kim cương thần nữ đang giả dạng bà già đáng thương. Khi gặp bà lão, vị tỷ kheo Kusali hết sức bi cảm, hỏi bà muốn đi đâu. Bà nói: "Tôi muốn sang bờ bên kia sông Hằng. Đã nhiều ngày tôi ở đây chờ vì không ai giúp đỡ.



Tôi cần người cõng."

Vị tỷ kheo phát sinh tâm thương xót mãnh liệt và nói: "Bà hãy leo lên lưng tôi, tôi sẽ đưa bà sang sông."

Với bà già trên lưng, vị tỷ kheo khởi sự vượt qua sông Hằng. Khi đến giữa dòng sông, bà già hiện hình Kim cương thần nữ đưa tỷ kheo đến cõi tịnh của bà.

Trong câu chuyện này, người khởi tâm đại bi là một phạm phu, còn đối tượng của tâm đại bi lại là một vị Phật. Nhưng khi phát sinh lòng thương xót đối với bà già, vị tỷ kheo không nhận ra rằng đối tượng làm ông xót thương là một hóa thân của Kim cương thần nữ chứ không phải một hữu tình khổ khổ. Ông không cố ý xót thương một đức Phật. Nếu ta nhận ra được đối tượng kia là Phật mà khởi tâm thương xót, thì đó là một sự xót thương lầm lạc. Nhưng vị tỷ kheo trong truyện này không biết đối tượng làm ông khởi tâm đại bi chính là Phật chứ không phải một bà già, nên lòng xót thương nơi ông không phải sai. Nhưng phần đông đối tượng làm ta thương xót đều là những hữu tình.

"Phật Giáo Truyền Thống Đại Thừa"

Thích Nữ Trí Hải (dịch)

CHUYỆN TRÊN ĐỒI HOA SỨ

Lam Khê

- Bà già điên vừa gặp lại con....

Hồi mới đổi về dạy học nơi vùng ven biển, tôi có nghe các bạn đồng nghiệp kể chuyện người đàn bà điên sống trên một ngọn đồi. Mấy cậu học trò thì bảo:

- Tụi em hay lên đồi hái hoa sứ. Bà già điên ở trong một am thất bỏ hoang, suốt ngày cứ nói làm nhảm như ma nhập. Người lớn cấm ngặt chúng em lên đó. Vì nghe nói thời chiến tranh, trên đồi có nhiều người chết oan. Những vong hồn uống tử vẫn còn lẫn khuất chưa siêu độ. Vị sư cư trú trong thảo am cùng chú tiểu- con của bà điên cũng bị bọn Tây bắn chết rồi quăng xác xuống biển...

Câu chuyện thật thương tâm. Muốn tìm hiểu thực hư về người mẹ gặp lại con sau chừng ấy năm trời, nên sẵn dịp đến thăm bệnh một em học sinh, tôi liền tìm lên đồi hoa sứ...

... Thờ ấ có người con gái làng chài, vừa bước qua tuổi đôi mươi, tâm hồn thơ ngây mộc mạc như cỏ nội hoa đồng. Không thuộc loại sắc nước hương trời, nhưng cô cũng có chút duyên ngầm xinh xắn đáng yêu. Những ngày rỗi việc, cô theo chúng bạn lên đồi hái hoa ngắm cảnh nên biết có vị sư ẩn tu trên này. Từ đó cô thường lui tới thảo am dâng hương cúng Phật. Và cũng từ đó... bao chuyện đời dun rủ đẩy đưa người con gái vào trong một khúc quanh bi lụy đoạn trường. Thời Pháp thuộc, dân miền biển vốn nghèo lại càng khổ khổ vì nạn sưu cao thuế nặng. Bọn quan lại thừa nước đục mạnh tay bóc lột dân đen đến tận xương tủy. Cha cô gái cũng nằm trong số người bị bắt bớ giam cầm vì không đủ tiền đóng thuế thân.

Bước đường cùng, cô gái đành nhận lời lấy một hào phú góa vợ trên phố để cứu cha thoát khỏi vòng lao lý. Về làm dâu nhà

giàu, thân cô hứng chịu muôn vàn nỗi đắng cay tủi cực. Rồi cô có thai và sanh con. Niềm vui lớn lao của người mẹ trẻ thoáng chốc chẳng tày gang, khi tai bay vạ gió bất ngờ ập tới. Đứa con riêng của chồng trong lúc vui chơi chèn chén gây sự đã thương một viên quan Pháp, phải vào tù. Mẹ chồng buồn phiền lâm trọng bệnh. Gia đình nhà chồng liên tiếp xảy ra bao chuyện trộm cắp thua lỗ kiện cáo. Sau khi lo chạy án cho con, thuốc thang cho mẹ, thì gia sản nhà hào phú cũng gần khánh kiệt. Nghe lời thầy pháp, ông cương quyết đuổi hai mẹ con cô ra khỏi nhà, cho rằng đứa bé không phải là máu mủ của mình. Và chính cô đã mang lại điều xúi quẩy đến cho gia đình họ. Không lời biện bạch, cô ôm con trở lại xóm chài trong tâm trạng uất nghẹn đau khổ tột cùng...

Về nhà không bao lâu, cô gái do quần trí quá mà sanh bệnh, suốt ngày khóc than vật vã, lúc mê lúc tỉnh. Người dân biển vốn kiêng kỵ dị đoan, họ cho cô bị tà ma quấy phá, phải đem cho đứa con thì người mẹ

mới mong khỏi bệnh mà xóm làng cũng được bình yên. Chẳng thể làm gì khác, cha mẹ cô bèn đưa cháu lên đồi gởi cho vị sư. Cảm cảnh thương tâm, sư nhận lời nuôi nấng đứa trẻ. Những lúc hồi tỉnh, cô cũng tìm lên đồi thăm con. Thế là người ta bắt đầu đồn thổi cho rằng đứa bé là con của vị sư. Mọi người không ngớt dè bieu nặng lời: "Nhà sư phá giới phạm trai, làm khổ đời con gái người ta, tu gì mà tu..." Họ khinh bỉ xem thường Sư ra mặt. Trước sau Sư vẫn im lặng nhẫn nhịn. Ngày ngày Sư cuốc đất trồng cây, lượm hoa sứ bán cho những lái buôn xa. Hai thầy trò đắp đổi qua ngày. Thấm thoát, đứa bé ở với Sư đã được bảy năm.

Nghe nhiều người nói, bà mẹ gã hào phú tìm lên đồi, xúc động khi thấy chú đạo nhỏ giống con trai mình như đúc. Bà về bàn với con, sẽ lên thưa Sư xin nhận lại cháu nội. Bấy giờ mọi người mới vỡ lẽ. Thì ra lâu nay họ nghi ngờ một nhà tu hành chơn chính. Họ đã nặng lời khinh miệt biết bao. Vậy mà sư vẫn không một lời phân trần giải thích. Lòng từ bi đức độ và tâm nguyện nhẫn nhục của nhà sư, khiến mọi người càng thêm khâm phục kính ngưỡng.

Gia đình nhà hào phú chưa kịp lên đưa con về thì tình hình an ninh trên đồi đã trở nên bất ổn. Nơi đây gần cửa biển, là vùng chiến lược quân sự và một cuộc chiến sống chết giành lại chủ quyền sắp xảy ra. Dân quân cách





mạng vừa đến dựng trại ngay dưới chân đồi. Người ta khuyên nhà sư dời đi nơi khác, nhưng ông còn chần chừ. Thế rồi một đêm, cả làng chài bùng thức dậy khi nghe tiếng súng nổ dữ dội vọng lại từ đồi hoa sứ. Mọi người nơm nớp lo âu. Tàu chiến Pháp có chỉ điểm, bắt ngờ đánh úp lên đồi. Dân quân yếu thế phải rút lui.

Vài hôm sau tình hình lắng dịu, dân làng mới lần mò tìm tới thảo am. Cảnh vật điêu tàn. Thảo am bỏ trống. Xung quanh đồi có nhiều xác chết, song không tìm thấy vị sư và chú tiểu. Mọi người ra sức truy tìm suốt mấy ngày liền vẫn chẳng thấy tăm hơi. Người ta lại xôn xao bàn tán. Người thì nhất quyết nói bọn Tây khếp tội nhà sư nuôi chứa quân cách mạng nên đã bắn ông và chú tiểu quăng xác xuống biển. Người lại chắc chắn thấy hai thầy trò sư được dân quân bảo vệ đưa ra khỏi vòng nguy hiểm. Có thể ông đã theo họ vào căn cứ. Dân làng bán tin bán nghi, chẳng rõ thực hư thế nào, họ chỉ còn biết nguyện cầu và chờ đợi. Thời gian trôi qua,

những cây sứ già cỗi vươn cành, ra hoa trở sắc đã bao mùa. Duy có sư là bật vô âm tín. Nghĩ sư đã mất, mọi người cùng nhau xây ngôi tháp vọng để tưởng nhớ và lập bài vị thờ cả hai thầy trò trong thảo am. Hơn nửa thế kỷ trôi qua rồi. Biết bao cảnh tang thương dâu bể đổi dời. Chuyện chú tiểu ngày xưa trở về quá là điều không tưởng...

Tôi bước lên đồi. Choáng ngợp trước một rừng hoa đại xum xuê rộng lớn. Những gốc cây sù sì, gân guốc tua tủa như đôi tay lực sĩ mạnh mẽ vươn cao. Biển trời bao la. Mây núi điệp trùng. Dù là nơi thanh khí tu hành, nhưng cảnh trí còn nhuộm đầy màu sắc u linh chết chóc. Từ ngày hai thầy trò vị sư mất tích, chẳng mấy ai dám lui tới ngọn đồi. Duy chỉ có người mẹ mất con, một mình lang thang kiếm tìm khắp nẻo. Về già, tâm trí có phần tỉnh táo hơn và vì không còn sức xuống lên, bà ở hẳn luôn trên này. Dân làng cắt cỏ chòi nhỏ phía sau thất để bà trú ngụ, lại chu cấp gạo muối nhang đèn để bà sinh sống hằng ngày lo khăn hương lạy Phật.

... Một bà lão già khom, vận bộ đồ vật màu nâu bạc đang quét gom hoa sứ. Bà dừng tay khi tôi bước tới chào:

- Chú em mày lên thăm thầy phải không? Thầy đang ngồi thiền, đừng làm ồn...

Trong gian tịnh thất nhỏ, duy nhất một bức tượng Thích Ca ngồi yên vị trên chiếc bệ xi măng ám khói. Nhìn dáng dấp cùng gương mặt vị sư ngồi thiền, bất giác tôi nhíu mày: "Vị thầy còn rất trẻ, khoảng ngoài ba mươi. Đâu lý nào..."

Chưa tin lắm vào trực giác của mình. Song rõ ràng đây không thể là chú tiểu năm xưa. Như vậy điều thần kỳ mà người ta nghĩ, họa chăng chỉ nằm trong giấc mơ và tâm tưởng của người mẹ già mà thôi.

"Ngọn đồi Hoa Sứ bây giờ khác xưa nhiều lắm. Một vị thầy người địa phương cảm cảnh phong thủy hữu tình tìm đến lưu trú tu niệm, sau đó mở Đạo

tràng niệm Phật khuyến hóa người dân trong vùng. Năm nay nhân ngày giỗ nhà Sư, luôn thể thầy khánh thành ngôi chánh điện vừa được tôn tạo, và lập đàn chẩn tế cầu siêu bạt độ cho những vong hồn chết oan. Thượng tọa Nhất Thiên có vẻ dự lễ. Chúng em rất mong thầy."

Cậu học trò viết thư kể về vùng biển quê mình. Những ngày lưu trú nơi ấy, tôi thường lên đồi đàm đạo cùng thầy Nhất Thiên. Sau này trở nên thân thiết hơn, tôi mới nói lên điều ngỡ vực trong lòng, thầy cười lớn:

- Dĩ nhiên là ai cũng dễ dàng nhận ra, chỉ có bà lão... Mới đầu tôi định ra vùng này dưỡng bệnh ít tháng. Khi nghe người ta kể câu chuyện thương tâm nên động lòng và cũng vì tò mò. Khi tôi lên đây thì thấy bà đang quỳ lạy Phật rất thành tâm nên buột miệng kêu lên: "Mẹ!" Bà lão quay lại, sững người nhìn tôi giây lát, rồi bất ngờ sụp xuống ôm chầm lấy chân tôi nức nở: "Phải con về đó không. Mẹ chờ con suốt bao nhiêu năm nay. Mẹ lạy Bồ Tát, xin cho con trở về... Bồ Tát thật linh ứng. Con ơi!" Thấy bà lão đáng thương quá, tôi không thể làm gì khác hơn. Có lẽ từ nhiều kiếp xa xưa, tôi và bà đã là mẹ con. Phật nói chúng sanh luân hồi qua lại cũng từng làm cha mẹ con cái với nhau. Từ ngày nhận con, bà gần như hồi phục.

Tôi hỏi:

- Nhưng... e rằng rồi đây, bà sẽ biết mình ngộ nhận.

Thầy gật đầu:

- Người bình thường đôi khi còn ngộ nhận, huống là... Có lẽ nghiệp lực của bà lão đang đến hồi xoay chuyển. Hằng ngày bà chuyên tâm niệm Phật nghe kinh, vui sống với hiện tại là được rồi. Tôi đến đây chỉ để trợ duyên bà vượt qua mọi khoảnh khắc cuối đời.

Sau khi bà lão mất, tôi cùng vị thầy cũng rời xa xóm biển. Cuộc sống vẫn bình lặng như bao giờ. Điều diệu kỳ hy hữu dù không xảy ra, nhưng bao đau khổ chấp mê của một đời... thoáng chốc tan biến theo sương khói trần gian mộng ảo.

HÌNH ẢNH LỄ TIÊU TƯỜNG CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN TẠI CHÙA BÁT NHA, SANTA ANA, NGÀY 10.3.2012



NHƯ MỘT DÒNG SÔNG

Thích nữ Giới Định

Ngôi chùa thật đơn sơ khiêm tốn nép mình sau những cây cổ thụ. Không gian vắng lặng, yên tĩnh. Càng về khuya sương xuống làm cho ngôi già lam mờ ảo thêm lung linh. Hình ảnh Đức Phật Di Lặc vẫn đang mỉm cười an nhiên tự tại mặc cho cuộc thế thay đổi nhân tình đổi thay. Thình thoảng một vài chiếc xe chạy lướt nhanh trong đêm khuya như đang cùng tranh đua với thời gian vẫn đang âm thầm đi qua nhanh trên mái đầu của một kiếp người. Những chú dế đi rong rúp trong bụi cây đại đang thò thè điệu nhạc du dương, rì rả làm cho người nghe dâng lên nỗi buồn man mác. Không gian như ngừng đọng, nhưng có lúc không gian đó, hoàn cảnh đó làm cho con người thật đau lòng.

Một năm trôi qua nhanh những mất mát hụt hẫng làm cho lòng con chạnh nhớ xót xa, chung quanh hoàn toàn im lặng khác hẳn không khí ban mai. Sáng nay chư tôn đức giáo phẩm trong Giáo Hội Phật Việt Nam Giáo Thống Nhất Hoa Kỳ, môn đồ pháp quyến, thân hào nhân sĩ, quý đồng hương phật tử long trọng tổ chức lễ tiểu tường cổ Hòa Thượng Chủ tịch Hội đồng Điều hành, thượng Trí hạ Chơn, tại chùa Bát Nhã thành phố Santa Ana, tiểu bang California. Hôm nay ngày tiểu tường của Ôn.

Mới đó mà một năm đã trôi qua, một năm nhiều mất mát đau thương, nhất là phải đối diện trước sự sanh ly tử biệt, theo thời gian, những người thân lần lượt ra đi: Sư chị Giới Quang, người có công không ít trong sự thành tựu trí tuệ của các tiểu đệ; Sư Ôn, bậc mô phạm trong chốn thiền môn, một nhân tài của Phật giáo, vị cao tăng trong môn phái; và Ba, người sanh thành dưỡng dục cho con tấm thân này hướng dẫn con biết hướng về chánh đạo. Cả ba người đều từ giã hồng trần đi về cảnh Phật, thật đau lòng, thật xót xa! Tuy biết có

sanh ắt có tử đó là một định luật nghìn thu nhưng liên tiếp những mất mát như vậy làm sao không đau lòng cho được?

Kính bạch giác linh Ôn! Chức vụ của Ôn quá cao, học vị của Ôn ít người sánh kịp, nhưng con vẫn gọi bằng chữ "Ôn" thật kính quý. Lần đầu tiên gặp Ôn tại chùa Bát Nhã con đã mạnh dạn đến chào và cho Ôn biết về Tổ đình pháp phái của con. Theo tông môn, con gọi Ôn là Sư Bả vì sư bà con là đệ tử của Ngài đệ tam Tăng thống cùng xuất thân từ chùa Linh Mục đất thần kinh, cùng đồng môn với Ôn. Con chỉ thưa được vài câu rồi Ôn bận họp với quý Hòa thượng trong giáo hội. Cuộc điện kiến gián đoạn, con lo đi làm việc của một thị giả nhưng trong lòng vui lắm vì nơi đất khách quê người có thêm một người thân, người mà rất nhiều năm con đã từng nghe các bậc tôn túc trong sơn môn nhắc đến mỗi khi có dịp về tổ đình. Con hình dung Ôn là một người cao to lớn mới có trí tuệ uyên thâm, nhưng không phải như vậy: trong thân hình khiêm tốn nhưng mang cả một triết lý cao siêu tuyệt vời. Ôn đã đến và đi như một dòng sông, lặng lẽ dâng hiến cả trái tim, cả cuộc đời cho giáo hội, đạo pháp và con người, tạo dựng rất nhiều già lam nhưng không trụ vào một chỗ nào, cuộc sống giản dị đến khó hiểu, cái cặp tạp thường mang theo bên mình trong đó có cả ba y, ít dụng cụ cá nhân, chiếc xe cũ kỹ dấn nhiều băng keo, đó là phương tiện để Ôn đi bưu điện bỏ báo hàng tháng đến các tiểu bang xa xôi. Ngày các huynh đệ dọn phòng Ôn sau khi Ôn viên tịch, không ai nói với ai nhưng trong thâm tâm mọi người đang nhỏ những giọt nước mắt kính tiếc, xúc động khi thấy đời sống của Ôn quá giản dị, quá đơn sơ: một chiếc giường nhỏ, một cái bàn gỗ trôn tru, xung quanh Ôn toàn là

kinh luật, sách vở báo chí, bình nước uống chưa hết, nồi cơm gạo lúc còn bỏ dở, chảo muối mè vẫn còn đầy... nhưng người thì không còn! Ôn luôn từ chối khi có người quan tâm hỏi han săn sóc, vì Ôn sợ phiền. Có lần Ôn nói "bữa ni Ôn ăn ít lắm con đừng rang mè nữa, khi nào cần thì Ôn gọi." Nhìn Ôn con thấy vẫn bình thường không có dấu hiệu của bệnh tật. Ngày 19-2-2011 thầy Quảng Thiện chở Ôn từ Phật Học Viện Quốc Tế về chùa Bát Nhã lấy báo, lấy mè, đó là lần cuối cùng con gặp Ôn. Lúc ấy Ôn vẫn khoẻ, tươi cười cho bì lì xì và chúc con đi bình an. Suốt ngày bận rộn cho chuyến về thăm quê hương con không nghe điện thoại. Ngôi chờ máy bay ở phi trường Los Angeles ngày 21-2 lúc 11:25 pm mở máy nghe tin nhắn của Ôn lúc 8:20 pm: "Giới Định con gọi lại Ôn gặp." Con gọi liền nhưng máy đã khóa rồi, suy nghĩ vẫn vơ nhưng biết làm sao đây... Con không ngờ đó là lần cuối cùng Ôn gọi điện thoại cho con.

Vẫn thường liên lạc về chùa con biết Ôn đang bệnh và tịnh dưỡng tại chùa Bát Nhã được Hòa thượng trụ trì, tăng ni bốn tự và quý thầy cô trong môn phái hết lòng chăm sóc thuốc thang cho Ôn. Ôn vẫn tỉnh táo nói chuyện minh mẫn, dặn dò những gì Ôn cần dặn, không ai nghĩ là Ôn sẽ ra đi nhưng rồi Ôn vẫn đi, nhẹ nhàng, an nhiên xả bỏ báo thân trong tiếng niệm phật của đại chúng. Một con người sống trọn đời đơn giản ra đi cũng đơn giản. Ôn đã để lại cho đời nhiều tác phẩm giá trị, cho đạo bao nhiêu cảnh chùa, bậc phạm hạnh thanh tịnh, thật đúng là:





*"Gót đạo sĩ bốn phương trời rảo bước
Cõi ta bà đâu chẳng phải nhà ta
Một mình đi với bình bát ca sa
Đói xin ăn, dưới gốc cây nằm ngủ..."*
(Huyền Không)

Món quà con nhận được cuối cùng của Ôn là một miếng giấy rất nhỏ dán lên vách phòng của Ôn nhân ngày dọn phòng Ôn sau khi Ôn viên tịch, nguyên văn "Giới Định về VN 21/2/11 qua lại Mỹ 21/4/11." Nhìn những dòng chữ này, con biết Ôn tuy bận rộn bao phật sự nhưng vẫn luôn quan tâm hàng hậu học, và các ghi chú tương tự như vậy cũng cho thấy Ôn rất tỉ mỉ, ngăn nắp. Nhìn nét chữ viết tay của Ôn, y như là Ôn đang hiện hữu trước mắt, nhắc nhở con siêng năng tu tập hơn, tinh tấn hơn trong tất cả mọi công việc mà mình có thể làm được. Lời Ôn dạy rất đơn giản, nhưng thân, khẩu ý giáo là một bài học sống động, thực tiễn con nguyện cố gắng học những gì Ôn đã răn dạy.

Bây giờ Ôn đã thông dong về cõi niết bàn tịch diệt, đã đến và ra đi như làn gió bay qua bầu trời mệnh mông huyền diệu, như dòng sông tuôn về biển cả, không vướng bận không ưu sầu. Xin trả lại trần gian những gì Ôn đã làm hơn nửa thế kỷ, nhưng lịch sử Phật giáo sẽ ghi đậm nét son hành trạng một vị cao Tăng cận đại, khai sơn Tổ đình Linh Mục Hải ngoại.

Thích nữ Giới Định

Thời quê

*Giòng ánh trăng có còn trôi trên sông
Mùi sóng đêm còn nồng theo hương cỏ
Lòng viễn khách vẫn còn đây bỏ ngõ
Cố hương ơi tím ruột nỗi mong chờ*

*Vườn cau xưa gió còn thổi lao xao
Hương cau xưa còn đắm đuối lối vào
Trăng hạ tuần còn chênh chếch bóng
Trang nghiêm đứng đợi giấc xuân đào*

*Là nhung nhớ của muôn vàn kỉ niệm
Thu cũ qua cho chất ngất mong chờ
Đêm Tây phương bối rối những cơn mơ
Những cơn mơ dật dờ không rõ nét*

*Quê hương đó dòng sông Trà còn có
Bão tháng mười đê vỡ lụt ngập nhà
Đâu tháng giêng gió xuân buốt thịt da
Chợt tháng bảy nắng như là lửa đỏ*

*Nhớ quê hương thương cái nghèo cái khổ
Những xóm làng gầy guộc cả lối đi
Người xót người cũng chẳng biết giúp gì
Câu nhơn nghĩa đôi khi thành sáo rỗng*

*Đến bao giờ cho huy hoàng ước vọng
Rời một ngày được gói ghém trở về
Được một lần thơ thần dưới trăng quê
Mà mỉm cười với dòng sông xanh biếc.*

PHỈ THÚY

